NĂM THỨ 7 – NGÀY 1-9-1963

BÁCH KHOA

trong số này

ANH-VIỆT *tìm hiểu hiệp ước ngưng thí nghiệm hạn chế vũ khí nguyên tử* • *lịch sử triết lý Zen ở Nhật-bản* • NGUYỄN HỮU DUNG *văn nghệ với chánh trị trường hợp Liên Xô* • LAI SINH *đàm thoại với Staline* • VÕ QUANG YẾN *plasma, trạng thái thứ tư của vật chất* • NGUYỄN HỮU DUNG *tình trạng ba quốc gia Việt Nam, Cam Bốt, Ai Lao* • Cô PHƯƠNG THẢO *đọc « người viễn khách thứ mười » của Nghiêm Xuân Hồng* • TẦN HOÀI DẠ VŨ *ca khúc của người hai mươi* • HỮU PHƯƠNG *ngỡ ngàng* • HỮU ĐỖ *ngày mưa* • LỮ QUỲNH *những ngày còn lại* • Y UYÊN *một chỗ cho người làng tật.* •

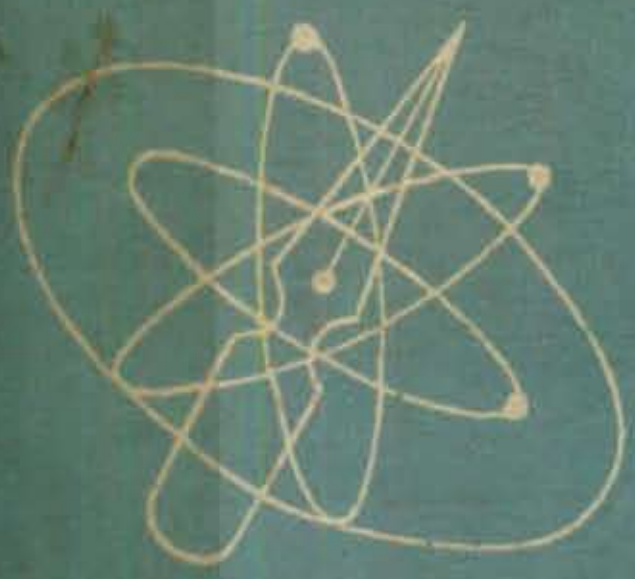

160

Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐẾN LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THỐI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIẾC NÚT KHÔNG THẤM NƯỚC, LÀM THÊ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THỐI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHẨM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LÀNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đ[illegible] bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 73$

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

138, Đại-lộ Không-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 24.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK

CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VỀ KIỂM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỐ VÀ KHO-THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TU BẢO HIỂM CHO THUÊ. MỖI TỦ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300 $ TRỞ LÊN.

Đường bay

HOA-SEN VIỆT-NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần : THỨ BA và THỨ BẢY

bằng PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA

D C 6 B

(All weather radar equipped)

Mỗi thứ Ba : Khởi hành tại SAIGON : 08 g 30

Mỗi thứ Bảy : Khởi hành tại SAIGON : 15 g 00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HÃNG DU-LỊCH HAY

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, NGUYỄN HUỆ, SAIGON. Đ.T. 21.624, 21.625, 21.626

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.I.M.

Sở thương mãi Saigon số : 157 B

Q. G. D. B. : 55.826.21.001

C. C. P. SAIGON N° 27.04

TRỤ SỞ : *29, Bến Chương-Dương — SAIGON*

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hành lang Eden, Saigon

Điện thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4 th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES

LES GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bến Chương Dương

Téléphone : 21.632-21633

AGENCE DE CHOLON :

218, đại-lộ Đồng-Khánh

Téléphone : 36.266

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

AIR SERVICE

DENIS FRERES agrée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM

SAIGON
- **AGENCE** : 32, Dai-Lô Hàm-Nghi — Tél : 20.065, 20.066, 20.067
- **BUREAUX** : 178 - 180 - 182, Duong Lê Thanh-Tôn (Marché central) — Tél. : 22.142
- — : 415 - 417, Duong Hai Ba Trung (Tân-Dinh) — Tél. : 25.172.

CHOLON : **AGENCE** : 386, Dai-lô Dông-Khanh (Cholon) — Tél. : 36.105.

KHANH-HUNG : **AGENCE** : 23, Duong Hoang-Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 160 ngày 1-9-63

ANH-VIỆT *tìm hiểu hiệp ước ngưng thí nghiệm hạn chế vũ khí nguyên tử*	3
* * * *lịch sử triết lý Zen ở Nhật Bản*	13
NGUYỄN HỮU-DUNG *văn nghệ với chính trị trường hợp Liên Xô*	21
LAI-SINH *đàm thoại với Staline*	27
VÕ-QUANG-YẾN *plasma, trạng thái thứ tư của vật chất*	39
NGUYỄN-HỮU-DUNG *môi hở răng lạnh hay là tình trạng ba quốc gia Việt-Nam, Căm-Bốt, Ai-Lao*	45
CÔ PHƯƠNG-THẢO *đọc «Người viễn khách thứ 10» của Nghiêm-Xuân-Hồng*	55
TẦN HOÀI-DẠ-VŨ *ca khúc của người hai mươi (thơ)*	69
HỮU-PHƯƠNG *ngỡ ngàng* — HỮU-ĐỖ *ngày mưa (thơ)*	70
LỮ-QUỲNH *những ngày còn lại (thơ)*	71
NGUIỄN-NHO-SA-MẠC *còn ở đó (thơ)*	72
Y-UYÊN *một chỗ cho người tàng tật (truyện ngắn)*	73

CÁO LỖI

Vì lý do đặc biệt, Bách-Khoa số 160 này ra trễ, và các mục Phỏng vấn, Sinh hoạt phải tạm gác đến kỳ tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc thân mến.

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Roumanie, mối băn khoăn của Nga Xô	VIỆT-ANH
Ý niệm về Thể : các kiểu và các vẻ đẹp	ĐOÀN-THÊM
Heidegger và Thi ca	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
Phương pháp sử học	NGUYỄN-PHƯƠNG
Đào tạo, huấn luyện và bổ nhiệm nhân viên ngoại giao tại các nước	PHẠM-TRỌNG-NHÂN
Trần-Thới-Hanh, thi-sĩ trào phúng miền Nam	NGUYỄN-VĂN-HẦU
« Chủ nghĩa xét lại »	ĐỖ-QUÂN
Vấn đề Giải-thoát trong Nguyên-thủy và Đại-thừa Phật-giáo	THANH-THUYỀN
Tìm về ấm lạnh của dĩ vãng (khí hậu hồi tiền sử)	TRẦN-KIM-THẠCH
Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt-kiều ở Pháp	MỘNG-TRUNG
Vài nét về một số nhà văn hiện đại của Châu Mỹ La-Tinh	TRÀNG-THIÊN
Người bẻ ghi (truyện dịch Mỹ-Latinh)	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
Một vài kỷ niệm về nhà văn Nhất-Linh	NGUIỄN-NGU-Í
Cái quan tài của Trúc-Anh (truyện-ngắn)	VŨ-HẠNH
Cái vóc tre (truyện ngắn)	LƯƠNG-THẾ-NAM
Thiếu đất (truyện ngắn)	Y-UYÊN
Quay trong gió lốc (truyện ngắn)	LÊ-TẤT-ĐIỀU
Gà và cha tôi (truyện ngắn)	VÕ-HỒNG

Tìm hiểu hiệp ước ngưng thí nghiệm hạn chế vũ khí nguyên tử Anh - Mỹ - Nga

ANH-VIỆT

HIỆP ước ngưng thí nghiệm hạn chế vũ khí nguyên tử Anh-Mỹ-Nga ký tạm (parafé) ngày 25-7 đã được long trọng ký kết ngày 5-8-1963 tại Mạc-Tư-Khoa giữa 3 vị ngoại trưởng Gromyko, Dean Rush và Lad Home trước sự hiện diện của các ông Khrouchtchev và U Thant, tổng thư ký Liên-Hiệp-Quốc. Một bầu không khí lạc quan, vui vẻ bao trùm buổi lễ ký kết. Ngoại Trưởng Gromyko mở tiệc ăn mừng cho hòa bình thế giới được củng cố và cho tình hữu nghị giữa các nước Anh-Mỹ-Nga được bền lâu. Khrouchtchev cũng vui vẻ nâng ly cùng U Thant chúc mừng cho hòa bình thế giới. Đức Giáo hoàng gửi điện ngợi khen và những nước khác trên thế giới cũng đã nhiệt liệt hưởng ứng.

Trong khi đó thì Trung Cộng lên tiếng đả kích Nga-Sô nặng nề hơn lúc nào hết, tố cáo các lãnh tụ Nga-Sô là phản bội, lên án hiệp ước Mạc-Tư-Khoa là giả dối, lừa phỉnh, hô hào một hội nghị gồm tất cả các quốc trưởng trên thế giới để bàn về vấn đề ngưng thử vũ khí nguyên tử vĩnh viễn và toàn diện. Không ngày nào là đài Bắc-Kinh không dè bỉu, mạt sát Khrouchtchev, cho là y đã đầu hàng « đế quốc » một cách nhục nhã và không còn xứng đáng với danh từ « đồng chí » nữa. Mâu thuẫn Trung-Cộng — Nga-Sô do đó càng ngày càng đào sâu.

Tuy nhiên, mặc dầu có sự phản đối của Trung Cộng và cả của Pháp nữa, hiệp ước Mạc-Tư-Khoa càng ngày càng được dư luận thế giới hoan nghênh, tán thưởng. Người ta coi nó như là một ánh sáng của tương lai, một tia nắng sau bao ngày ảm đạm. Hòa bình lóe rạng chân trời làm tan dần băng giá.

Chúng ta hãy thử tìm hiểu hiệp ước đó xem vì sao nó đã được một sự hoan nghênh gần như rộng khắp như vậy.

Trước hết, đứng trên phương diện hình thức, nó là một thỏa hiệp quan trọng đầu tiên giữa ba cường quốc nguyên tử Anh Mỹ Nga. Đã từ 10 năm nay, hội nghị tài binh và cấm vũ khí nguyên tử liên tục họp ở Genève mà không đưa đến kết quả nào. Đến nay 3 nước đã thỏa hiệp được với nhau trên một căn bản chung, dù là hạn chế đi đến chỗ ngồi quanh bàn tròn, cùng nhau ký kết một hiệp ước. Đó là một tiến bộ quan trọng đáng kể, một cái mốc đánh dấu một đoạn đường gai góc đã qua, mở rộng cửa cho những vấn đề khác quan trọng hơn liên quan đến hòa bình và hạnh phúc của nhân loại.

Hiệp ước này tuy được ký kết giữa ba cường quốc nguyên tử Anh Mỹ Nga nhưng nó không *phải là một* hiệp ước đóng cửa (fermé) mà là một hiệp ước mở cửa cho tất cả mọi nước tham gia, không nhất thiết phải là những nước có vũ khí nguyên tử. Theo sự ước lượng của các quan sát viên Tây-phương hiện ở Mạc-Tư-Khoa thì số nước sẽ xin gia nhập hiệp ước có thể lên tới con số 90, nghĩa là hầu hết các nước có chân trong Liên hiệp Quốc. Điều ba của hiệp ước phân biệt hai loại nước: những nước ký kết nguyên thủy nghĩa là những nước tham gia ký kết trước khi hiệp ước áp dụng và những nước xin gia nhập về sau.

Đối với những nước ký kết nguyên thủy, thì hiệp ước có giá trị ngay từ khi cả ba nước đều phê chuẩn hiệp ước. Ba nước Anh Mỹ Nga là những nước được ủy thác giữ bản chính của hiệp ước và cấp bản sao cho những nước gia nhập về sau. Những nước này phải nộp cho các nước được ủy thác văn kiện phê chuẩn của chính phủ họ và hiệp ước chỉ có giá trị đối với họ kể từ ngày họ đệ nạp văn kiện phê chuẩn mà thôi (đ. 3 đoạn 4).

Hiệp ước còn phân biệt những nước xin ký kết về sau (signataires) và những nước xin gia nhập (adhérents), vì ký thì phải có phê chuẩn còn gia nhập thì không cần. Do đó mà nước ký kết cần phải đệ nạp văn kiện phê chuẩn thì hiệp ước mới có giá trị đối với họ. Còn đối với những nước xin gia nhập thì chỉ cần đệ nạp văn kiện gia nhập là hiệp ước áp dụng ngay. Các chính phủ Anh Mỹ Nga sẽ báo cho họ biết ngày nào hiệp ước sẽ có giá trị áp dụng đối với họ. (điều 3 đoạn 5)

Ngoài ra các chính phủ Anh Mỹ Nga (những nước được ủy thác) phải đăng ký ngay hiệp ước đó tại văn phòng Liên Hiệp Quốc đúng theo điều 102 của Hiến chương này (điều 3, đoạn 6)

Hiệp ước không có một thời hạn nhất định nào. Nước nào cũng có quyền tự do gia nhập bất cứ lúc nào (không hạn chế thời gian gia nhập). Đồng thời bất cứ nước hội viên nào cũng có quyền rút chân ra khỏi hiệp ước, nhưng với điều kiện là phải có những biến cố phi thường làm cho đối tượng của hiệp ước mất hết giá

Krouchtchev tươi cười giữa Harriman thứ trưởng ngoại giao Hoa-Kỳ và Lord Hailsman thứ trưởng ngoại giao Anh trong cuộc tiếp đón tại Moscou

trị đối với họ, và đe dọa đến quyền lợi tối cao của quốc gia họ. Nhưng trước khi cáo bãi hiệp ước họ cùng phải báo trước cho các nước hội viên khác biết trong vòng ba tháng. Điều này có lẽ là cốt để cho Nga yên lòng vì không lo bị hiệp ước ràng buộc một cách quá đáng hoặc hơn nữa bất cứ lúc nào cũng có thể cáo bãi hiệp ước để lấy lại tự do hành động.

Sau nữa, trong điều 2, ta thấy vấn đề tu chính hiệp ước được đặt ra. Ai có quyền đề nghị tu chính ? Nước hội viên nào cũng có quyền đề nghị. Nước đó phải viết ra một bản dự thảo tu chính đệ nạp lên các nước được ủy thác và các nước này có bổn phận phải sao gửi cho các nước hội viên khác. Khi hơn 1/3 hội viên yêu cầu tu chính hiệp ước, thì một trong những chính phủ được ủy thác triệu tập một hội nghị trong đó tất cả các hội viên đều được mời để nghiên cứu vấn đề tu chính (đoạn 1).

Tu chính án phải được đa số các nước ký kết chấp thuận bất luận là nước ký kết nguyên thủy hay nước xin ký kết hay gia nhập về sau (2, đoạn 2).

Như vậy có nghĩa là Nga-Sô không còn có thể dùng quyền phủ quyết để ngăn chặn việc tu chính hiệp ước được nữa. Sở dĩ Nga dám chấp nhận nguyên tắc đó là vì Nga hy vọng rằng những nước xin gia nhập sau này phần lớn sẽ là những nước Trung lập có cảm tình với Nga hơn là với Anh

Mỹ. Sổ lượng đó sẽ có thể trội hơn sổ lượng những nước theo phe Anh Mỹ. Nghĩ như vậy nên họ mới dám chối bỏ một nguyên tắc mà họ vẫn khăng khăng bảo vệ khi ký kết hiến chương Liên - Hiệp - Quốc. Vả lại nếu điều khoản về hình thức này không được thông qua thì hiệp ước cấm thí nghiệm vũ khí nguyên tử sẽ không áp dụng được vì trong những trường hợp hiểm nghèo nó sẽ vấp phải quyền phủ quyết của ba nước ký kết nguyên thủy. Như vậy nó sẽ trở nên vô dụng. Bởi vì cả ba nước đều muốn cho nó đi đến một kết quả cụ thể nên đã dẹp bỏ những chi tiết có thể trở thành những chướng ngại quan trọng cho một sự thỏa hiệp chung giữa ba phe.

Sau cùng, hiệp ước đó được thảo bằng hai thứ tiếng Anh và Nga và sẽ được lưu trữ tại các văn khố của các quốc gia được ủy thác. Các nước đó sẽ cấp bản sao cho những nước ký kết về sau.

Hiệp ước tuy đã được ký rồi nhưng còn phải chờ quốc trưởng của ba nước Anh Mỹ Nga phê chuẩn (ratifier) thì mới có giá trị áp dụng. Nếu vì một lẽ gì mà Thượng nghị viện Hoa Kỳ hoặc Hạ nghị viện Anh từ chối không cho Tổng Thống Mỹ hoặc Anh Hoàng phê chuẩn thì hiệp ước đó sẽ không còn giá trị nữa.

Đó là về phương diện hình thức, còn về phương diện nội dung, ta thấy bản hiệp ước đó chỉ là một bản hiệp ước cấm thử vũ khí nguyên tử hạn chế mà thôi. Phạm vi áp dụng của nó được nói rõ trong điều 1 đoạn 1. Đó là :

a) Không khí, thượng tầng không khí và cả dưới nước nữa, dưới nước đây là kể cả hải phận lẫn trùng dương. Điều này có nghĩa là những nước ký kết hiệp ước sẽ không còn được phép thử vũ khí nguyên tử ở bất cứ chỗ nào trừ dưới đất, không được quyền đem bom nguyên tử để thử ở vùng xa vắng và lạnh lẽo của miền Nam Bắc-cực cũng như không được thử ở dưới đáy biển giữa Thái-Bình-Dương, ở bất cứ chỗ nào trong không khí và dưới biển hay trên mặt biển. Ta phải hiểu chữ « trong không khí » (dans l'atmosphère) ở đây là cả ở trên mặt đất nữa, nghĩa là những sa mạc ở vùng Nevada, Siberie hoặc Australie sẽ không được dùng làm những nơi thí nghiệm vũ khí nguyên tử trên mặt đất và trên độ cao trừ ra các nước đó đào sâu dưới lòng đất để mà thử để tránh phóng xạ thì không kể.

b) Khoản b của đoạn 1 điều 1 lại còn nhấn mạnh thêm nữa là cấm thử ở bất cứ nơi nào khác mà bụi phóng xạ do quả bom nổ phát sinh ra có thể rơi xuống những nơi ngoài phạm vi chủ quyền và kiểm soát của họ. Như vậy thì những vụ nổ bom nguyên tử, dù là ở dưới đất, nếu phát sinh ra bụi phóng xạ có thể rơi xuống các nước khác cũng bị cấm đoán. Trong khoản b) cũng có tiên liệu việc ký kết một hiệp ước cấm thử vũ khí nguyên tử một cách vĩnh viễn kể cả những vụ thử ở dưới lòng đất. Đó cũng là điều đã ghi ở trên đoạn mở đầu : Các

chính phủ Hoa-Kỳ, Anh quốc và Liên Xô : « vì nhận thấy rằng mục tiêu chính yếu của mình là thực hiện, trong một thời hạn càng ngắn càng hay, một thỏa ước về giải giới chung và toàn diện dưới một sự kiểm soát quốc tế chặt chẽ và hợp với mục đích của Liên Hiệp Quốc, thỏa ước đó sẽ kết thúc cuộc chạy đua vũ trang và việc thử tất cả các loại khí giới, kể cả khí giới nguyên tử. Vì muốn tìm cách ngưng tất cả những vụ thử vũ khí nguyên tử một cách vĩnh viễn, vì muốn cố gắng đàm phán để tiến tới mục tiêu đó và cũng vì muốn chấm dứt không để cho trái đất bị nhiễm mãi phóng xạ nguyên tử, nên đã thỏa thuận những điều sau đây... »

Căn cứ vào khoản b) đoạn 1 điều 1 và đoạn mở đầu vừa kể trên ta thấy các nước sở quan muốn tiến tới một thỏa ước tuyệt đối cấm vũ khí nguyên tử, nhưng vì chưa thỏa thuận được với nhau về tất cả mọi điểm nên đành phải tạm thời ký kết một hiệp ước có tính cách hạn chế, còn hơn là thất bại về không. Vả lại, việc cấm đoán hạn chế đó trong giai đoạn hiện thời cũng đã là một tiến bộ lớn lao rồi, mà hầu hết cả thế giới đều vui mừng hỉ hả.

Để đề phòng tất cả mọi sự vi phạm, đoạn 2 của điều 1 lại nhấn mạnh là các nước sở quan không những không được khuyến khích hoặc tham dự vào một vụ thử nguyên tử khác. Như vậy có nghĩa là Anh Mỹ không được giúp Pháp hoặc Tây Đức hoặc Ấn-Độ, Nga không được giúp Tiệp Khắc Ba Lan hoặc Trung-Cộng thử vũ khí nguyên tử ở tất cả những nơi đã bị cấm đoán kể trên. Vì thế cho nên khi trong dư luận Nga có ý nghi ngờ Mỹ đưa bom nguyên tử cho Pháp thử, Mỹ vội cải chính ngay và cho đó là vô căn-cứ và trái cả với tinh-thần của hiệp-ước, Mỹ sẽ không bao giờ làm như vậy.

Sau khi đã phân tách bản hiệp-ước cấm-đoán hạn chế vũ khí nguyên-tử cả về phương diện hình thức lẫn nội dung, ta hãy nêu lên một số nhận-xét căn cứ vào sự biến chuyển của dư luận thế-giới do hiệp-ước ấy gây ra.

Trước hết ta hãy nhìn vào thái-độ của các nước Anh Mỹ Nga là những đại cường nguyên-tử đã ký kết đầu tiên bản hiệp-ước nói trên. Ta nhận thấy lần này là lần thứ tư trong hơn một năm nay Mỹ và Nga đi đến thỏa hiệp.

— Lần thứ nhất vào tháng 6/1962 hai cường quốc Mỹ Nga đã ký kết tại Genève một thỏa ước về việc sử-dụng hòa-bình không-gian, vũ trụ. Hai nước hợp tác với nhau trong khoảng thời-gian từ 1963 đến 1965 trong việc phóng những vệ-tinh thăm dò khí tượng, nghiên-cứu từ trường của quả đất và dùng vệ-tinh vào công việc viễn-thông.

— Lần thứ hai vào ngày 22-5-1963, hai nước lại ký với nhau ở Moscou một thỏa ước hợp-tác nguyên-tử, trong 3 năm để sử dụng hòa bình tinh lực nguyên tử. Hai bên thỏa-thuận sẽ trao đổi các nhà bác-học, trao đổi kinh-nghiệm trong các công cuộc tìm tòi chung.

— Lần thứ ba vào ngày 20-6-1963, hai bên lại ký kết ở Genève một thỏa ước về việc đặt một đường điện thoại trực tiếp giữa Moscou và Berlin để cho Tổng Thống Kennedy và chủ tịch Khrouchtchev có thể trực - tiếp nói chuyện với nhau. Con đường điện-thoại ngầm đó sẽ đi qua Phần-Lan, Thụy-Điển, Đan-Mạch và Anh-Quốc.

Nhưng lần thứ tư này quan-trọng hơn cả vì có sự tham gia của Anh-quốc và sự thỏa-hiệp được thực-hiện trên một vấn-đề mà từ hàng bao nhiêu năm nay không giải quyết xong và nhiều khi tưởng là thất bại.

Sau thỏa-ước này Mỹ Anh Nga vẫn còn tiếp-xúc với nhau để mong giải-quyết nhiều vấn-đề khác vẫn còn lòng dòng như các vấn-đề Lào, Berlin, Việt-Nam. Nó có thể sửa soạn cho một cuộc gặp gỡ vào cuối năm hay trong năm tới giữa các nhà lãnh-đạo thế-giới Kennedy, Khrouchtchev và Mac Millan.

Điều đó chứng tỏ ý-chí thành-thật của các lãnh-tụ Anh Mỹ Nga muốn đi đến một thỏa-hiệp để củng-cố hòa-bình thế-giới. Khrouchtchev đã thực-sự muốn đem thuyết « thi đua hòa-bình » (Compétition pacifique) của mình ra áp-dụng rồi chăng ? Hoặc vì thấy hậu quả tai hại của các vụ thử vũ khí nguyên tử và nổ nguyên-tử, nên các cường quốc nguyên tử vội vàng phải tìm biện-pháp để chấm dứt cuộc chạy đua nguy-hiểm đó chăng ? Nếu vậy thì sao không đi đến ngay một thỏa-ước cấm thử một cách toàn diện và lâu dài ? Phải chăng là vì các cường quốc đã tiến qua giai đoạn thử bom nguyên-tử hoặc hạt nhân ở trên không và dưới biển rồi, nay vẫn dành lại cho mình quyền thử bom ở dưới đất dễ dàng buộc và ngăn cản các nước khác cũng muốn thử như trước kia mình đã thử ? Đó là điểm mà ta sẽ nói tới khi bàn đến thái độ của Pháp và Trung-Cộng.

Nay nếu ta đem bản hiệp-ước đó đặt đúng vào khung cảnh lịch-sử của nó ta sẽ thấy gì ? Ta thấy rằng cùng một lúc với cuộc đàm phán cấm thử vũ khí nguyên-tử, cũng có cuộc đàm phán Nga-Xô — Trung-Cộng để giải quyết vấn-đề tranh chấp ý-thức hệ giữa hai bên. Cuộc đàm phán Nga-Xô — Trung-Cộng thất bại đã tạo thêm điều kiện cho cuộc đàm phán Anh Mỹ Nga thành công.

Vậy khi ký kết hiệp ước ta thấy có lẽ dụng ý của Anh Mỹ chưa chắc đã phải là đi ngay đến một thỏa hiệp nguyên tử với Nga, điều mà hai bên đã dằng co từ bao năm nay không đi đến kết quả mà đột nhiên thành công ; dụng ý đó có lẽ là để đào sâu thêm hố chia rẽ giữa Nga-Xô và Trung-Cộng. Còn Nga-Xô khi đặt bút ký vào bản hiệp ước, có lẽ cũng có dụng ý định dọa già Trung-Cộng buộc phải xét lại chính sách cứng rắn ngoan cố của mình. Nếu cuộc đàm phán Nga-Xô Trung-Cộng thành công có lẽ chưa chắc bản hiệp ước Anh Mỹ Nga đã ra đời một cách sớm sủa như vậy. Khi ký kết hiệp ước có lẽ Khrouchtchev đã ngầm bảo Mao-Trạch-Đông : Tôi nhất định đi theo đường lối của tôi, là đường

lối duy nhất đúng, còn chú, nếu không chịu phục thiện, thì chú sẽ bị cô lập ». Có người cũng nghĩ rằng sở dĩ Anh Mỹ Nga đi đến một thỏa hiệp nhanh chóng như vậy là vì cả ba nước đều lo Trung-Cộng có bom nguyên tử và cái thời kỳ mà Trung-Cộng có bom nguyên tử là thời kỳ đại họa cho nhân loại vì sẽ không còn sức mạnh gì ngăn cản nổi khối người 700 triệu mà lại có cả vũ khí nguyên tử nữa. Vì thế cho nên khi Nga đến lúc không còn thuyết phục nổi Trung-Cộng nữa tất phải đi đến một thỏa hiệp với Anh Mỹ càng sớm càng hay để cho vũ khí nguyên tử khỏi truyền qua tay nhiều nước khác với những hậu quả không lường được của nó. Ba nước đã gặp nhau trên một điểm chung là hiểm họa Trung-Cộng. Có một điểm ta vẫn cần biết là trước ngày ký hiệp ước Moscou, trên thế-giới đã có tất cả 500 vụ nổ nguyên tử trên không khí, dưới đáy biển và dưới lòng đất, kể từ khi quả bom nguyên tử đầu tiên nổ ở sa mạc Nevada ngày 16-7-1945 và hai quả bom ở Hiroshima và Magasaki (6-9/8/45) làm 144.000 người chết. Sức mạnh tổng cộng của tất cả những trái bom nguyên tử và khinh khí đã nổ trong 18 năm vừa qua là 500 mégatonnes hay là 500 triệu tấn thuốc nổ T N T (Trinitrotoluene) (1). Để có một ý niệm rõ ràng hơn, tổng cộng sức mạnh đó gấp 100 lần toàn thể khối lượng thuốc súng nổ trong cuộc đại chiến thế giới lần thứ 2.

Trong các vụ thử đó, phần của Mỹ là 250 lần thử, với một sức mạnh là 150 mégatonnes, phần của Nga là 150 lần thử nhưng với một sức mạnh lớn hơn : hơn 300 mégatonnes. Còn Anh thì mới chỉ thử có 25 lần và Pháp 7 lần. Chỉ cần nhìn qua vài con số đó, ta cũng thấy những vụ thử vũ khí nguyên tử đã làm hao tổn bao nhiêu là tiền của và những bụi phóng xạ của nó đã gây biết bao nhiêu tai hại cho loài người.

Vì thế cho nên khi hiệp ước được ký kết, phần lớn các nước không có vũ khí nguyên tử đều nhiệt liệt vỗ tay hoan nghênh. Một tuần lễ sau khi bản hiệp ước ra đời, đã có tất cả 26 nước tham gia ký kết. Theo ước lượng của Mỹ đến ngày 10-8. con số đó có thể lên tới hơn 100. Nhưng xét kỹ thành phần của 26 nước ký kết đầu tiên ta thấy có tới 18 nước thân Tây phương và 8 nước trong khối cộng hoặc thân cộng (2). Phần lớn các nước Á Phi vẫn còn tỏ vẻ dè dặt và nhiều nước còn muốn ngả theo lập trường của Trung Cộng. Họ có quyền nghi ngờ như vậy vì chưa có gì chứng tỏ là các nước ký kết sẽ triệt để tôn trọng hiệp ước nói trên. Và cho dù có được tôn

---

(1) Chất Trinitrotoluene là một thứ thuốc súng hóa học mạnh nhất đã được sử dụng trong hồi Thế chiến II.

(2) Theo báo Times of Việt Nam ngày 9-8 thì 26 nước tham gia ký kết, thứ tự trước sau như sau : Úc, Mexique, Canada, Ấn Độ, Tân Tây Lan, Phi L.Tân, Mã Lai, Liberia, Thái Lan, Ba Tư, Ba Lan, Bỉ, Bảo, Ý, Á nhĩ Lan, Ai-cập ni tan, Lỗ, Tunisie, Chypre. Nam Tư, Phần Lan, Tiệp, Do Thái, Honduras, Hung, Chili. Đến ngày 13-8, số lượng những nước ký kết hiệp ước đã lên tới 50.

trọng chăng nữa, họ coi như thế vẫn là chưa đủ. Họ ước mong sẽ có một cuộc ngưng thử toàn diện và vĩnh viễn, chứ không phải hạn chế và tạm thời. Họ cũng muốn tự đặt mình ra ngoài phạm vi của một cuộc chiến tranh nguyên tử nên muốn được có những đảm bảo của các cường quốc nguyên tử thành lập một khu vực không có vũ khí nguyên tử. Tuy họ không phản đối hiệp ước Moscou nhưng điều mà họ mong muốn còn xa hơn thế nữa. Có lẽ Trung Cộng đã hiểu rõ được tâm lý đó của phần đông các nước Á Phi nên đã tìm cách lôi kéo họ theo đường lối của mình. Vì thế cho nên ta thấy ước lượng hơn 100 nước sẽ gia nhập hiệp ước Moscou có lẽ là một ước lượng quá lạc quan, thiếu căn bản thực tế. Có thể là dưới áp lực của Anh Mỹ Nga các nước chư hầu của họ sẽ ký trước tiên như trường hợp của các nước kể trên. Riêng Ấn Độ tuy là một nước Trung lập nhưng vì đang tranh chấp trầm trọng với Trung Cộng và được cả Anh Mỹ và Nga giúp đỡ nên đã ngả theo ngay lập trường của các nước này. Rất có thể rồi đây Anh Mỹ và Nga-Xô sẽ cố gắng vận động lôi kéo các nước Trung lập gia nhập hiệp ước Mạc-Tư-Khoa để cô lập Trung-Cộng hơn nữa. Họ sẽ làm cho các nước đó thấy rõ thiện chí hòa bình của họ và hoàn toàn không có ý muốn giữ độc quyền nguyên tử như lời Trung-Cộng đã tố cáo. Có gây được sự tin tưởng đó thì số nước gia nhập hiệp ước Mạc-Tư-Khoa mới có thể tới được con số ước định.

Riêng vì thái độ chống đối của Pháp và nhất là của Trung-Cộng, chúng ta cần phải phân tách kỹ càng hơn. De Gaulle và Mao-Trạch-Đông một nhân vật cực hữu và một nhân vật cực tả đã gặp nhau ở một điểm phản đối hiệp ước Mạc-Tư-Khoa.

De Gaulle phản đối là vì ở trên con đường thí nghiệm bom nguyên tử Pháp, chưa thu được kết quả mong muốn. Nếu chấp nhận ngưng thí nghiệm thì Pháp sẽ ở trong một tình trạng mãi mãi thấp kém so với Mỹ và Nga và cả Anh nữa. Trong khi đó, kho vũ khí nguyên tử của Mỹ và Nga vẫn còn nguyên vẹn và lúc nào cũng có thể là một đe dọa lớn lao cho hòa bình thế giới nói chung và cho nước Pháp nói riêng. Theo De Gaulle cấm thử vũ khí nguyên tử thì phải cấm triệt để nghĩa là cả ở dưới lòng đất ; không những cấm mà lại còn phải hủy diệt cả những kho vũ khí nguyên tử ở các nước Nga Anh Mỹ nữa. Nhưng người ta tự hỏi, một Âu Châu không có vũ khí nguyên tử thì liệu có ngăn cản nổi bước tiến của hàng 200 sư đoàn bộ binh và thiết giáp Nga trang bị bằng vũ khí cổ điển không ? Nếu cấm toàn diện như De Gaulle đòi hỏi thì chính nước Pháp sẽ bị đe dọa trước tiên. Thái độ chống đối của De Gaulle xét cho cùng chỉ biểu lộ ý chí nhà độc tài Pháp muốn mình có mặt ở khắp nơi, với một vai trò chính chứ không phải một vai trò phụ.

Còn thái độ chống đối của Trung-Cộng ? Trước hết ta phải tìm thấy

ở đó một nguyên nhân chính trị đối với Trung-Cộng, thỏa hiệp với Anh Mỹ tức là ngả theo phe đế quốc, phản bội phe « xã hội chủ nghĩa », đang bị lên án rồi. Huống chi đây lại là một thỏa ước về việc ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử. Chúng ta đều biết là Trung-Cộng đang chuẩn bị để thử quả bom nguyên tử đầu tiên ở một địa điểm bí mật nào trong vùng sa mạc Tân Cương. Nay cấm thử vũ khí nguyên tử, tức là gián tiếp bó tay Trung Cộng trong khi đó các cường quốc Anh Mỹ Nga vẫn được quyền tự do thử ở dưới đất. Như vậy theo Bắc Kinh chỉ là làm tăng thêm lực lượng của « phe đế quốc » và yếu lực lượng của phe « xã hội chủ nghĩa » mà thôi.

Đối với Trung Cộng, với khối dân 700 triệu người, với chiến thuật biển người, thực ra họ không cần tới vũ khí nguyên tử.

Nhưng vì các nước đua nhau làm bom nguyên tử thì Trung-Cộng cũng buộc lòng phải chế tạo để cho đỡ bị ở trong tình trạng thấp kém so với các nước kia và nhất là để gây một xúc động tâm lý mạnh khi các « nước đế quốc » biết là họ cũng đã có được vũ khí nguyên tử. Nay hiệp ước Mạc Tư Khoa ra đời, tức là xô họ vào một cương vị hiểu chiến, nếu họ cứ tiếp tục xúc tiến thử quả bom nguyên tử đầu tiên của họ, trong khi đó các nước Nga Mỹ đã có sẵn kho bom nguyên tử rồi lại vẫn được thảnh thơi, tiếp tục thử ở dưới đất. Mỹ vừa mới thử quả bom nguyên tử đầu tiên ở dưới đất sau hiệp ước Moscou đã thúc đẩy Bắc-Kinh đi đến một đòi hỏi toàn diện : Họp một hội nghị toàn thể các quốc trưởng thế giới để bàn về việc cấm thử vũ khí nguyên tử một cách vĩnh viễn và toàn diện. Trong hội nghị lần thứ 9 chống vũ khí nguyên tử họp ở Hiroshima vừa qua Trung-Cộng kịch liệt lên án Nga-Xô đã cấu kết với đế quốc, coi rẻ quyền lợi của các nước Á Phi và các nước « xã hội chủ nghĩa anh em ».

Ví dụ có đi đến một cuộc ngưng thử toàn diện và hủy bỏ tất cả vũ khí nguyên tử — một việc chắc không thể nào thực hiện được — thì Trung Cộng chắc chắn có lợi chứ không có hại : lúc đó liệu nước nào trên thế giới, với những vũ khí cổ điển của họ, có thể ngăn cản được làn sóng người hàng hai ba mươi triệu quân của Trung Cộng lan tràn khắp mọi nơi. Đó là điều mà ngay từ bây giờ cả Mỹ lẫn Nga đều lo ngại.

Thỏa ước này phải chăng là một bước đầu của sự hợp tác Mỹ Nga để chống lại một hiểm họa chung là Trung Cộng. Hay đó chỉ là một chiến thuật giai đoạn của cả hai phe, Cộng Sản và Thế giới Tự do ? Chắc chắn chúng ta sắp đi đến một bước ngoặt quan trọng của lịch sử nhân loại. Để phá rối chính sách chung sống hòa bình của Nga Xô, liệu Trung Cộng có làm dữ ở Đông Nam Á không ? liệu họ có tiếp tục đẩy mạnh kế hoạch thử bom nguyên tử, phá hoại hòa bình thế giới không ? Tương lai sẽ đi về đâu ? Thời gian sẽ trả lời chúng ta rõ. Nhưng có một điều chắc chắn là cường quyền và bạo lực sẽ không thể nào thắng được trong một nhân loại càng ngày càng văn minh và tiến bộ.

ANH-VIỆT

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn Công-Trứ, 44

SAIGON

HEAD OFFICE	*Plapplachai, Bangkok.*
OVERSEAS BRANCHES:	
LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road.*
KOWLOON	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street.*

4

LỊCH-SỬ TRIẾT-LÝ ZEN Ở ẤN-ĐỘ

Trong hai bài « Lịch sử Triết lý Zen ở Ấn-Độ và Trung-Hoa » trước chúng ta đã thấy : Zen là một hệ thống tư tưởng, một phương pháp tụ tập phát xuất từ Ấn-Độ ; nhưng sau đó vào khoảng đời Đường, Zen được truyền đến Trung-Hoa và thạnh hành ở đó. Trong bài nầy chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu đến lịch sự du nhập và sự truyền thừa phát triển của Triết lý Zen ở Nhật-Bản.

Các sử sách của Phật-giáo Nhật - Bản thường ghi chép rằng : Zen bắt đầu truyền đến Nhật-Bản vào khoảng hậu kỳ của thế kỷ thứ 7 ; nhưng nếu căn cứ vào sự truyền thừa chính thống và ảnh hưởng sâu rộng của Zen đối với quần chúng Nhật-Bản thì phải nói kể từ thế kỷ thứ 10 trở đi mới đúng. Còn kể về số lượng thì trong phái Zen ở Nhật có chia thành 24 chi phái ; trong số đó có 3 phái là Lâm-Tế (Lên thi), Tào-Động (Tsao-Tung) và Hoàng-Bích (Yang-Chi) là những chi phái lớn và thạnh hành nhất. Người thành lập và truyền bá 3 phái Zen nầy ở Nhật là Ngài Vinh Tây Thuyền sư, Đạo-Nguyên Thuyền sư, và Ẩn-Nguyên Thuyền sư.

Ngài Vinh-Tây Thuyền sư (Eisai Zenshi, 1141-1215) đi xuất gia tu đạo từ lúc 11 tuổi ; lúc 13 tuổi Ngài được lên núi Duệ Sơn theo Thầy học đạo, và năm sau thì được đắc độ Sa-di-giới. Ngài được vị Sư huynh là Ngài Thiên-Mạng trao dạy cho phương pháp « Cầu văn trì pháp » (1). Ngài chuyên tinh tu niệm theo phương

(1) « Cầu văn trì pháp » là phương pháp tu hành, chuyên trì thần chú của Ngài Hư-Không-Tạng Bồ-Tát để cầu nguyện cho ký ức tăng cường, trí huệ thêm sáng suốt. Theo nghĩa thông thường thì « Cầu văn » tức là tìm Thầy để học đạo nghe pháp ; « Trì pháp » tức là ghi nhớ những giáo pháp đã được nghe được học ấy.

pháp nầy, đến lúc 19 tuổi Ngài gặp cơ hội tốt được học tập thêm về giáo nghĩa của 2 tôn phái là Thiên - Thai - Tôn và Mật-Tôn.

Về sau, vì muốn nghiên cứu sâu vào các ngành triết học của Phật-giáo, kể cả Thiên-Thai-Tôn và Mật - Tôn, nên lúc 28 tuổi, tức là năm thứ 3 của niên hiệu An - Nhơn (1167), đơn thân độc ảnh, Ngài chèo thuyền vượt biển qua Trung-Hoa cầu Pháp. Trong dịp nầy Ngài được gặp rất nhiều vị Thuyền sư danh tiếng và học hỏi thêm về triết lý Zen. Cũng trong năm ấy vào khoảng tháng 9, Ngài trở về Nhật-Bản để tiếp tục sứ mệnh hoằng pháp lợi sanh.

Đến lúc 49 tuổi, tức là năm Văn-Trị thứ 3 (1187), vì muốn qua Ấn - Độ để chiêm bái Phật-tích, nên Ngài Vinh-Tây Thuyền sư lại chèo thuyền vượt biển đi Trung - Hoa trở lại. Nhưng khi đến Trung-Hoa nghe thấy đường sá xa xuôi hiểm trở, không thể nào đi qua Ấn - Độ được. Không đạt được chí hướng, Ngài buồn rầu đau khổ vô cùng. Ngài liền lên núi Thiên - Thai, tham bái học hỏi với Ngài Hư - Am Hoài - Thượng (Hsu-An Huai-Chang) ở chùa Vạn - Niên (Wan-Nien).

Ở đó, trải qua một thời gian 5 năm, Ngài hết sức tinh tấn học hỏi và ngày đêm chuyên cần tu tập Thuyền-định. Cuối cùng, Ngài đã chứng ngộ được đạo lý « Vạn pháp quy nhất » (Unity of all things), và được bổn sư là Ngài Hư-Am Hoài-Thượng trao cho giới Bồ-Tát, truyền cho pháp tâm ấn và y bát của Zen. Từ đó, Ngài được nhập vào phổ hệ của phái Zen Lâm-Tế, và chuyên môn tu tập truyền bá phương pháp của phái Zen Hoàng-Long (Huang - Lung, một chi phái của phái Zen Lâm-Tế). Ngài đã trở về Nhật-Bản vào khoảng tháng 7 năm Kiến-Cửu thứ 2 (1191).

Sau khi trở về Nhật-Bản, Ngài Vinh-Tây Thuyền sư thường lui tới ở 2 tỉnh Cửu-Châu (Kyushu) và Khiêm - Thương (Kamakura) là 2 nơi được xem là trung tâm văn hóa của Nhật-Bản để giảng dạy và truyền bá phương pháp Zen. Dựa vào tình trạng biến động di-chuyển của dân tộc và Phật-giáo, Ngài đã xướng đạo lên phong trào cải cách Phật-giáo. Đồng thời để đáp ứng với nhu cầu của thời đại, Ngài cũng đã viết ra bộ luận « Hưng-Thuyền Hộ-quốc luận » (Kozen Gokoku Ron), một bộ luận đề cao phong trào xiển dương Thuyền học.

Vì Ngài Vinh-Tây Thuyền sư là người đã nghiên cứu sâu rộng về giáo lý của các tôn phái khác trong Phật giáo, nên tư tưởng Zen của Ngài cũng có nhuộm nhiều tính chất của các tôn phái khác, nhất là với phái Thiên-Thai và Mật-Tôn. Ngài cũng là người đã thường đi đây đi đó để tuyên dương Thuyền học, thuyết pháp độ sanh, nên Ngài đã quen biết rất nhiều các vị Tướng quân, các nhà quyền quý và những người lãnh đạo quốc gia ở các thị trấn lớn của Nhật-Bản thời ấy. Những người nầy đã tận tình giúp đỡ hộ trợ Ngài trong việc khuếch trương chánh pháp và phổ biến Zen Lâm-Tế ở khắp các địa phương trong toàn quốc Nhật-Bản.

Về sau, trong phái Zen Lâm Tế nầy có sản xuất ra rất nhiều các vị Thuyền sư

danh tiếng như Ngài Nam-Bổ Thiệu-Minh (Nampo, 1235-1308) ở chùa Kiến. Trường, Ngài Tôn-Phong Diệu-Siêu (Shuko, 1282-1336) ở chùa Đại-Đức, Ngài Quan-Sơn Huệ-Huyền (Kanzan, 1277-1360) ở chùa Diệu-Tâm v. v. Những vị Thuyền sư nầy đã đóng góp một phần rất xứng đáng trong việc lưu truyền và phổ biến tư tưởng của Ngài Vinh - Tây Thuyền sư trong pháp hệ Zen Lâm-Tế ở Nhật-Bản vậy (2).

Đi song song với phái Zen Lâm-Tế của Ngài Vinh-Tây Thuyền sư trên, ở Nhật-Bản còn có một phái Zen khác cũng rất được thạmh-hành phổ-biến ; đó là phái Zen Tào Động. Người chủ trương và truyền bá phái Zen Tào Động nầy là Ngài Đạo-Nguyên Thuyền-sư (Dogen Zenshi, 1200-1253).

Ngài Đạo-Nguyên Thuyền-sư là con của một vị Đại-thần Tể-tướng, người rất thống-minh dĩnh ngộ. Ngài mồ côi cha mẹ rất sớm, và được người Chú ngoại cũng là một Đại-thần đem về làm con nuôi. chăm nom săn sóc dạy bảo. Lúc được 13 tuổi, người Chú ngoại nầy đã làm lễ đăng quan, phong chức công tước cho Ngài. Vì sớm chịu nỗi thống khổ của cuộc đời, nên Ngài cũng không lấy gì vui mừng khi được đăng quan, trái lại, còn xem đó như sợi dây ràng buộc nữa là khác.

Một hôm, trong lúc mọi người đang ngủ, Ngài trốn nhà ra đi, tìm đến Ngài Lương-Quan Pháp-Nhãn (cũng là Chú ngoại của Ngài) ở núi Duệ-Sơn, xin xuất gia đầu Phật. Vì thấy rõ ý-chí cương-quyết của Cháu, nên Ngài Lương-Quan Pháp-Nhãn nhận lời cho Ngài xuất gia. Đến năm sau tức là năm Kiến Bảo Nguyên-niên (1213), nhân có Ngài Công-Viên Tăng-Chánh, Pháp-chủ của tôn Thiên-Thai mở giới đàn ở chùa Diên-Lịch, Ngài đã được Thầy cho phép đến lãnh thọ Bồ Tát Giới.

Từ đó về sau, Ngài lại càng chuyên-tinh tu-học thêm. Nhưng đến lúc 15 tuổi, tự-nhiên trong lòng Ngài nẩy sinh ra một nghi-vấn nan-giải. Nghi-vấn ấy đại-khái như sau : « Trong kinh nói ; Chúng sanh tức là Phật. Mọi người vốn sẵn đủ Phật-Tánh. Như thế thì vì lẽ gì mà tam thế chư Phật (3) đều phát tâm tu hành cầu đạo Bồ-Đề ? »

Nghi vấn này luôn luôn canh cánh bên lòng, làm cho Ngài thắc mắc suy nghĩ. Ngài đã đi tham bái nhiều vị Thuyền-sư uyên bác ở thời ấy để cầu giải thích, nhưng chưa có một vị Thuyền-sư nào làm cho Ngài được thỏa mãn cả. Sau cùng, Ngài đến đảnh lễ Ngài Vinh-Tây Thuyền-sư và yêu cầu giảng dạy cho vấn đề ấy. Học hỏi chưa được bao lâu thì Ngài Vinh-Tây Thuyền sư thị tịch (1215). Theo lời di chúc của thầy, Ngài tiếp tục theo học với Ngài Minh-Toàn (Myozen, 1163-1225), đệ tử

---

2) Xin nghiên-cứu thêm bài « Zen của Ngài Vinh-Tây Thuyền-sư » và bài « Lịch-sử của phái Zen Lâm-Tế ở Nhật » trong bộ TRIẾT HỌC ZEN (tập II) của tác-giả sẽ xuất-bản gần đây.

3) «Tam thế chư Phật» là chỉ cho tất cả các đức Phật ở các đời quá khứ hiện tại và Vị-lai. Trong Phật giáo mỗi khi nói đến «Tam thế » tức là chỉ cho thời gian vô tận, từ vô thỉ kiếp ở quá khứ, đến vô chung ở đời vị lai. Cũng vì thế nên ngôi tượng « Tam thế » (Đức Phật Di-Đà, Phật Thích-Ca và Phật Di-Lặc) thờ phụng trong các ngôi chùa, tôn trí cao hơn tất cả là để biểu trưng cho ý nghĩa : người Phật tử tôn thờ ngưỡng mộ tất cả các đức Phật ở 3 đời và nguyện noi theo gương cầu đạo truyền đạo của các vị ấy.

Thượng thủ của Ngài Vinh-Tây Thuyền sư.

Vì chỉ khát khao học hỏi, nên đến lúc 24 tnổi, tức là năm 1223, Ngài Đạo-Nguyên Thuyền sư đã cùng với sư huynh là Ngài Minh-Toàn, trải qua nhiều khó khăn nguy hiểm, lướt thuyền trên biển sóng ba đào để qua Trung Hoa cầu học Phật-pháp. Rồi đến năm sau (1224), cả hai Ngài Đạo-Nguyên và Minh Toàn đều đến bái yết Ngài Trường-Ông Như-Tịnh (Chang-Wêng Jô-Tsing, 1163-1228) ở chùa Cảnh-Đức, tại núi Đại-sát Thiên-đồng. Ở đây, cả hai Ngài rất tinh tấn tu học Phật pháp, ngày đêm cần khổ, không lúc nào sờn chí nao lòng.

Cuối cùng, Ngài Đạo Nguyên Thuyền-sư đã giải trừ được quan niệm tâm vật nhị nguyên, thân tâm đều thoát lạc (Freed himsilf from dualistic attachment to body and mind). Ngài Trường Ông Như-Tịnh đã ấn khả cho chứng ngộ của Ngài. Lúc đó Ngài được 26 tuổi. Tuy đã được Thầy khen ngợi ấn khả, nhưng Ngài vẫn tinh tấn tu học như thế thêm 2 năm nữa. Lúc được 28 tuổi, Ngài Trường-Ông Như-Tịnh lại truyền phổ hệ tâm ấn cho, và giao cho Ngài sứ mệnh kế thừa tổ đạo, làm cho tôn môn của Zen được vĩnh tục.

Cũng trong năm ấy, tức là năm Bảo-Khánh thứ 3 (1227), Ngài trở về Nhật-Bản. Sau khi trở về Nhật, Ngài đã trú tại Thuyền-viện ở tỉnh Kyoto, chuyên môn tọa thuyền, viết sách và vận dụng toàn lực vào việc thuyết pháp độ sanh. Ngài đã khởi công kiến lập thêm một Thuyền viện ở chùa Hưng-Khánh, tại núi Vũ-Trị (Uji). Thuyền-viện nầy về sau đã trở thành một đạo tràng căn-bản trong việc đào-tạo Tăng tài, truyền bá Thuyền-học

Sau đó, vào khoảng tháng 7 năm 1243, tức là lúc 44 tuổi, Ngài trở về núi Việt-Tiền (Echizi), thiết lập lên một ngôi chùa, gọi là Vĩnh-Bình-tự (Eiheiji). Ở đây, trải qua 10 năm, Ngài chuyên tâm tu tập Thuyền quán, ngày đêm lo việc tĩnh tọa tư duy, trầm tư mặc tưởng, chứ không đi đây đi đó thuyết pháp độ sanh như trước nữa.

Cuộc đời của Ngài Đạo-Nguyên-Thuyền-sư đã thể hiện hoàn toàn tính chất suy lý tư duy của triết học và tính chất thực tiễn tu hành của tôn giáo. Ngài đã trở thành một phần tử hữu-ích của xã-hội Nhật-Bản và một danh nhân của thế giới nhân loại. Nhưng đồng thời Ngài cũng có một lối sống đạm Lạc giản dị nhất thế gian. Suốt đời Ngài chỉ có mấy tấm áo Cà-sa thô sơ vải bố; dù Vua Hậu-Sai-Nga Thiên-Hoàng vì hâm mộ tài đức, tặng Ngài một chiếc y gấm, nhưng Ngài cũng đã từ chối không mặc (4).

Đạo Nguyên Thuyền sư trong khi tư tập cũng như lúc giáo hóa, Ngài thường

---

(4) Để tả đời sống của Ngài Đạo-Nguyên Thuyền-sư trong khi trú tại chùa Vĩnh-Bình (một ngôi tổ đình, cũng là một Đại-tùng-lâm của phái Zen Tào-Động ngày nay) và cũng để tả Thiên-Hoàng đã tặng y gấm cho Ngài, một vị Thuyền-sư đời sau có vịnh một bài thơ 4 câu như sau :

« Vĩnh-Bình chốn hổ sâu rừng rậm,
Cầm thú muôn loài bạn tri âm,
Thiên-Hoàng hâm mộ tài đức cả,
Y vàng thêu gấm tặng Lão-Ông.»

(Trích trong bài « Zen của Ngài Đạo-Nguyên Thuyền-sư » ở bộ TRIẾT-HỌC ZEN (tập II) của tác-giả, sắp xuất-bản).

chú trọng đến vấn đề quan sát thể nhập vào tánh linh của mình, và đồng thời Ngài cũng thường khuyên mọi người thực hành theo phương pháp ấy để thấy rõ bản lai diện mục, ngộ nhập vào tự tánh thanh tịnh tâm. Giáo lý căn bản của Ngài là Tịnh niệm (Quietude) và Giác ngộ (Enlightenment), hay là Thuyền định và Trí huệ. Tịnh niệm và Thuyền định là phương tiện, là nhân ; Trí huệ và Giác ngộ là cứu kính, là quả. Người tu hành muốn đạt được mục đích cuối cùng là quả vị Giác ngộ thì cần phải tạo tác nguyên nhân, hay nói một cách khác là phải thực hành theo phương pháp Tọa thuyền (Cross legged sitting) để trầm tư mặc tưởng (meditation).

Chính Ngài Đạo Nguyên Thuyền sư là người đã hiến trọn đời mình cho phương pháp Tọa thuyền nầy. Ngài luôn luôn sống trong thái Tịnh niệm và Giác ngộ giống như đức Phật Thích Ca, Ngài Bồ Đề Đạt Ma, Ngài Lục Tổ Huệ Năng và các vị Tổ sư tiền bối khác.

Môn đệ của Ngài gồm có gần 50 vị danh tiếng, trong đó có Ngài Hoài-Trang, Tăng-Hải và Thuyên Huệ được xem là ưu tú hơn cả. Trong số 3 vị ưu tú nầy, có Ngài Hoài Tráng, tức là Cô Vân Hoài Tráng (Koun Eijo, 1198 — 1280) là người nghiêm mật tu trì bậc nhất. Kế tiếp theo Ngài Cô Vân Hoài Tráng là Ngài Triệt Thông Nghĩa Giới (Tettou Gikai, 1219 — 1309), rồi đến Ngài Oanh-Sơn Thiệu - Cẩn (Keizan Jokin, 1268 — 1334) (5) là những vị đã tận lực truyền bá và làm cho phái Zen Tào-Động được phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp dân chúng của Nhật-Bản.

Phái Zen Tào-Động nầy mỗi ngày mỗi lan rộng bành trướng, nhất là ở thời dòng họ Đức-Xuyên Tướng quân (Tokugawa Shogun. 1603 — 1967) tiếp tục cai trị thiên hạ thì phái Zen nầy lại càng được thạnh hành hơn nữa. Ở giai đoạn ấy cũng có nhiều vị Thuyền sư uyên bác ra đời, như Ngài Nguyệt-Châu (Gesshu, 1618 — 1699), Ngài Vạn-Sơn (Manzan, 1636 — 1715), Ngài Mai-Phong (Baiho, 1633 — 1707) v.v. Những vị Thuyền sư nầy đã kế thừa tổ đạo và đã đắc lực truyền bá Zen Tào Động nầy trên toàn lãnh thổ Nhật-Bản.

Ngoài hai phái Zen Lâm-Tế và Tào-Động trên, trong hệ thống truyền thừa của phái Zen ở Nhật-Bản lại còn có một phái khác nữa, đó là phái Zen Hoàng Bích. Ngài đầu tiên đem Zen Hoàng-Bích đến truyền bá ở Nhật là Ngài Ẩn-Nguyên Long-Kỳ (Ingen Ryuki, 1552 — 1673), người Trung-Hoa. Ngài đến tỉnh trường kỳ (Nagasaki, miền Nam Nhật-Bản) vào khoảng năm 1654 và ở lại truyền giáo ở đó. Đến năm 1658, Ngài lại đến tỉnh Yedo (tức là Tokyo bây giờ) vào gặp vị Tướng quân là Ông Đức-Xuyên Gia Cương (Tokugawa Ietsuna, 1651-1680) để giảng dạy phương pháp tu Thuyền.

Nhờ sự ủng hộ của vị Tướng quân nầy và lòng mộ đạo cúng dường của dân chúng Nhật-Bản, ở năm 1661, Ngài đến núi Hoàng-Bích thiết lập một ngôi chùa

---

(5) Muốn hiểu thêm về lịch sử mà Thuyền Phong của Ngài Oanh-Sơn Thiệu- Cẩn nầy, xin đón xem bộ TRIẾT-HỌC ZEN (tập II) trong bài « Zen của Ngài Oanh - Sơn Thuyền sư » thì sẽ thấy rõ.

gọi là Vạn-Phúc-Tự (Manpukuji) để làm cơ sở truyền bá tư tưởng Zen. Cũng từ năm ấy, hằng ngày, Ngài vào cung Vua dạy về phương pháp Zen cho vị Thượng Hoàng tên là Hậu-Thủy-Vỹ (Gomizuno ex-Emperor)

Ngài Ẩn-Nguyên Long- Kỳ trú trì tại chùa Vạn-Phúc ở núi Hoàng-Bích 4 năm, nên về sau tư tưởng và pháp hệ của Ngài thường được gọi là Hoàng-Bích Zen. Người kế nghiệp của Ngài là Ngài Mộc-Am Tánh-Đạo (Mokuan Shoto, 1661 — 1684), Ngài Thiết - Nhẫn Đạo - Quang (Tetsugan Doko, 1630 — 1682), Ngài Cao-Tuyền Tánh - Đôn (Kosen Shodon, vị Thuyền-sư Trung-Hoa đến Nhật năm 1661) v.v.

Phái Zen Hoàng-Bích nầy dù có nhiều điểm tương tợ, với phái Zen Lâm-Tế, nhưng kỳ thật phái Zen nầy đặt trọng điểm vào phương pháp niệm Phật, nguyện cầu vãng sanh Tịnh-Độ, cũng giống như phái Tịnh-Độ. Chủ đích của phái Zen nầy là « Thuyền Tịnh nhất trí » (6). Chủ trương « Thuyền Tịnh nhất trí » không phải mới có ở Nhật-Bản, mà nó đã phát khởi ở Trung-Hoa từ khoảng đời Đường (618 — 907), đời Tống (960 — 1127) rồi, và rất được nhiều giới Phật tử tán đồng ủng hộ.

Có điều cần nhớ thêm rằng : Tuy phái Zen Hoàng-Bích có những chủ trương gần giống như phái Tịnh Độ, nhưng vì tính chất và bản lãnh đặc biệt của Zen, nên phái nầy thường nhấn mạnh ở thuyết lý ; « Tự kỷ Di-Đà (chúng ta thường gọi là Tự tánh Di Đà) Duy tâm Tịnh Độ » (The Amita Buddha Within oneself and the Pure Land in one ' s mind). Vì thế đứng trên phương diện tư tưởng triết lý, cũng như trong phương pháp thật hành, giữa phái Zen Hoàng-Bích và phái Tịnh-Độ vẫn có những điểm sai khác nhau. Bởi lẽ theo phái Tịnh Độ thì có đức Phật A-Di-Đà, có thế giới Tịnh-Độ ở phương Tây, cách thế giới Ta-Bà nầy hằng bao nhiêu cõi nước. (Tùng thị Tây-Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực lạc ; kỳ độ hữu Phật, hiệu A-Di- Đà, kim hiện tại thuyết pháp. Trích kinh Di-Đà).

Tóm lại, dù trên danh từ, trên tư tưởng và trên hệ thống truyền thừa, Lâm Tế, Tào-Động và Hoàng-Bích mỗi phái đều có một đường lối, một lãnh vực khác nhau. Nhưng nếu đi sâu vào vấn đề căn bản của các phái Zen ấy thì chúng ta thấy : phái nào cũng đặc biệt chú trọng đến phương pháp thể nghiệm và giác ngộ Phật tánh bằng lối Tọa thuyền cả. Phương pháp Tọa thuyền nầy đã cải tiến phát triển dần dần, và đã dung hòa với ba đặc tánh dân tộc của ba nền văn hóa khác nhau là : Tri của Ấn-Độ (Intellectual Culture of India), Hành của Trung-Hoa (Pragmatic Culture of China), và Tình của Nhật-Bản (Esthetic Culture of

---

(6) Thuyền là Thuyền tôn, là Zen, Tịnh là Tịnh-Độ tôn. «Thuyền Tịnh nhất trí » là chỉ cho ý nghĩa : Thuyền tôn và Tịnh Độ tôn là phát xuất từ một nguồn gốc đức Phật, nên cả 2 tôn đều phải dung thông hòa hiệp với nhau như nước với sữa. Có lẽ do chủ trương « Thuyền tịnh nhất trí » nầy, nên ở Trung-Hoa, Nhật-Bản cũng như ở Việt-Nam, có người vừa ngồi Thuyền mà niệm Phật như phương pháp Trì danh niệm Phật, và cũng có những người vừa niệm Phật nhưng vẫn ngồi Thuyền, như phương pháp Quán tưởng Niệm Phật, Quán tượng Niệm Phật v.v.

Japan). Những đặc tánh của các nền văn hóa khác nhau nầy đã tạo Zen thành một nền văn hóa hay triết học ngào ngạt hương thơm và lung linh màu sắc.

Tuy nhiên, Zen cũng không phải vì những hương sắc ấy mà phai nhạt tính chất thuần túy của mình là giản lược, thâm thúy và u huyền. Những tính chất nầy đã đúc kết Zen thành một nền văn hóa đặc biệt.

Riêng ở Nhật-Bản chúng ta thấy : Zen đã dung hòa với nền văn hóa thuần tình thẩm mỹ của Nhật và đã được phát triển rất mạnh ở các thời đại xưa và nay. Lúc đầu, khi mới du nhập vào Nhật-Bản, Zen chỉ được các hàng Võ sĩ Samurai yêu chuộng, và tu luyện theo với mục đích nuôi dưỡng tăng cường thêm tinh thần thượng võ của họ mà thôi. Nhưng từ khi nội chiến chấm dứt, nghĩa là từ khoảng cuối của thời đại Kamakura (1192 — 1326) trở đi, Zen — kể cả Lâm-Tế, Tào-Động và Hoàng-Bích — mỗi ngày một được truyền bá và ảnh hưởng mật thiết với nền văn hóa của Nhật - Bản qua các ngành như kiến trúc, Điêu - khắc, Thủ-công, Viên-nghệ, Hội-họa, Viết-chữ, Thi-Ca, Văn-học. Hãi-cú, Liên-ca, Trà - đạo v.v.

Nói tổng quát, tất cả các ngành Văn hóa mỹ nghệ của Nhật-Bản đều pha trộn nhiều màu sắc của Zen. Zen tức là văn hóa Nhật-Bản và văn hóa Nhật - Bản tức là Zen ; chúng ta không thể nào tách rời hai cái đó làm đôi được. Điều nầy nếu có dịp vào trong các Viện Bảo tàng, hay đi xem các cuộc triển thị về các tài liệu văn hóa cổ điển của Nhật - Bản thì quý bạn sẽ thấy rõ. Chính vì ảnh hưởng mật thiết với Zen như thế nên nền văn hóa của Nhật-Bản trở thành một nền văn hóa độc đáo, phong phú, diễm lệ và thấm đượm màu sắc Đông phương vậy.

Kỳ tới : *Giáo nghĩa căn bản của Triết lý Zen.*

✱ Một cuộc thất bại chỉ là một cơ hội để thử lại lần thứ nhì với nhiều khôn khéo hơn.

Henri Ford

✱ Thật ra điều quan trọng nhất trong đời, là không bao giờ thỏa mãn, không ngớt kiếm tìm, luôn luôn cố gắng, và mãi mãi vươn lên.

Jacques Souby

CÁC TRẺ SƠ SNIH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT

Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

NGUYỄN-HỮU-DUNG

(tiếp theo B. K. số 159)

Văn-nghệ với chánh-trị

trường-hợp Liên-Xô

Vụ Pasternak

Tại Hội-Nghị Văn-Sĩ Liên-Xô thứ hai, triệu tập năm 1954, Kavérine đã viết : « Số phận của của tác phẩm cũng là số phận tác-giả ». Bốn năm sau, lời nói ấy đã ứng - nghiệm vào ông Pasternak và cuốn Bác-Sĩ Jivago.

Thực ra cuốn B.S. Jivago không « phản động » bằng mấy cuốn xuất-bản sau trên đất Liên-Xô, thí-dụ những cuốn « Một ngày của Ivan Denissovitch » (bản dịch tiếng Pháp : un jour d'Ivan Denissovitch) của Alexandre Soljénitzine, cuốn « Hai bờ đại-dương » (Des deux côtés de l'Océan) của Victor Nekrassov cuốn « Nói quanh » (En tournant autour du pot) của Abramov.

Cuốn B.S. Jivago chỉ là một bản tự-thuật pha mầu « chính-trị trong phòng khách », một lối chính-trị rất thịnh hành trong giới trí-thức Liên-Xô (theo lời phê bình của nhà văn Michel Slavinsky, hiện giờ ở Paris và là hội-viên Hội Nghiên-Cứu Chính-Trị Quốc-Tế). Nhưng các nhà chức-trách Liên-Xô tự coi là bị ám chỉ trong cuốn ấy nên đã hành-hạ tác-giả, cấm tác-phẩm ; vì mất bình tĩnh, Đảng Cộng-Sản và Chính-Phủ Liên-Xô đã làm một việc có kết-quả ngược với ý-muốn, vô-tình đề cao cả tác-giả và tác-phẩm.

Tới khi Boris Pasternak được Giải Thưởng Nobel, thì ông ta bị công kích dữ dội... Ngày 28 tháng 10 năm 1958 tất cả nhật-báo Liên-Xô đăng thông-cáo sau đây: « Xét rằng Boris Pasternak đã phản-bội dân tộc Liên-Xô và chủ-nghĩa xã-hội, đã phản bội Hòa-Bình và Tiến-Bộ, xét rằng giải-thưởng Nobel đã đề cao sự trụy-lạc tinh-thần và sự thất-thế chính-trị của y để phụng-sự chiến-tranh lạnh, Boris Pasternak bị mất tư-cách nhà văn Liên-Xô và bị trục xuất khỏi Hiệp-Hội các nhà văn Liên-Xô ».

Sau đó Liên-Xô đã thi-hành nhiều giải pháp ngược-đãi ác-nghiệt đối với Pasternak,

nhưng càng hành-hạ bao nhiêu thì tác-giả lại được đề cao tên tuổi bấy nhiêu. Thanh niên Liên-Xô coi Pasternak như một gương sáng, một tiêu biểu cho giới trí-thức. Ngoài lãnh-thổ Liên-Xô, cuốn B.S. Jivago được dịch ra nhiều thứ tiếng và lừng danh một thời. Slavinsky phê - bình : « Cũng như trong nhiều trường-hợp khác, các phương pháp độc-tài tàn-ác đã đưa tới kết-quả ngược với ý-muốn của chính-phủ ».

Vụ Pasternak đã sui nên nhiều xúc-động, nhiều công-phẫn bất lợi cho chế-độ độc- tài Liên-Xô... Nhưng rồi cũng như các vụ rối rắm khác, vụ Pasternak cũng dần-dần chìm lặng. Những hoạt-động văn-nghệ nào tiếp tục được thì tiếp-tục trong một không-khí, bề ngoài phẳng - lặng, bề trong có lắm « ngọn sóng ngầm » ... Chỉ một vài khi thanh-niên và văn-sĩ Liên-Xô mới nhắc tới vụ Pasternak, coi như một trường-hợp diễn-hành sự bất-công, sự tàn-ác, và sự nhỏ-nhen của một chế-độ độc-tài lợi-dụng danh-nghĩa Chính-trị để đàn áp Văn-nghệ.

Tất nhiên các văn-sỹ cũng « ngứa bút ». Họ đã chỉ lựa chọn những đề-tài phổ-thông tầm-thường, vì lẽ họ không được phép tìm hiểu sự thực, nói ra sự thực, chỉ được phép đề-cập tới các vấn-đề quan-trọng của thời-đại nếu chịu tô-điểm sai sự thực. Các nhà chức-trách Liên-Xô nhận thấy rằng các văn-sỹ danh tiếng đều tránh các vấn-đề chính-trị, họ thất-ý và một đôi khi đã bộc-lộ sự tức-bực. Đảng cũng như Chính-Phủ đã công-kích kịch-liệt những nhà văn mà họ cho là « không rứt-khoát ». Họ đã phê-phán nghiêm-khắc Ilya Ehrenbourg, Eugène Evtouchenko, Daniel Granine, Vera Panova v...v...

Một số chủ-nhiệm tập-san cũng bị liên-lụy bởi sự mất bình - tĩnh của Đảng và Chính-Phủ. Thí-dụ ông Constantin Simonov là người trước kia được phân loại vào thành phần tích-cực, là người đã cảnh cáo phủ đầu các đồng-nghiệp tại Hội-Nghị Văn-sĩ Liên-Xô thứ hai năm 1954, đã bị cất chức chủ-nhiệm tờ Novy Mir vì lẽ « yếu mềm ». Ông Tvardovsky đã được chỉ định thay thế ông Simonov (bây giờ ông Tvardovsky cũng đã theo số-phận ông Simonov).

Các lời cảnh-cáo cũng như sự thay-thế một số chủ-nhiệm không khiến cho các văn sĩ « tích-cực » hơn. Tại Liên-Xô đã sinh ra một hiện-tượng bất ngờ : tác-phẩm có giá-trị biến hẳn khỏi các tập-san lớn của Trung-Ương, nhưng thỉnh-thoảng xuất-hiện ở các tạp-chí nhỏ tại các tỉnh. Trước tình-trạng « đình-công giả chứng » của các văn-sĩ, Khrouchtchev đã triệu-tập một Hội Nghị Văn-sĩ Liên-Xô thứ ba, từ ngày 18 tới ngày 23 tháng 5 năm 1959.

Hội-Nghị Văn-Sĩ Liên-Xô thứ III

Với mục-đích « tránh phô-trương một tinh-thần chia rẽ trong giới văn-sĩ Liên-Xô », Khrouchtchev đã lựa chọn kỹ-lưỡng các văn sĩ để mời dự Hội-Nghị : 75,8% các người được mời là Đảng-viên Cộng-sản Liên-Xô ; *chỉ có ba văn-sĩ trẻ dưới 30 tuổi* (sau vụ Pasternak, các văn-sĩ trẻ chống đối hăng-hái đường lối của Đảng). Lựa chọn kỹ, bao vây kỹ nhưng không lãnh-đạo được, danh từ « lãnh-đạo » đã chỉ là một danh từ... Hội-Nghị không hào-hứng, không xây-dựng được gì cả.

Với tư-cách Tổng-Thư-Ký Đảng Cộng Sản Liên-Xô, Khrouchtchev đã khai-mạc Hội-Nghị. Con người chưa viết cuốn sách nào đã « lên lớp » các văn-sĩ tên tuổi :

« Trong giới trí-thức có những người bắt đầu mất trí, tỏ vẻ nghi-kị hoặc lưỡng lự trong các vấn-đề lý-thuyết phức tạp sui nên bởi tính-cách cần-thiết của chủ-trương trừ bỏ sự tôn-sùng cá-nhân . . . Chúng tôi chống những người chỉ tìm trong đời sống những sự kiện tiêu cực, thích bàn tán về những sự kiện ấy, và cố gắng bới xấu nếp sống Xô-Viết ».

Ngay trong thời gian Hội-nghị nhóm họp, ngày 20 tháng năm 1959, tập san Literatournaya Gazeta đã đăng một bài của nhà văn danh tiếng lão thành Constn-tin Paoustovsky. Tác giả viết :

« Có lẽ chúng ta đã nói quá nhiều về sự thực trong văn chương, là vì sự thực đúng là thứ mà chúng ta thiếu. Tác phẩm phản ánh bộ mặt thực của tác giả. Chính vì vậy nên số phận của một tác giả đã từ bỏ sự thực, nhân danh những quan niệm không liên quan gì tới văn chương, thực là đáng buồn. Quốc dân trông thấy hết. Quốc dân hiểu qua các giòng và không bao giờ tha thứ một nhà văn, dù tài giỏi đến đâu, đã nói sai, nói dối ».

Cũng trong bài báo ấy, ông Constan-tin Paoustovsky đã nhắc tới « thế hệ văn sỹ trẻ » — thi sĩ và văn sĩ — tức là thế hệ đã bộc lộ đều đều ý chí chống đối chủ trương của Đảng muốn gò ép văn-nghệ vào một đường lối giả tạo, và cũng là thế hệ không có đại diện xứng đáng tại Hội nghị.

Hội nghị bế mạc trong một không khí chán nản buồn tẻ. Hai bên, Đảng và giới nhà văn, giữ nguyên thái độ. Sau đó thế hệ văn sĩ trẻ tuổi đã theo gương Eugène Evtouchenko, gây nhiều khó khăn cho Đảng.

Ngày 30 tháng 5 năm 1960, Boris Pasternak từ trần. Các văn sĩ, già và trẻ rất xúc động và chống đối « đường lối chính trị chung » hơn trước.

Không khí chống đối tăng lên từ tháng 1 năm 1961 sau khi các nhật báo Liên-Xô (do Đảng chi phối tất) đăng một loạt bài công kích các tác phẩm của Evtou-chenko, và cuốn đầu trong tập bút ký của Ilya Ehrenbourg « Người, thời gian và đời sống ». Trong cuốn này nhà văn lão thành Ehrenbourg đã tiết lộ nhiều điều làm cho các nhà chức trách Liên-Xô, kể cả Khrouchtchev, phải nhức đầu. Trong một bài diễn văn ngày 8 tháng 3 năm 1961, Khrouchtchev nói :

« Điều đáng cho người ta chú ý là đồng chí Ehrenbourg đã trình bầy mọi sự dưới một khía cạnh đen tối. . . Ông ta đã nhầm nhãng nặng nề về phần lý thuyết và chúng ta phải *giúp* ông ta hiểu » (xin hiểu chữ « đen tối » và chữ « giúp » theo nghĩa cộng sản).

Bài diễn văn ấy đã mở đầu cho một chiến dịch nhật báo đầy căm tức đối với thế hệ văn sĩ trẻ. Tập san Younost đăng một truyện ngắn « Mảnh giấy sao hoa » (le billet étoilé) và một kịch ngắn « A.B. C.D. » của hai văn sĩ trẻ tuổi rất được độc giả triu mến. Chính vì phản ứng tán thưởng của độc giả đối với hai tác phẩm ấy mà Đảng cần minh định lập trường.

Đảng trách *« thế hệ mới là một tâm trạng chán nản trước các sự thực thường nhật, có khuynh hướng phụng sự lý tưởng khác*

lý tưởng cộng sản. Nhưng chiến dịch đả kích của Đảng càng bành trướng, những tác phẩm «nẩy lửa» càng có thêm, đăng trong các tập san Novy Mir, Younost, Néva, v.v...

Như vậy, 8 năm sau khi Staline chết, mặc dầu Khrouchtchev đã tuyên bố thiết lập một chế độ rộng rãi hơn chế độ sít-ta-li-nit, tình trạng văn nghệ Liên-Xô vẫn bế tắc (theo quan niệm của Đảng). Một đằng, các nhà văn danh tiếng, cột trụ của nền văn chương Liên-Xô, vẫn im hơi lặng tiếng, không chịu đề cập tới những vấn đề trọng đại ; các văn sĩ trẻ tuổi sáng tác mạnh hơn nhưng thường là chỉ trích bóng gió, « nẩy lửa » ; cả hai thế hệ không xây dựng theo đường lối của Đảng. Một đằng các văn sĩ trung thành với Đảng bị công chúng thờ ơ, không đọc ; trong các văn sĩ thuộc Đảng cũng có những cây bút cứng nhưng nhân dân không thích, như Simonov, Sobolev, Kotchétov, Gribatchev.

Kết quả là những điểm lý thuyết quan trọng do Đảng nêu lên không được đào sâu thành lý thuyết. Thí dụ Đảng Cộng-sản Liên Xô đã coi ý niệm « xã hội thực thể » như là một căn bản cho nền văn chương Liên Xô ; ấy thế mà cho tới bây giờ vẫn chưa ai nói rõ được ý niệm ấy là cái gì, ngoài ý muốn giải thích thiên lệch những sự thực có nhiều điều không đẹp, ý muốn bắt các văn sĩ danh tiếng tán dương những thành tích do Đảng và Chính Phủ đề ra. Người ta chưa có một định nghĩa đích xác !

Phong trào hạ bệ Staline

Phong trào này đã được Khrouchtchev công khai phát động mạnh mẽ tại Đại hội Cộng Sản Liên-Xô thứ 22 hồi tháng 11 năm 1961. Việc tiết lộ các tội ác của Staline đã gây nhiều xúc động trong giới văn sĩ trẻ tuổi, sinh ra một « tiểu phong trào » chia rẽ giữa « thế hệ các cha» và «thế hệ các con» (xin hiểu là thế hệ những người sinh trước đã phụng sự chế độ Staline, và thế hệ nhà văn trẻ tuổi không liên lụy với Đảng). Trong tập san Oktiabr, số 11 phát hành năm 1962, có quãng văn sau đây :

«Ít lâu nay người ta thảo luận luôn về vấn đề các cha và các con.

« Tôi xin nhắc lại rằng tại một hội đồng đặc biệt của Trung-Ương Đảng bộ triệu tập hồi tháng 12 năm ngoái chỉ có mục đích thảo luận về các vấn đề lý thuyết, nhiều tiếng vọng đã được nêu lên liên quan tới thái độ của thanh niên đối với quá khứ. Theo ý tôi, tính cách gay go của vấn đề này có thể giải thích bởi một tình trạng chính trị cụ thể.

« Tuy nhiên, phải nhận xét rằng hình như sau khi Đảng lên án chủ nghĩa tôn sùng cá nhân, và trong khi Đảng thanh toán kết quả (của phong trào lên án), thanh niên không phải là thành phần duy nhất đã có những tâm trạng tai hại, chán nản, vô chính trị, và còn xấu xa hơn nữa... Thanh niên không thể thảo luận về một vấn đề chung nào mà không nhắc tới vấn đề các cha và các con. Cứ như họ nói với nhau thì « các cha đã nói dối cả, hiện giờ không còn tin được các cha về một thứ gì cả ».

Vì lý-do Chính-trị, người ta đã hạ-bệ Staline. Các sự bàn tán như trên là kết quả của phong-trào hạ-bệ. Trước phản

ứng của giới Văn-Nghệ và chỉ dựa vào lý-do Chính-Trị, người ta mưu toan dùng Chính-trị để « lãnh-đạo » Văn-Nghệ. Khác với mấy lần trước, lần nầy người ta chủ-trương bạo-ngược, không cần gây tin tưởng, chỉ khủng bố để bắt theo. Khủng-bố thì dễ, nhưng bắt theo thì khó... Khó vì lần này không phải là bó-buộc những người « lừng-khừng » phải « tích-cực », mà là phải đàn áp một phần xã-hội đã có lập trường chống đối rõ-ràng, và vì đã xuất hiện hai hiện-tượng mới.

Hiện-tượng thứ nhất là sự chia rẽ giữa các cha và các con. Khrouchtchev đã đề-cập tới hiện tượng này trong bài diễn-văn ngày 8 tháng 3 năm 1963, báo-chí Việt-Nam đã trích đăng vài đoạn thô-bỉ nhất. Khrouchtchev đã cố phủ nhận tình-trạng chia rẽ như sau :

« Trong xã-hội Sô-Viết không có mâu-thuẫn giữa các thế-hệ, không có vấn-đề các cha và các con theo nghĩa cũ của danh-từ... Vì vậy chúng ta quan-niệm rằng trong xã-hội của chúng ta chỉ có các dây liên-lạc giữa cá-nhân và cá nhân, và chúng ta muốn rằng các dây liên-lạc ấy ảnh-hưởng cụ thể tới các tác-phẩm. Những người nào chưa hiểu như vậy cần phải nghĩ tới và chúng ta sẽ *giúp* cho họ có một tác-phong đứng-đắn ».

Một ngày trước, ngày 7 tháng 3 năm 1963, L. Ilytchev, thư-ký trung-ương đảng-bộ Liên-Xô, đã tuyên-bố : « vấn-đề các cha và các con chỉ là một bịa-đặt có tính-cách tuyên-truyền của giai-cấp trưởng giả » (vẫn có trưởng-giả tại Liên-Xô ?). Ông ta phẫn-nộ :

« Còn có đề tài nào mà kẻ thù lý-thuyết của chúng ta không đề-cập tới ! Lúc nào cũng có những lời phê bình lầm-nhảm, nào là « khủng-hoảng », nào là « ngõ-bí » trong ngành văn-nghệ. Lại có cả những lời nói chắc về « sự vỡ-nợ của xã-hội thực-thể » ! Người ta cũng rêu-rao có « sự nổi loạn của các văn-sĩ thanh-niên chống các cha đã tự bôi nhọ trong thời-kỳ tôn-sùng cá-nhân... »

Hiện-tượng thứ hai khiến cho các nhà chức-trách Liên-Xô phải lo ngại, là sự xuất-hiện trong giới nhà văn của một « phe tự-do », chống-đối Đảng. Lần đầu tiên Đảng phải đối-phó trong quốc-nội với một nhóm « hầu như có tổ chức để phá hoại ngấm ngầm tất cả các hiếu thị của Đảng trong địa hạt văn nghệ. « Cuối năm 1962 phe đối lập này đã gửi cho ông Nikita Khrouchtchev một lá thư ngỏ đòi « *long trọng từ bỏ các phương pháp cũ và để cho các khuynh hướng văn nghệ được sống chung hòa-bình* ». Trong các người ký có tên nhà văn danh tiếng Ehrenbourg, và có cả tên ông Tổng - Thư - Ký Hiệp - Hội Nhà Văn Liên-Xô, Elexis Sourkov !

Tái-băng lần thứ II

Các nhà chức-trách Liên-Xô coi thư ngỏ ấy như một phỉ báng. Bức thư đó chính là nguyên nhân tại sao khi khai mạc một Triển-lãm Hội-Họa ngày 8/3/1963 Khrouchtchev đã nói những lời rất thô-bỉ mà báo-chí Việt-Nam đã đăng trích. (Ngay sau khi có thư ngỏ nói trên, thư-ký trung ương đảng độ Léonid Ilytchev đã đọc ngay một diễn-văn phỉ-báng thậm-tệ các văn-sĩ, nhưng không vang-âm ra ngoài

lãnh-thổ Liên-Xô). Xin nhắc lại vài lời của Khrouchotchev :

«Khốn nạn thay, một số văn-sĩ phê-bình sự thật theo những hơi thổi ở các só chỗ, mô-tả sự thực theo những định kiến chủ-quan và trụy-lạc, theo những quan-niệm suy-nhược mà họ đã nghĩ ra ! Hãy còn những văn-sĩ thích tìm tài-liệu trong các sọt rác và muốn coi tác-phẩm của mình như là hình-ảnh xác-thực của đời sống nhân-dân...

« Những người nào tưởng rằng lý-thuyết xã-hội thực thể và các khuynh-hướng cố-chấp trừu-tượng có thể sống chung hòa-bình trong nền văn nghệ Liên-Xô, sẽ tất nhiên rơi vào những quan-niệm sai lầm sống chung hòa-bình trong lý-thuyết, tức là phản-bội chủ-nghĩa Mắc-Lê, phản-bội quyền-lợi của thợ-thuyền và nông dân... Đảng không tha-thứ để họ phá-hoại đoàn-kết. Mưu-mô sống chung hòa-bình trong địa-hạt lý-thuyết chính là một tác hại cho tình đoàn-kết...»

Cũng như những lần trước, các nhật-báo Liên-Xô đã « học tập » bài diễn-văn của Khrouchtchev và công kích thậm-tệ « bọn phá hoại, bọn ngu-xuẩn sẵn-sàng nằm sạp trước một ngoại nhân, những thanh-niên sẵn-sàng từ bỏ tất cả những gì linh-thiêng của mình trước một hình-ảnh trong báo Life, trước một phỏng-vấn của hãng Stern, hay trước một quyển sách gửi ra xuất-bản ở bên kia...» Nhưng cũng như trước, chỉ có hai văn-sĩ chịu tự-thú, mọi người khác giữ im-lặng.

Vì vậy, trong tập-san Literatournaya Rossya ngày 5/4/ 1963, Barouzdine đã lên tiếng (Barouzdine là một văn-sỹ của Đảng; khi ông ta viết « chúng ta », là ông ta ám chỉ các văn-sĩ trung-thành với Đảng) :

« Chúng ta thua rồi, Lúc đầu chúng ta tranh-đấu, chúng ta thảo-luận, chúng ta tấn-công... Từ hai ba năm nay chúng ta mệt mỏi và hoang-mang. Chúng ta sợ cái gì ? Những thất bại trong các cuộc bầu kín chăng ? Hay là những nhãn-hiệu « giáo điều, xít-ti-li-nít » ? *Có lẽ chúng ta sợ kết quả của thái-độ xu-thời liên quan tới số phận văn-sĩ của chúng ta...»*

* * *

Bài này đã phóng-thuật theo tài liệu sưu-tầm của ông Michl Slavinsky, hiện ở Paris và là Hội-Viên Hội-Nghiên-Cứu Chính-Trị Quốc-Tế. Ông M. Slavinsky đã vì quá-trình tranh-đấu cho tự-do sáng tác văn-nghệ với một vòng lò-so. Nếu lấy một điểm làm đích, rồi dịch điểm ấy trọn một vòng lên phía trên, rồi nhìn từ trên nhìn xuống theo thùy-trực thiết-đồ, thì có cảm-tưởng như điểm ấy vẫn đứng nguyên chỗ cũ. Sự thực nó đã tiến một vòng.

Sau hơn 40 năm bị đàn áp, và dưới một chế-độ độc-tài vẫn còn bạo ngược, các văn-sĩ Liên-Xô vẫn dũng-cảm tranh-đấu cho tự-do sáng-tác. Theo ông Slavinsky, đó là một gương sáng, một tiến bộ. Ông Slavinsky viết :

« Lại một lần nữa, người ta có thể tưởng rằng vòng vây đã khép chặt quanh giới văn-nghệ-sĩ. Ta được phép nghĩ rằng lần này vòng vây ấy cũng sẽ chỉ gồm những hình-thức. Rất có thể những đại-danh trong ngành văn-chương Liên-Xô sẽ lại giữ im-lặng trong một thời-gian, nhưng các nhà văn đã nhận-thức rằng tình đoàn-kết là lực-lượng của họ, và rất có thể họ sẽ chụp lấy dịp đầu tiên để tranh-đấu nữa ».

NGUYỄN-HỮU-DUNG

MILOVAN DJILAS

LAI - SINH
lược dịch

ĐÀM THOẠI VỚI STALINE

(xem tiếp B.K. từ số 158)

II. — Hoài-Nghi

Tôi còn sang Mạc - Tư - Khoa một chuyến nữa và được Staline tiếp lần thứ hai. Đáng lẽ không có chuyến đi nầy nhưng trong một trường hợp trước đó tôi đã quá thành-thật và sự thành-thật nầy đã gieo vạ cho tôi. Chuyện thế nầy :

Sau khi Hồng Quân vào Nam-Tư, và sau khi Belgrade được giải-phóng vào cuối năm 1944, binh sĩ Nga đã có những hành-động gây hấn với thường dân và binh sĩ Nam-Tư, thường-xuyên đến nỗi chính-phủ và đảng thấy đây là một vấn-đề chính-trị phải giải-quyết. Người Cộng-sản Nam-Tư vốn đã lý-tưởng hóa Hồng Quân, khi quân đội nầy chưa đặt chân đến xứ sở của họ. Về mặt khác, họ đã từng trừng-trị nghiêm-khắc những bạn đồng ngũ phạm tội vi-cảnh hoặc cướp bóc của dân, cho dù những tội lỗi kia nhỏ-nhặt đến thế nào. Cho nên họ kinh-hoàng trước những hành-động tồi-bại của binh sĩ Nga còn hơn dân chúng nữa và dân chúng thì bởi một kinh-nghiệm lưu-truyền đời nầy, kiếp khác, vốn nghĩ rằng quân đội nào cũng cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc dân lành như quân đội nào. Tình hình ấy cũng nguy ngập hơn nữa là vì những phần tử chống Cộng khai thác các vụ động-chạm giữa Hồng Quân và quân dân Nam-Tư trong công cuộc đấu-tranh của họ chống chế-độ, nói riêng, và chống chủ nghĩa Cộng-sản, nói chung.

Vấn đề lại còn phức tạp thêm vì thái độ của các viên tư-lệnh Hồng Quân : họ làm ngơ trước những lời phiền-trách của chúng tôi, gây cảm - tưởng rằng họ bênh-vực binh sĩ của họ, dễ dãi đối với các hành-động gây hấn kia cũng như đối với các thủ-phạm.

Trong lúc nầy Tito qua Lỗ-Mã-Ni. Chuyến du hành nầy đưa ông ta đến luôn Mạc-Tư-Khoa, ở đây ông gặp Staline lần đầu tiên. Khi Tito trở về Belgrade thì chúng tôi nêu vấn đề kia ra.

Trong một phiên họp tại nhà Tito, có Kardelj Rankovitch và tôi tham-dự — Tito và ba chúng tôi là những lãnh tụ được biết nhiều nhất trong đảng Cộng-sản, Nam Tư — chúng tôi quyết định sẽ đưa vấn đề ra thảo-luận với trưởng phái-bộ Nga là tướng Korniev để ông nầy ý-thức được tất cả sự quan-trọng của vấn-đề ; chúng tôi cũng quyết định rằng không những Tito sẽ nói chuyện với Korniev mà ba chúng tôi, Kardelj, Rankovitch và tôi, cùng hai tướng lãnh xuất-sắc nhất của Nam - Tư, Peko Dapcevith và Koca Popovitch, cũng sẽ tham-dự cuộc thảo luận.

Tito trình bày vấn đề với Koniev với những lời lẽ hết sức ôn hòa và lễ phép ; điều này làm cho chúng tôi càng ngạc nhiên khi nghe Korniev trả lời một cách cộc cằn với giọng điệu của kẻ bị sỉ nhục. Thật ra chúng tôi mời Korniev tới nói chuyện là nhắm vào tư cách đồng chí, đảng viên Cộng Sản của ông ta nhưng ông đã kêu lên, sau khi nghe Tito trình bày :

— Nhân danh chính-phủ Liên-Xô tôi phản đối những lời bóng gió như thể đối với Hồng Quân vốn đã...

Chúng tôi đã cố gắng hết sức để Korniev thông cảm với chúng tôi nhưng vô hiệu. Và bỗng nhiên chúng tôi thấy xuất hiện một hình ảnh khác của con người Korniev, hình ảnh vị đại diện của một cường quốc và của một quân đội « giải phóng ».

Chính vào lúc ấy, tôi đã tuyên bố :

— Sở dĩ có vấn đề còn vì đối phương của chúng tôi lợi dụng các sự kiện động chạm rắc rối ấy để khống chúng tôi ; chúng đem so sánh những hành động gây hấn của binh sĩ Hồng Quân đối với chúng tôi, với thái độ của các sĩ quan Anh quốc không phạm những điều lạm hành như thế.

Nghe câu này, Korniev phản ứng với một thái độ hoàn toàn không chịu hiểu.

— Tôi cực lực phản kháng sự nhục mạ nầy ; vì so sánh Hồng Quân với quân đội các nước tư bản là nhục mạ chúng tôi.

Chỉ mãi về sau nầy các nhà cầm-quyền Nam Tư mới lập những bản thống kê các hành động phi pháp của binh sĩ Hồng Quân. Theo những đơn thưa của nhân dân Nam Tư thì đã có một trăm hai mươi một trường hợp hãm hiếp phụ nữ Nam Tư trong đó một trăm mười một trường hợp hãm hiếp và giết chết, một nghìn hai trăm lẻ bốn hành - động cướp bóc và hành hung, những con số hùng hồn về ý nghĩa, khi người ta

nhớ rằng Hồng Quân chỉ mới kéo qua mỏm Đông Bắc lãnh thổ Nam Tư. Những con số ấy giải thích vì sao các lãnh tụ Nam Tư phải xem những sự kiện rắc rối kia như là một vấn-đề chính trị nghiêm trọng nhất ; người ta còn nhớ rằng vấn đề chính trị nầy đã trở thành một yếu tố của cuộc đấu tranh chống lại lực lượng đối lập trong nước. Đối với người Cộng Sản, vấn đề ấy còn là một vấn đề tinh thần : đấy là Hồng Quân, quân đội lý tưởng, mà người ta mong chờ từ bấy nhiêu lâu sao ?

Cuộc nói chuyện giữa chúng tôi và Korniev chấm dứt mà không đi đến kết quả nào cả. Tuy nhiên về sau nầy người ta có dịp nhận thấy bộ tư-lệnh Hồng Quân phản ứng một cách nghiêm khắc hơn đối với các hành động bậy bạ của binh sĩ Nga.

... Về phần tôi, bỗng nhiên tôi tự thấy lâm vào tình trạng tấn thối lưỡng nan của một người Cộng sản đã chọn con đường lý tưởng với tất cả thiện chí và phần nào ý thức vị tha. Không sớm thì chầy, người Cộng sản ấy — nghĩa là tôi — cũng phải ý thức về sự không hợp hòa giữa lý tưởng và hành động của các nhà lãnh đạo đảng.

... Tình trạng tấn thối lưỡng nan của tôi phát sinh tự thái độ thản nhiên, nếu chưa phải là dung túng, của các cán bộ lãnh đạo và sĩ quan Nga Xô đối với tội ác, một thái độ được biểu hiện bằng sự kiện họ chối từ, không chịu thừa nhận đấy là tội ác và còn lên tiếng phản kháng mỗi khi người ta lưu ý họ về điều ấy. Thật ra, bản tâm của chúng tôi tốt : chúng tôi muốn bảo toàn thanh danh của Hồng Quân và của Nga Xô thanh danh mà đảng Cộng sản Nam - Tư đã mất bao nhiêu năm trời tuyên truyền xây dựng. Nhưng đáp lại thiện ý kia, chúng tôi đã nhận được những gì ? Một sự ngạo mạn và những sự cự tuyệt điển hình cho thái độ của một nước lớn đối với một nước bé, của một kẻ mạnh đối với một kẻ yếu hơn.

*

* *

... Mùa Đông 1944 — 1945, một phái đoàn chính phủ Nam - Tư sang Mạc-Tư-Khoa, phái đoàn nầy gồm có Andrija Hebrang, ủy viên ban chấp hành trung ương đảng và bộ trưởng bộ Kỹ nghệ, Arso Jovanovitch, tổng tham mưu trưởng, Mitra Mitrovitch, thời ấy còn là vợ tôi.

Lẽ tất nhiên đòn chí mạng giáng vào tinh thần phái đoàn là của Staline. Ông ta triệu tập cả phái đoàn vào điện Cẩm Linh, tiếp đón họ theo nghi lễ thường lệ nhưng đồng thời lại đóng với họ một tấn hài kịch mà người ta chỉ tìm thấy trong kịch phẩm của Shakespeare.

Ông bắt đầu chỉ trích quân đội Nam-Tư và sự tổ chức của nó. Tuy nhiên trong khi chỉ trích như thế, ông chỉ nhằm vào tôi mà thôi. Khi ông nói đến những thử thách mà Hồng Quân đã trải qua, những gian nguy, tàn khốc mà Hồng quân phải chịu đựng trong cuộc chiến đấu xuyên qua một sứ bị tàn phá, xa cách quê hương hàng

nghìn cây số thì Staline nổi nóng lên, ông khóc lóc và la lớn :

— Và chính quân đội ấy đã bị nhục mạ bởi một mình tên Djilas ! Djilas, người mà tôi không hề chờ đợi có một thái độ hành động như thế, người mà tôi đã tiếp đãi trọng hậu biết bao nhiêu và người ấy đã dám nói tàn tệ như thế về một quân đội không tiếc máu xương, hi sinh tranh đấu cho các đồng chí ! Phải chăng nhà văn Djilas không hiểu sự đau khổ và lòng người như thế nào ? Hắn không thể chấp nhận cho một chiến sĩ được tìm thú vui nơi người đàn bà, được tiêu khiển một ít, sau khi vượt khỏi hàng nghìn cây số, băng mình qua khói lửa, máu xương và chết chóc sao ? »

Sau đấy, Staline đề nghị mọi người nâng ly chúc tụng nhiều lượt ; ông nịnh người nầy, đùa kẻ kia, chế giễu người thứ ba, ông hôn vợ tôi lấy cớ rằng nàng là người Serbie và một lần nữa, nhỏ nước mắt khóc nỗi nhục nhã của Hồng Quân và sự vong ân bội nghĩa của Nam-Tư. Staline và Molotov đóng mỗi người mỗi vai trò, tùy theo bản tính của họ, làm như cả hai chung diễn một vở kịch. Vở kịch nầy chỉ buông màn sau khi Staline ôm vợ tôi hôn lần nữa và bảo rằng ông ta đánh liều bộc lộ tình cảm cách mạng như thế, chứ rất sợ bị kết tội là hãm hiếp. Ông ta không nói gì — hoặc nói rất ít — về các đảng, về phong trào Cộng sản, về chủ nghĩa Mác-xít nhưng ông lại nói rất nhiều về người Slaves và về những mối liên hệ làm cho người Slaves miền Nam và người Nga đoàn kết với nhau ; rồi thì, một lần nữa, ông ta nói đến những sự hi sinh, những thử thách khổ đau mà Hồng Quân đã phải chịu.

... Bây giờ đây, hồi tưởng chuyện ấy, tôi cảm thấy rất khó mà nhận định một cách chắc chắn rằng Staline đã đóng kịch với tôi hay ông đã xử sự như thế với tôi vì oán hận. Trong thâm tâm, tôi vẫn tin rằng nơi con người ấy kịch và thực là hai yếu tố bất khả phân ly. Ông đóng kịch tự nhiên quá đến nỗi cuối cùng dường như chính ông cũng tin rằng những gì mình nói ra là thật. Ông ta biết tự nhiên thích nghi với không khí và nội dung các câu chuyện, cũng như với tâm lý các nhân vật mà ông chỉ mới gặp lần đầu.

Dù sao, buổi ấy, khi phái đoàn Nam Tư trở về nước thì mọi người đã hoàn toàn kinh ngạc vì thái độ của Staline và mất đi khá nhiều tinh thần.

Riêng tôi, tôi cảm thấy sự cô đơn càng đậm đà, nhất là vì sự « vô ơn » của tôi đối với Hồng Quân đã làm cho Staline phải khóc.

***

Tháng tư năm ấy (1945), một phái đoàn chính phủ Nam-Tư được cử sang Mạc-Tư-Khoa để ký kết một hiệp ước tương tự. Phái đoàn do Tito cầm đầu ; tháp tùng ông có bác sĩ Soubachitch, bộ trưởng ngoại giao và hai bộ trưởng chuyên về các vấn đề kinh tế : B. Andrejev và N. Petrovitch.

Tôi cũng có mặt trong phái đoàn. Sự kiện nầy có ý nghĩa là Nam - Tư muốn nhờ những cuộc tiếp xúc trực tiếp giữa tôi và các nhà lãnh đạo Nga Xô lần nầy để thanh toán vụ rắc rối « nhục mạ Hồng Quân ». Tito chỉ ghi một cách đơn giản tên tôi trên danh sách phái đoàn gởi cho Mạc-Tư-Khoa xem trước. Nhưng người Nga không phản đối gì cả. Thế là tôi cùng lên phi cơ với các nhân viên phái đoàn...

... Tito đi máy bay không quen nên say gió. Đặt chân xuống đất, mệt lử, ông vẫn phải vận dụng bao nhiêu nghị lực còn lại để đọc bài diễn văn tương kiến và hành động đúng theo thủ tục lễ nghi. Molotov hướng dẫn phái đoàn Nga (sẽ thương thuyết với chúng tôi, về hiệp ước tương trợ) ra phi trường đón tiếp chúng tôi. Ông ta bắt tay tôi một cách lạnh lùng, không có nụ cười, không tỏ vẻ nhận ra tôi.

Điều làm cho tôi khó chịu nữa là người Nga đưa Tito đến ở một biệt thự đặc biệt, trong khi họ xếp đặt cho các nhân viên khác của phái đoàn ở tại khách sạn Métropole.

Những trường hợp thử thách chúng tôi những mối ưu tư của chúng tôi càng ngày càng làm cho chúng tôi khó chịu. Dường như người ta đã bố trí một trận chiến thực sự để tấn công tinh thần chúng tôi.

Sau khi chúng tôi đến Nga một hay hai ngày tôi không nhớ rõ nữa, tôi nghe chuông điện thoại trong phòng tôi chợt reo lên. Ở bên kia đầu dây, một giọng đàn bà quyền rũ cất lên :

— Tôi, Katia đây.

Tôi hỏi :

— Katia gì chứ ?

Nữ đối thoại bên kia đáp :

— Katia mà. Anh không nhớ sao ? Tôi muốn gặp anh. Tôi nhất thiết phải gặp anh.

Tôi cố gắng nhớ lại xem tôi có quen những cô gái nào tên Katia. Không, tôi không quen ai có tên ấy cả và tự nhiên khi nhận định dứt khoát như thế tôi sanh nghi. Các cơ quan mật vụ Nga-Xô hiểu rằng đảng Cộng sản Nam-Tư rất nghiêm túc về phương diện đạo đức, chắc họ muốn giăng bẫy chụp tôi để sau nầy làm « săng ta » tôi đây ! Nghĩ vậy rồi tôi đáp với một giọng bình tĩnh và khô khan :

— Xin hãy để cho tôi yên !

Rồi tôi gác ống điện-thoại.

Ban đầu tôi còn lo rằng tôi là cái đích duy nhất mà người ta nhắm vào, trong âm mưu quá lộ-liễu và tối-tệ nầy. Rồi thì nhớ lại vị-trí quan trọng của tôi trong đảng, tôi thấy cần tìm hiểu xem Petrovitch và Andrejjsv có gặp chuyện như thế không ; dù sao, tôi cũng muốn phàn - nàn về vấn - đề nầy với họ. Tôi được họ cho biết rằng chuông điện thoại nơi phòng mỗi người quả có reo. Đối với họ không phải một cô Katia, mà là một cô Natacha và một cô Vova lên tiếng. Về phần tôi, tôi kể cho họ nghe chuyện gì đã xảy ra cho tôi và tôi dặn dò họ đừng tiếp xúc với ai hết.

Tôi nhẹ lòng khi biết rằng tôi không phải người duy nhất mà người ta nhắm vào, đồng thời tôi lại rất đỗi băn khoăn. Vì đâu mà có những sự việc như thế ?

... Hiệp-ước liên.minh (tương trợ) giữa Nam Tư và Nga-Xô không có gì rắc rối cả... Lễ ký kết diễn ra tại điện Cẩm-Linh tới 11 tháng 4, với sự hiện-diện của một số rất ít nhân-vật...

Sự kiện đáng kể nhất trong đêm ấy xảy ra lúc Staline, ly rượu sâm-banh trên tay, quay lại mời một phục-dịch viên cụng ly với mình. Phục-dịch viên tỏ vẻ bối rối nhưng Staline bảo. « Sao, đồng chí không muốn uống mừng tình hữu nghị Liên Xô — Nam Tư sao ?» thì người ấy ngoan-ngoãn cầm ly rượu và uống cạn. Có một cái gì mị-dân và gần như lố.bịch trong màn ấy nhưng mỗi người điều nhìn với một nụ cười khoái-trá, xem cử-chỉ của Staline là dấu hiệu lòng ưu-ái và tình thân-mật của ông ta đối với nhân dân.

Đây là cơ-hội cho tôi gặp lại Staline. Nét mặt ông ta cau có nhưng ông không có vẻ cứng-rắn lạnh-lùng hay hòa-nhã gượng gạo của Molotov. Staline không nói với tôi một lời. Hiển nhiên là ông ta không quên, cũng không tha thứ sự động-chạm giữa tôi và Nga-Xô về vấn đề tác phóng của binh sĩ Hồng Quân. Người ta để mặc cho tôi tiếp-tục bị dày vò vì tội lỗi.

Staline cũng chẳng ngỏ lời với tôi trong bữa ăn khoản-đãi chúng tôi tại điện Cẩm Linh. Sau bữa ăn, chúng tôi xem chiếu phim. Trước đó, Staline đã nói là ông ta chán những phát súng cho nên người ta không chiếu phim chiến-tranh mà chiếu một phim tài liệu về đời sống ở một trông trại tập thể ?

Suốt thời gian phim được chiếu, Staline bình luận, phản ứng với những gì diễn ra trên màn ảnh, theo cách điệu của một người vô giáo dục, lầm lẫn thực tế nghệ thuật với thời sự.

Mọi người đều đã chán nâng ly chúc tụng, chán cả ăn lẫn xem phim. Đến phút giải tán, Staline, một lần nữa, bắt tay tôi không nói một lời. Nhưng đến giờ phút ấy thì tôi đã bình tĩnh hơn trước nhiều, không hiểu vì đâu.

Dù sao, tôi đã nhận thấy được một điều : người ta vẫn sống được cho dù không được sự thương mến của Staline.

***

Một hoặc hai ngày sau đó, có bữa tiệc chính thức thiết tại phòng đại Nữ-hoàng Catherine. Theo nghi-lễ Nga Xô, Tito ngồi bên trái của Staline và bên mặt của Kalinine chủ-tịch Xô viết tối cao đương thời. Về phần tôi, tôi ngồi bên trái của Kalinine. Molotov và Soubachitch ngồi đối diện với Staline và Tito, các nhân viên khác của hai phái đoàn Nga và Nam Tư ngồi kế tiếp chung quanh chiếc bàn tròn.

Các tân khách mỗi khi nâng ly chúc tụng, gọi nhau bằng « ông », tôn trọng triệt để nghi-lễ quốc-tế như là họ đang dự một cuộc họp mặt giữa những đại diện chế-độ và ý-thức hệ khác nhau; không khí cầu kỳ nầy có vẻ kỳ-quặc

vì trừ bác sĩ Soubachitch, mọi người đều là đảng viên Cộng-sản cả.

... Staline phá tan không khí khó chịu nầy. Chỉ một mình ông có thể làm như vậy bởi vì chỉ một mình ông không ngại bị phê-bình là sai lầm. Ông ta đứng lên một cách giản dị, đưa ly rượu của ông về phía Tito, ngỏ lời với Tito, kêu Tito là « đồng chí », ông bảo rằng ông không muốn kêu Tito bằng « ông ». Bầy nhiêu đủ phục hồi tinh thần hữu nghị và làm cho bầu không khí trở nên vui vẻ. Bác sĩ Soubachitch cũng mỉm cười, vui thích nhưng người ta khó biết thái độ ấy thành thật hay không ; nhà chính-trị ấy không thiếu khả năng đóng kịch, và về mặt khác, ông ta cũng chẳng có ý-kiến nguyên tắc gì vững-chắc.

Staline bắt đầu đùa giỡn...

Kalinine xin Tito một điều thuốc. Staline bảo :

— Đừng hút, đó là thuốc điều của tư-bản !

Và Kalinine bối rối, để rơi điều thuốc khỏi những ngón tay run rẩy trong khi Staline cười và một vẻ hiểm ác hiện lên trên mặt ông ta. Sau đó, chính Staline nâng ly chúc tụng « Chủ tịch Kalinine của chúng ta », nhưng người ta thấy rõ là ông ta cố ý dùng những lời lẽ thật là tôn kính đối với một người từ lâu rồi ở chức vụ chủ tịch Xô viết Tối cao chỉ để làm vổ mà thôi.

Ở đây trong một phạm vi rộng hơn chính thức hơn, sự thần thánh hóa con người Staline lộ liễu hơn và trực tiếp hơn. Bây giờ, tôi có thể nói rằng sự thần thánh hóa

ít ra cũng là do những kẻ tả hữu của Staline và bộ máy thư lại của Nga-Xô vốn cần một lãnh tụ như thế, đã góp sức cùng Staline gây dựng nên. Lẽ dĩ nhiên mối liên hệ giữa Staline và những người thân cận phải do đấy mà thay đổi.

Trở nên một vị thánh thần, Staline đầy quyền uy đến nỗi dần dần ông ta không còn lưu ý đến những đổi thay trông các nhu cầu và nguyện vọng của những người đã ca ngợi ông.

Khi con người nhỏ thấp dị dợm ấy đi ngang qua các cung điện huy-hoàng, tráng lệ, người ta lui ra hai bên, người ta nhìn theo với những đôi mắt kính phục và hớn hở và những kẻ cận thần thì lắng tai chờ đón những lời lẽ nhỏ nhặt của ông. Và ông, đầy tự tin ở mình và ở sự nghiệp của mình, chẳng lưu ý chút nào đến cảnh tượng ấy. Xứ sở ấy bị chiến tranh tàn phá đang đói rét, kiệt quệ. Nhưng quân đội của ông với những vị thống chế thân hình phục phịch những mỡ và ngực chẳng chịt huy-chương, say sưa men rượu bắp cũng như men chiến thắng, đã dẫm gót giày lên một nửa lãnh thổ Châu Âu và ông còn tin chắc rằng họ sẽ dẫm nốt gót giày lên phần nửa lãnh thổ cuối cùng kia vào hiệp sắp tới. Staline hiểu mình là một trong những nhân vật tàn-ác nhất và độc-tài nhất của lịch-sử loài người. Nhưng điều đó có quan trọng gì đối với ông

ta ? Ông tin chắc rằng ông đang thực hành điều phán quyết của Lịch-sử. Lương tri của ông không bị cắn rứt chút nào, mặc dù hàng triệu người đã bị người ta tiêu-diệt nhân danh ông và theo lệnh ông, mặc dù hàng ngàn Cộng Sự Viên thân tín nhất của ông đã bị ám sát như những kẻ phản bội, vì họ đã dám nghi ngờ rằng ông không đưa xứ sở và dân tộc đến hạnh phúc, bình đẳng và tự do.

Cuộc tranh đấu của ông nguy hiểm, dai dẳng và đầy gian trá bởi vì những kẻ chống lại ông ít ỏi và yếu thế. Nhưng ông đã thắng ; thắng lợi là tiêu chuẩn duy-nhất của chân lý ! Bởi vì lương-tri là cái gì ? Lương tri có hay không đã ? Lương tri không có chỗ ngồi trong nền triết-lý của ông, càng không có mặt trong các hành-động của ông. Có những thi-sĩ đã được ông gợi hứng sáng tác, có những nhạc-sĩ đã ca-ngợi vinh-quang của ông, có những triết-gia, ở các đại học đường, đã viết từng quyển sách dày về những lời lẽ của ông và có những người tuẫn-tử đã gọi tên ông trên giàn gươm máy, trước phút chết .

... Bây giờ tôi cũng bị con người của Staline và những lời lẽ hay của ông chinh phục. Nhưng trong một góc nhỏ của tâm trí tôi, tôi thấy bồi rồi : tôi đã cảm thấy sự ngụy trá của Staline và trong thâm tâm, tôi không chấp nhận được cách đùa giỡn của ông cũng như sự ông cố ý không nói với tôi một lời thân thiện.

Cho nên sau đó tôi đã ngạc nhiên một cách thích thú khi được mời dự một bữa ăn thân mật tại biệt thự của Staline. Dĩ-nhiên bác sĩ Soubachitch không hay biết gì về bữa ăn thân mật nầy cả. Tham dự chỉ có các bộ-trưởng Nam-Tư và các cộng-sự viên thân-cận nhất của Staline : Malenkov, Boulganine, đại tướng Antonov, Béria và, lẽ tự nhiên, Molotov.

Theo thường lệ, đúng 10 giờ đêm thì chúng tôi đã đến, ngồi quây quần chung quanh bàn ăn của Staline.

... Ngồi đối diện với Staline, bỗng nhiên tôi thấy tin-tưởng trở lại, mặc dù ông ta không bao giờ nhìn tôi cho lâu. Khi bầu không-khí đã trở nên vui vẻ vì rượu, vì những ly chúc tụng, về những lời đùa cợt, Staline cho rằng đã đến lúc thanh toán vụ gây gỗ ngày trước. Ông ta hành-động một cách nửa thật, nửa đùa. Ông rót đầy rượu vào ly tôi và mời tôi uống mừng sức khoẻ của Hồng Quân. Tôi chưa hiểu kịp thâm ý của ông nên tôi đáp là tôi muốn uống mừng sức khoẻ của ông ta.

Staline mỉm cười, nhìn xoáy vào và bảo :

— Không không, chính là uống mừng Hồng quân ! Thế nào đồng-chí không muốn uống mừng Hồng quân mạnh giỏi sao ?

Lẽ tự nhiên là tôi uống, với lời chúc tụng, mặc dù cho đến lúc đó, tôi tránh uống rượu, ngay cả trong những buổi tiếp tân của Staline, trước là vì rượu không thích-hợp với cơ thể tôi, sau

nữa vì nguyên tắc sống của tôi không chấp nhận sự say sưa, tuy tôi không phải tín-đồ của khổ hạnh.

Sau đó, Staline hỏi tôi về câu chuyện giữa tôi và Hồng quân. Tôi giải thích cho ông ta hiểu rằng tôi không hề có ý nhục mạ Hồng quân, mà lúc ấy tôi chỉ muốn lưu ý các nhà hữu trách Nga Xô về những hành động sai lầm của một số binh sĩ Nga và về những khó khăn chính trị mà tình hình ấy gây ra cho chúng tôi.

Staline ngắt lời tôi :

— « Phải, dĩ nhiên đồng chí đã đọc các tác phẩm của Dostoievsky ? Đồng chí đã hiểu tâm hồn và tâm lý con người phức tạp như thế nào. Được ! vậy bây giờ đồng chí hãy tưởng tượng về một con người đã chiến đấu từ Stalingrad đến Belgrade, trên hàng nghìn cây số đất đai bị tàn phá, giữa thi hài của những bạn đồng đội thân mến nhất của mình. Một người như thế làm sao có thể có những phản ứng bình thường ? Và có gì ghê gớm trong việc giải khuây với một người đàn bà sau khi người ta đã chạm trán, chịu đựng những cảnh tàn khốc như thế ? Đồng chí đã tưởng rằng Hồng quân là một quân đội lý tưởng. Nhưng nó không phải như thế và không thể như thế, cho dù nó không có một số tù trọng phạm trong hàng ngũ (chúng tôi đã mở cửa các nhà lao và sung vào quân đội tất cả phạm nhân).

Ông nói tiếp :

— « Về vấn đề nầy, để tôi kể cho đồng chí nghe một ví dụ rất lý thú : một đại tá không quân đang đùa giỡn với một phụ nữ, bỗng một kỹ sư giàu lòng nghĩa hiệp xuất hiện và bênh vực người đàn bà. Viên đại tá rút súng lục, la lớn : Đồ chuột chù trốn lánh tiền tuyến ! » Rồi viên đại tá bắn chết viên kỹ sư giàu lòng nghĩa hiệp. Người ta xử viên đại tá tội tử hình và báo cáo sự việc với tôi. Tôi ra lệnh mở một cuộc điều tra — tôi có quyền ấy vì tôi là tổng tư lệnh tối cao trong thời chiến — rồi tôi bảo tha sĩ quan ấy và đưa anh ta ra mặt trận. Bây giờ đây, anh ta là một trong những anh hùng của chúng tôi. Phải hiểu người binh sĩ Hồng quân không phải là một quân đội lý tưởng. Điều quan trọng là Hồng quân chiến đấu chống bọn Đức và Hồng quân đang chiến đấu oanh liệt. Những cái khác có quan hệ gì ? »

Ít lâu sau đó, khi từ Mạc-Tư-Khoa trở về, tôi rất lấy làm kinh khủng khi biết một ví dụ khác về thái độ « hiểu biết » của Staline đối với tội ác của các binh sĩ Hồng quân. Trong khi đi qua miền Đông Phổ, binh sĩ Nga, nhất là những binh sĩ thuộc binh chủng thiết giáp, đã đánh đập và giết chết tất cả thường dân tị nạn người Đức cả đàn bà lẫn trẻ con. Staline được báo cáo về việc ấy, người ta hỏi ông phải làm gì, ông trả lời :

— Người ta trách cứ binh sĩ của chúng ta nhiều quá ! Hãy để cho họ có một chút sáng kiến chứ !

Trong bữa ăn đêm ấy, Staline còn hỏi tôi :

— Đồng chí nghĩ sao về tướng Korniev, trưởng phái bộ của chúng tôi ? Theo ý đồng chí, đó là hạng người thế nào ?

Trong sự trả lời, tôi tránh không nói điều gì khó chịu cho Korniev và cho phái bộ Nga, mặc dù có nhiều điều đáng nói lắm. Chính Staline đã kết luận như thế nầy :

— Con người đáng thương ấy không ngu đần nhưng đó là một bợm rượu, một bợm rượu bất trị.

Đoạn, Staline trêu ghẹo tôi về sự tôi uống « bia ». Thật ra « bia » tôi cũng không thích nữa. Và Staline nói lên ý nghĩ nầy :

— Djilas uống « bia » như một người Đức, phải hắn như người Đức vậy. Mà thầy là người Đức thực, trời, một người Đức mà.

Tôi không thích lối khôi hài như thế chút nào ; ở Mạc-Tư-Khoa sự căm thù người Đức đã lên tột độ, người ta trút sự căm thù cả vào số vài người Cộng sản Đức di cư sang Nga ; nhưng tôi cũng nhận câu nói ấy của Staline không oán giận. Sau đó, tôi có cảm tưởng là vụ rắc rối về tác phong của Hồng quân đã chấm dứt. Mối liên lạc giữa tôi và Staline trở lại thân thiện như những ngày trước đây.

... Và mối liên lạc giữa Tito và Staline, người ta có thể tìm thấy một thứ tình cảm đặc biệt, âm thầm, một sự oán hiềm lẫn nhau mà mỗi bên đều che giấu, kìm hãm vì lý do riêng. Dù sao Staline cố giữ để không xúc phạm trực tiếp đến Tito nhưng đồng thời ông dùng những lời châm chọc quỷ quyệt trong khi nói chuyện về tình hình ở Nam-Tư.

Về phần Tito, ông giữ một thái độ tôn kính đối với Staline như đối với một bậc đàn anh nhưng người ta có thể nhận thấy sự oán hận của ông, đặc biệt khi Slaline bình luận về tình hình Nam-Tư.

... Trong câu chuyện, tôi muốn Staline nhận thấy rằng ở Nam-Tư, xét về căn bản, có một kiểu chính quyền Nga Xô viết, đảng Cộng sản nắm những chức vụ then chốt và không có đảng đối lập nào quan trọng. Nhưng Staline không đồng ý. Ông bảo :

— Không, chính phủ của các đồng chí chẳng có gì giống Liên-Xô hết ; nó ở giữa chặn đường giữa nước Pháp của De Gaulle với Liên-Xô.

Bấy giờ Tito lưu ý Staline rằng một yếu tố mới đang thành hình ở Nam-Tư nhưng cuộc thảo luận dừng lại tại đó. Trong thâm tâm, tôi không đồng quan điểm với Staline, tôi lại thấy ý kiến của tôi không khác với ý kiến của Tito bao nhiêu.

Staline, sau đó, nhận xét về tính chất đặc biệt của cuộc chiến tranh đương thời :

— Cuộc chiến tranh nầy không giống như cuộc chiến tranh đã qua ; hễ ai chiếm được một lãnh thổ nào thì người ấy bắt buộc nơi đó phải theo chế độ xã hội của mình.

Mọi người đều muốn rằng quân đội mình tiến xa được đến đâu thì chế độ của mình thiết lập đến đấy. Không thể có chuyện khác được.

Ông ta cũng nhấn mạnh về ý nghĩa chính sách liên kết các dân tộc Slaves

của ông. Không đi vào sự giải thích dài dòng, Staline nói :

— Nếu người Slaves giữ vững đoàn kết, nhất trí thì không kẻ nào, về tương lai, có thể động đậy được một ngón tay...

Ông lặp lại :

— Đến một ngón tay cũng không được !

Và để nhấn mạnh về tư tưởng của mình, ông phát một cái chặt vào không khí bằng ngón tay trỏ.

Có người tỏ ý hoài nghi rằng người Đức có thể phục hồi sức lực trước năm mươi năm. Nhưng Staline cãi :

— Không, họ sẽ mạnh trở lại và mạnh rất nhanh. Đức là một nước kỹ nghệ rất phát triển, có một giai cấp thợ thuyền đông đảo và một lớp kỹ-thuật gia ưu tú. Hãy cho họ mười hai hay mười lăm năm và các đồng chí sẽ thấy họ vững mạnh trở lại. Đây là lý do khiến cho sự thống nhất các dân tộc Slaves quan trọng đến thế. Nhưng, cho dù thế nào, không có ai sẽ dám động đậy ngón tay út nếu như sự thống nhất các dân tộc Slaves tồn tại.

Bỗng nhiên Staline đứng dậy xăng quần lên như sắp sửa tham dự một trận đấu vật hay đấu võ và kêu lên một cách say sưa :

— Chiến tranh sẽ kết thúc nay mai ; chúng ta lại sẽ chuẩn bị sẵn sàng trong vòng mười hay hai mươi năm nữa và bấy giờ chúng ta sẽ xếp đặt trở lại việc ấy.

Những lời nói nầy chứa đựng một sự đe dọa ghê gớm. Một cuộc chiến tranh tàn khốc sẽ kế tục cuộc chiến tranh nầy vào lúc đó ; và điều làm cho người ta xúc động là Staline đã ý thức về con đường mà ông sẽ đi vào, về một tương lai không thể tránh được đang đè nặng trên phong trào mà ông cầm đầu và trên thế giới.

Những lời lẽ khác của Staline đêm ấy không có gì đáng ghi nhớ. Những gì tôi nhớ nữa là người ta ăn thật nhiều, uống rượu càng nhiều hơn và nâng ly chúc tụng vừa nhiều vừa lạt lẽo.

... Ngồi trên xe hơi chạy về biệt thự dành cho mình ở, Tito vốn không chịu được rượu quá nhiều, cũng như tôi bảo :

— Quỉ quái gì xui khiến cho người Nga uống rượu nhiều như thế ? Hủ hóa chăng ?

Lẽ tất nhiên tôi đồng ý với ông ta và đến phiên tôi, tôi cố tìm xem những duyên cớ nào thúc đẩy những kẻ đại diện cho giới thượng lưu Nga-Xô uống rượu như hũ chìm nhưng sự cố gắng của tôi vô hiệu.

Khi trở lại thủ đô Mạc-Tư-Khoa, sau lúc Tito xuống xe vào biệt thự rồi, tôi tổng kết lại những cảm tưởng của tôi trong đêm ấy ; thật ra đêm nầy không có sự kiện nào quan trọng đáng để ý ; tôi có cảm tưởng rằng không có những yếu tố bất hòa. Thế mà chúng tôi xa cách nhau hơn cả bao giờ.

Tôi càng đào sâu vào thực tại Cộng sản, những nỗi hoài nghi của tôi càng tăng gia : dung hòa cho được thực tại nầy với lương tri con người của tôi là một việc làm thất bại chắc chắn.

(còn một kỳ)

LAI-SINH

Kỳ tới : *III Thất vọng*

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET NAM)

Vốn V.N : 0.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

MỘT CUỘC KHÁM PHÁ KHOA HỌC

QUAN TRỌNG VỀ BẬC NHẤT :

PLASMA,

trạng thái thứ tư của vật chất

● VÕ-QUANG-YẾN

CHÚNG ta đều đã có học ở nhà trường : Vật chất có ba trạng thái : thể đặc, thể lỏng và thể khí. Thể đặc và thể lỏng dễ thấy, còn thể khí hồi đầu thế kỷ thứ 17 đã làm mất công 35 năm thí nghiệm cho nhà luyện đan Johan B. van HELMONT mới xác định được sự hiện hữu. Cuối thế kỷ thứ 29, một nhà vật lý học người Anh, William CROOKES, tự hỏi có ba, sao lại không có bốn, và khám phá ra được trạng thái thứ tư của vật chất nhưng không dè những tính chất vô cùng quan trọng của nó. Trạng thái nầy, nay người Âu Mỹ gọi là plasma. (Xin đừng lầm với huyết tương trong máu) Hai mươi năm sau, một người Anh khác, Oliver HEASIDE, tuyên bố một lớp plasma bao quanh quả đất ở cao độ nhưng chẳng ai muốn tin. Thật ra lúc ấy khoa học chưa đủ tiến để có thể hiểu một trạng thái kỳ dị và phức tạp như plasma mà ngay hiện nay các nhà vật lý và toán học cũng chưa giải nghĩa được hoàn toàn. Tuy nhiên, plasma không phải là một số nhỏ, một lệ ngoại của vật chất. Trái lại, theo những tài liệu do các vệ tinh nhân tạo lượm được, plasma chiếm cả vũ trụ, từ thể chất các ngôi sao đến khoảng không gian vô hạn mà tới nay người ta thường bảo là khoảng trống. Đằng khác, cuộc khám phá ra plasma với những tính chất kỳ dị của nó sẽ đảo lộn sự hiểu biết của loài người về vật chất, nay mai sẽ gây nên một cuộc cách mạng trong kỹ thuật và đời sống hằng ngày do đấy sẽ dần dần thay đổi.

Plasma là gì, thể thứ tư ra sao mà ghê gớm như vậy ?

Tính chất thể plasma.

Ta biết trong mỗi một nguyên tử, một số điện tử có điện âm, chạy xung quanh một cái nhân, có điện dương. Hai số điện âm, dương cân nhau nên về phương diện điện, nguyên tử là trung hòa. Dưới

PLASMA, TRẠNG THÁI THỨ TƯ CỦA VẬT CHẤT

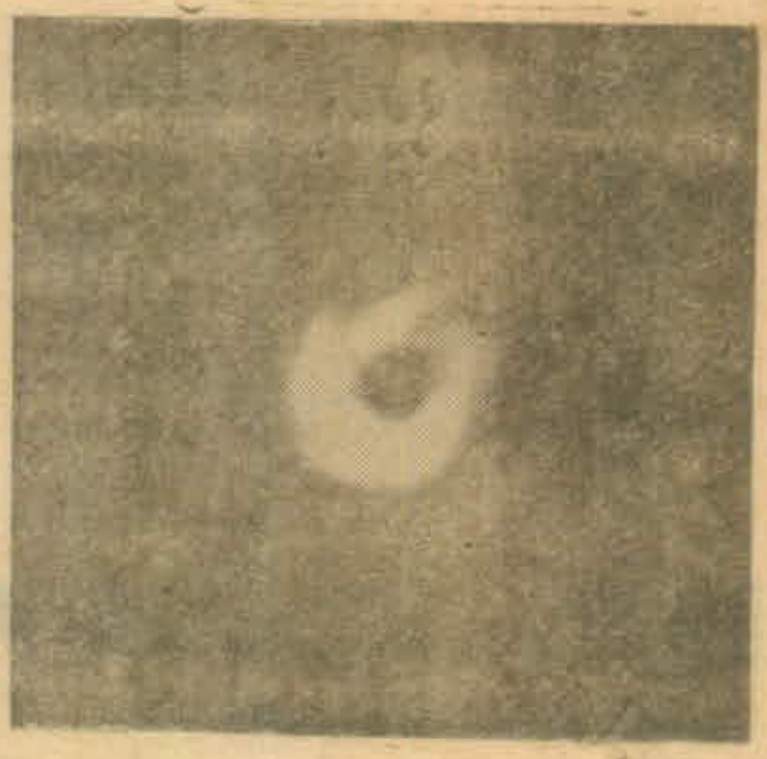

Tinh vân nhân tạo tí hon

Plasma gây ra chỉ giữ lâu được một phần giây

(*Hình trích Science et Vie*)

ảnh hưởng của sức nóng chẳng hạn, một số điện tử rời bỏ nguyên tử ra ngoài làm thành nhữhg điện tử tự do. Sức nóng càng tăng, số điện tử tự do càng lên nhiều. Đến một lúc, lẫn lộn với những nguyên tử nguyên vẹn, người ta thấy có một số khá lớn điện tử tự do và những mảnh nguyên tử còn lại gọi là iông. Trạng thái nầy là thể thứ tư của vật chất.

Một câu hỏi về chính xác được đặt ra ngay : bao giờ thì gọi là plasma ? Hay làm sao phân biệt được thể khí với plasma ? Tuy là một định nghĩa cốt yếu, môn học plasma còn non trẻ quá nên chưa định được một giới hạn gì nhất định. Nói chung, người ta gọi plasma khi số nguyên tử bị mất điện tử đã lên nhiều ; nhiều nghĩa là khoảng 10^{10} đến 10^{20} mỗi cm^3. (10^{10}, 10^{20} nghĩa là 10 theo sau 10, 20 con số không). Theo giáo sư L. SPITZER, nhà chuyên môn Mỹ trong địa hạt nầy thì trạng thái được gọi là plasma khi chỉ còn 1% nguyên tử nguyên vẹn. Giáo sư J.L.DELCROIX, người Pháp, thì cho trạng thái đã là plasma khi 10% số nguyên tử bị mất điện tử. Dù sao, dù có ít hay nhiều nguyên tử bị mất điện tử, tính chất plasma vẫn giống nhau.

Tính chất quan trọng nhất là thể plasma dẫn điện trái hẳn với thể khí. Nhiệt độ càng lên cao, plasma càng dẫn điện, có khi lên đến 1000 lần hơn một kim loại dẫn điện tốt. Một kim loại khi quá nóng có thể nóng chảy, plasma vì đã qua thể khí nên không can gì. Hơi khí khi nào cũng muốn lan tràn ra chiếm không gian, plasma trái lại tụ tập co rút thành nhỏ. Khi di chuyển, những điện tích gây ra dòng điện, từ đây sinh ra từ trường, từ trường uốn cong đường đi của các hạt điện và dần dần plasma biến ra hòn tròn. Trong các trận giông, có khi sét hiện ra thành hòn, lăn vào nhà và nổ. Đây chẳng qua là plasma mà từ lâu người ta không giải thích được. Nhiều hòn plasma làm thành plasmaoïde. Người ta suy đoán thái dương hệ, trước khi tụ đặc ra mặt trời và các hành tinh, là những plasmaoïde khổng lồ. Hiện nay

ở phòng thí nghiệm, người ta có thể chế tạo ra được những Plasmaoïde tí hon, có cánh hình xoắn ốc như ở những thiên hà vĩ đại.

Nhưng không cần phải đi kiếm phòng thí nghiệm mới chứng kiến được plasma. Plasma hiện ra trước mắt ta biết bao lần : các ống đen quảng cáo, các dãy đèn huỳnh quang đều là những plasma. Khi ta lấy muối biển rải vào một ngọn nến, muối cháy sáng vàng, ngọn lửa gồm có nguyên tử muối nguyên vẹn, nhiều điện tử tự do và những mảnh iông, đây là plasma. Thêm vào những tính chất kỳ lạ, plasma có một đời sống quá ngắn ngủi nên cuộc tìm hiểu cũng thêm phần khó khăn. Một ống nê ông, một hồ quang điện, plasma sẽ hiện ra tức khắc nhưng có được bao lâu. Trong cuộc nổ các bom nguyên tử, nhiệt độ lên đến hằng triệu độ, vậy mà plasma chỉ giữ lâu được có một phần triệu giây !

Chế biến Plasma nhân tạo.

Như đã thấy, nhiệt độ là một nguồn gây plasma rất tốt. Cuộc khảo sát trong địa hạt đom nhiệt hạch đã đưa các nhà vật lý học tới các plasma nóng đến nhiều triệu độ. Đằng khác, các phương pháp gây nhiệt cổ điển chỉ có thể hiến những nhiệt độ khoảng 4000 độ. Giữa hai mức nhiệt độ ấy, trong một thời gian khá lâu, người ta chẳng gây ra được một plasma nào. Cho đến năm 1951, nhà bác học người Đức, H. MAECKER, chế ra được một cái đèn xì đặc biệt, dòng một dòng điện 35.000 Ampère/cm^3 gây được một plasma 55.000 độ. Từ đấy, các đèn xì càng ngày càng hoàn hảo, gây được nhiều plasma khả quan, nhất là kỹ nghệ không gian càng ngày càng đòi hỏi

Người ta biết khi vệ tinh nhân tạo về lại quả đất, cọ xát với khí quyển, gây nên một lớp plasma quanh căpsuyn, cắt đứt những luồng sóng điện. Vì vậy, các nhà phi hành khi trở về, trước lúc rơi xuống đất, đều bị đứt tin trong một lúc. Nhờ những đèn xì chế plasma người ta đã học hỏi được cách trở về lại quả đất của các vệ tinh nhân tạo, từ hình thức căpsuyn đến các kim loại, chất dẻo có thể chịu đựng được nhiệt độ lớn. Các đèn xì chế plasma, trong ngành luyện kim, đã giúp người ta chế được nhiều hợp kim tốt, tìm được nhiều phép hàn gắn đặc biệt. Các đèn xì chế plasma cũng đã có nhiều ảnh hưởng trong ngành đúc. Bên phần hóa học, nhờ các đèn xì chế plasma người ta đã chế được nhiều chất khó khăn từ argi hytrua đến các hợp chất của alumi.

Nhưng chưa hết. Ứng dụng của plasma càng ngày càng tăng. Nhà vật lý học người Pháp, S.KLEIN cho phóng plasma trong không khí ; với hiệu ứng của một trường điện lực, plasma gây ra tiếng mà không cần kim loại, lại thêm thanh thâu rất là tinh xác. Máy nầy đã có bán ở Pháp (Ionophone) và ở Mỹ (Ionovac). KLEIN còn muốn dùng plasma trực tiếp biến nhiệt ra thành điện, như trong nguyên tắc các pin nhiệt điện, nhưng phương pháp của ông đang còn gặp nhiều trở ngại. Hiện nay, ở Nga, Mỹ và Pháp, người ta đang tiến hành trong lãnh vực nầy. Nhiều máy đã ra đời, hy vọng nay mai có thể thay thế các trung tâm phát điện cổ điển.

Người ta còn muốn tiến xa hơn nữa : dùng plasma làm năng lượng trong các phi thuyền vũ trụ. Sau cùng cũng không nên quên hai nhà thông thái người Hung-

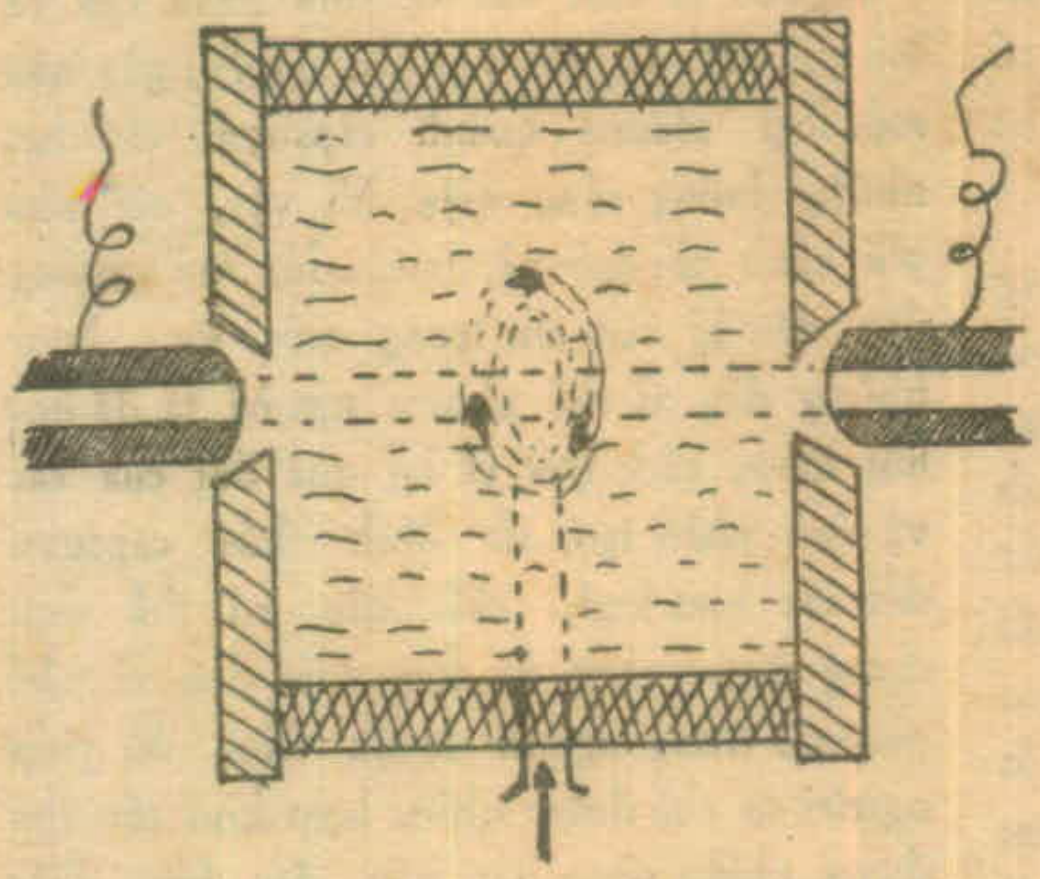

Máy chế Plasma của Maecker gồm có một hồ quang điện và hai điện cực. Điện được phóng ra trên một dòng nước chảy với tốc độ 700 vòng/phút, đập vỡ những phân tử nước và gây ra plasma 55.000 độ.

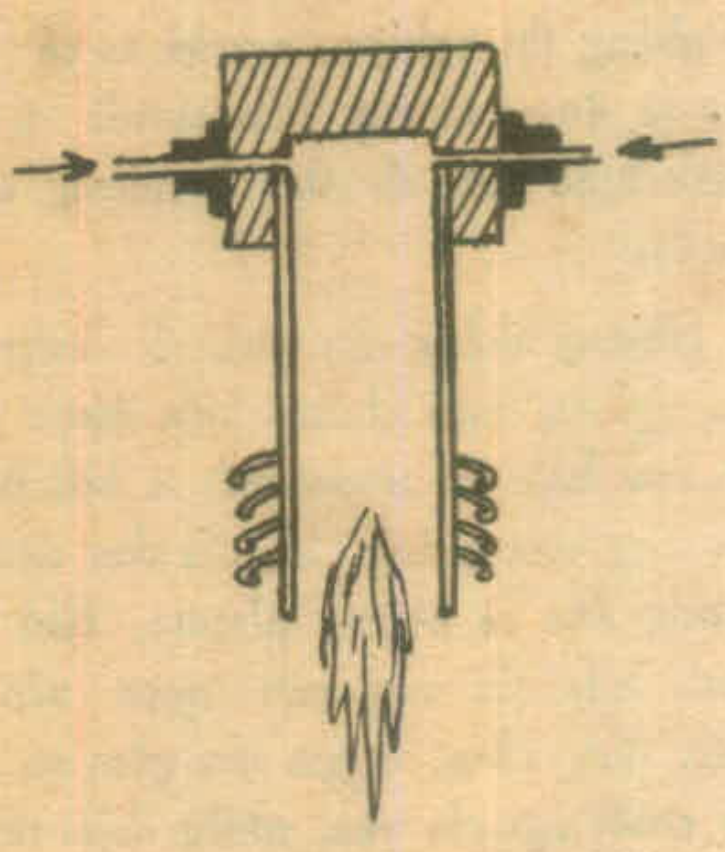

Máy chế Plasma của Stel-Cars dùng khí argi cho vào thong thả ở phía trên. Nhiều dòng điện tần số lớn giật những điện tử ở các nguyên tử argi ra và plasma đạt đến nhiệt độ 15.000 độ.

Gia-Lợi, K. SIMONYI và M.UZSOKY, muốn làm mặt trời ! Theo hai giáo sư nầy, có thể làm một cái mặt trời, bán kính 1250m, nhiệt độ ở trung tâm 100 triệu độ, năng xuất 3.10^{16} Watt. Một chiếc mặt trời cỡ ấy đặt trên miền Xibêri hay Bắc cực, ở cao độ 20.000 cây số, sẽ biến hai vùng ấy thành vùng ôn đới và nuôi sống thêm được vài triệu dân.

Plasma khắp ngoài vũ trụ

Con người thật đáng sợ : chưa hiểu rõ hết tính chất của plasma mà đã dám đem dùng rồi. Trong lúc chế tạo, họ đã nghĩ cách chế ngự plasma thiên nhiên, vì, như trên đã thấy, trong vũ trụ không thiếu gì plasma. Khi nhà vật lý học HERTZ tìm ra được các luồng sóng điện, ông không tin các luồng sóng nầy có thể dùng để truyền tin vì các luồng sóng điện di chuyển theo đường thẳng mà quả đất lại tròn. Một người Ý, ông MARCONI, không biết đến cách chứng minh của HERTZ, chế ra máy vô tuyến điện và thành công. Môn học plasma nay đã giải thích được hiện tượng nầy : trong khí quyển có một lớp plasma phản chiếu các luồng sóng điện xuống lại mặt đất.

Lên cao hơn nữa, ở thượng tầng không khí, quả đất còn có nhiều đai plasma bao bọc : các đai Vernov và Van Allen, tìm ra được nhờ các vệ tinh nhân tạo. Một lớp plasma thứ nhất nằm giữa cao độ 250 và 1000 cây số, dày đặc ở xích đạo nhưng ở hai cực thì lại ít. Một lớp plasma thứ nhì bắt đầu từ 40.000 cây số trở lên và bao quanh quả đất, cả xích đạo lẫn hai cực. Nếu lớp thứ nhất quan hệ đến ngành viễn thông, lớp thứ nhì là một bức tường kiên cố cầm tù con người trên mặt đất.

Những lớp plasma nầy là do những mảnh bé từ mặt trời mà lại. Mặt trời là

một nối plasma khổng lồ. Thỉnh thoảng một cuộc nổ bắn ra xa mặt trời nào là tia vũ trụ, từ trường, nào là điện tử cùng các mảnh bé mang điện. Tất cả những mảnh ấy tràn ra thái dương hệ, gây nên những « trận gió mặt trời » mà những vệ tinh nhân tạo đã ghi chú được. Người ta tin hiện nay những trận gió nầy có ảnh hưởng đến tốc độ xoay của quả đất, gây nhiều thay đổi trong khí quyển để làm ra gió cuốn, gió lốc, giao thoa với các luồng mạch trong ruột quả đất để gây ra động đất. . .

Ra khỏi thái dương hệ, những « trận gió mặt trời » nhường chỗ cho những « trận gió thiên hà ». Những trận gió nầy phát xuất từ trung tâm những thiên hà, tiến ra ngoài với tốc độ 50 cây số/giây. Nhà thiên văn học người Áo, Frank KERR, đã bắt được một luồng cạnh mặt trời, tốc độ đã sụt xuống 7 cây số/giây. Số plasma và khí tiết ra rất lớn, có thể mỗi năm kết thành một ngôi sao mới. Nhà bác học Mỹ Halton C.ARP dùng toán học chứng minh một luồng plasma từ trung tâm thiên hà chúng ta tức là giải Ngân-hà có thể được đưa ra đến cánh xoắn ốc của chòm sao. Đấy là thuyết sáng tạo các ngôi sao hiện nay rất được tin.

Như các « trận gió mặt trời », các « trận gió thiên hà » đem theo các từ trường. Những từ trường nầy kiểm soát sự biến chuyển các thiên hà và tính cách liên lạc giữa các chòm sao. Như vậy nghĩa là vũ trụ không phải khoảng không gian trống rỗng như người ta hằng tưởng.

Sau ADN, sau LASER, bây giờ đây PLASMA là ngôi sao của khoa học đang đầm thủng bức màng bao quanh các nhà chuyên môn để ra gặp mặt công chúng. Nghĩ lại cách đây chỉ 5 năm thôi, plasma đang còn là một danh từ xa xăm, mấy ai biết đến. Rồi đây, plasma còn đi sâu vào đời sống con người, chúng ta sẽ còn có nhiều dịp bàn đến nữa.

VÕ-QUANG-YẾN

SÁCH THỜI MỚI

- THƯ NHÀ *truyện của Võ-Phiến* **38$**
- HĂM BỐN GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ
  truyện của Xtê-phan Vai, do Tràng-Thiên dịch **22$** (Hết)
- TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI
  tiểu luận văn học của Tràng-Thiên **42$**
- GUỒNG MÁY
  truyện của Giăng-Pôn-Xac, do Trần-Phong-Giao dịch **48$**

Mua sỉ, do nơi các nhà phát hành :
Sống-Mới, Nam-Cường, Á-Châu, Khai-Trí

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

*

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

*

SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Ngụy
CHI - CỤC PHU : Đại lộ Thống - Nhất
(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.

*

NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlauv Preah Kossamac

*

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIEN-ĐÔNG

*

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

MÔI HỞ RĂNG LẠNH

hay là tình trạng 3 quốc gia Việt-Nam, Cam-Bốt, Ai-Lao

✱ NGUYỄN-HỮU-DUNG

VẤN đề Ai-Lao quan hệ trực tiếp tới thời cuộc Việt - Nam. Con đường Hồ-Chí-Minh mà trước kia báo chí Việt-Nam không tiện đề cập tới, mà mới đây ông Việt-Anh đã nhắc tới trong Bách-Khoa số 158 phát hành ngày 1-8-1963, có tác dụng chiến lược và đe dọa thực sự nền an ninh của Cộng-Hòa Việt-Nam.

Hiện giờ Liên-Xô và hai cường quốc Tây-Phương đang rục rịch mang vấn đề Ai-Lao ra mổ xẻ với hi vọng cùng tìm kiếm một « giải pháp ổn thỏa », vì lẽ giải pháp Genève 1962 không ổn định được tình trạng Ai - Lao (dù muốn dù không tiếng nói của Pháp vẫn có giá trị tại Ai - Lao, nhưng Pháp chưa có vẻ thỏa thuận với cách xử trí của Anh và Hoa - Kỳ tất nhiên Tướng De Gaulle có lý lẽ riêng để thận trọng, nếu chỉ là cãi bướng thì Liên-Xô và hai đại cường Mỹ-Anh đã bỏ roi rồi).

Hơn hai năm trước, hai Quốc-trưởng Kennedy và Khroutchev đã gặp nhau trong hai ngày 3 và 4 tháng 6 năm 1961 tại Vienne, thủ đô Áo-Quốc trung lập. Hai ông kiểm điểm các vấn đề gây chia rẽ giữa Đông và Tây. Hai ông đồng ý với nhau rằng nguyên tắc « sống chung hòa bình giữa các *đảng phái chính trị* » có thể thực hiện tại Ai Lao.

Tổng-thống Kennedy tương đối thỏa mãn, vì coi rằng việc Liên-Xô chấp nhận nguyên tắc trên một nhượng bộ của ông Khrouchtchev : ông này đã vẫn chẳng phủ nhận trong lãnh thổ các quốc gia cộng sản nguyên tắc « sống chung hòa bình giữa các *lý thuyết chính trị* » đó sao ? Phân biệt « đảng phái chính trị và lý thuyết chính trị » là một điều tế nhị. Điều đáng chú ý là ông Khrouchtchev chấp thuận nguyên tắc « sống chung đảng phái » trên đất trung lập mà thôi.

Về tới Hoa-Thịnh-Đốn, Tổng-thống Kennedy đã tuyên bố ngay : « Chỉ có tại Ai-Lao mới có viễn vọng hai bên thỏa hiệp với nhau ». Theo toàn bài tuyên bố của ông Kennedy, « hai bên » đây là Thế giới Cộng-sản và Thế giới không Cộng-sản. Có lẽ hiểu rằng hai bên là Hoa-Kỳ và Liên-Xô thì sát thực tế hơn. Trước hết trong Thế-giới Cộng-sản đã có sự chia rẽ, khi ấy đã có những tin lẻ tẻ về vụ xích mích Nga-Hoa. Hai nữa, trong các quốc-gia chống cộng có cảm tình với Hoa-Kỳ và vô hình chung thuộc khối quen mệnh danh là Thế-giới Tự-do, ai chắc được rằng mọi Chính-Phủ đều có thể đồng ý với Hoa Kỳ về các vấn đề quốc-tế ? Nếu có một Thế-giới Tự-do thực, thì Hoa-Kỳ còn phải trau giồi chính trị nhiều mới có thể phối hợp với sự hùng mạnh vật chất để lãnh đạo thế giới ấy.

Muộn hơn ông Kennedy 10 ngày, tại Mạc-Tư-Khoa ngày 16 tháng 6 năm 1961, ông Khrouchtchev đã tuyên-bố : « Tôi đã nói với ông Kennedy rằng chính-sách chính trị của Ai-Lao không thể do Liên-Xô và Hoa-Kỳ ấn-định được, phải do Ai-Lao tự ấn-định để người Ai-Lao thành-lập một chính-phủ trung-lập và độc-lập. Tổng-Thống Kennedy đã đồng-ý với tôi ».

Một năm sau, Hiệp-Ước Genève về Ai Lao được 14 quốc-gia chấp-thuận. Ngày 12 tháng 11 năm 1962, ông Khrouchtchev đã tán-dương hiệp-ước như sau : « Đây là một kiểu-mẫu để giải-quyết hòa-bình một vấn-đề làm cho Đông và Tây chia rẽ. Thí dụ Ai-Lao chứng-minh rằng một sự hợp-tác tôn-trọng quyền-lợi của mọi người có thể hữu-ích để giải-quyết các vấn-đề quốc-tế phức-tạp ».

Hai ngày sau, ngày 14 tháng 6 năm 1962, tờ New-York Times, cơ-quan ngôn luận của Đảng Dân Chủ Hoa-Kỳ tức là Đảng của ông Kennedy, viết như sau, phản-ảnh lập-trường của Chính-Phủ Hoa Kỳ : « Nếu với những điều kiện ấn-định trong hiệp-ước, nước Ai-Lao được thực-sự hòa-bình và trung-lập, thì giải-pháp Ai-Lao sẽ góp nhiều phần để tìm kiếm giải pháp tương-ai cho mọi vấn-đề có tranh-chấp giữa hai thế-giới Cộng-sản và không Cộng-sản ».

Nếu chỉ căn cứ vào hình-thức câu văn thì có thể hiểu rằng Hoa-Kỳ và Liên-Xô quan-niệm giống nhau. Nhưng nhiều trường-hợp đã xảy ra rồi : hai bên thảo-luận với nhau, có khi thảo-luận thực lâu, rồi thỏa thuận với nhau về một vài nguyên tắc, rồi cũng xác nhận những nguyên tắc ấy bằng những câu văn cố gắng khúc triết, tới khi thi-hành hay bàn-luận về chi-tiết thi-hành thì hai bên hiểu khác nhau.

Khi nói chuyện với người Mác-xít, bao giờ cũng nên thận trọng tìm hiểu xem người ấy quan niệm ý-nghĩa của các danh từ như thế nào. Đằng nào thảo-luận với Cộng-sản cũng là một việc rắc rối kéo dài, nhưng nếu định-nghĩa rõ ràng các danh-từ thì may ra đỡ rắc-rối hơn. Đối với người Mác-xít, các danh từ không có « ý-nghĩa độc-lập » và phải ý-niệm theo biện-chứng Cộng sản ; điều rắc-rối là biện-chứng cũng có thể bị xét lại

Đối với Hoa-Kỳ, các thỏa-hiệp quốc-tế có giá-trị cụ-thể-hóa kết-quả các cuộc điều đình ; « điều đình » có nghĩa là mỗi bên

nhượng-bộ bên kia một chút đặng tiến tới một giải-pháp trung-dung có ích-dụng cải-thiện một tình-trạng có khuyết điểm. Nói một cách khác, các giải-pháp thỏa-hiệp, tuy không phải là điều lý-tưởng mà Hoa-Kỳ ước-vọng, nhưng cũng không phải là những « mục-tiêu giai-đoạn » hiểu theo nghĩa Cộng-sản : Hoa-Kỳ không đơn-phương quan-niệm một « mục-đích tối hậu ».

Đối với Liên-Xô, các thỏa-hiệp chỉ là những mục-tiêu giai-đoạn, những trạm nghỉ chân trên một chặng đường đưa tới mục-đích tối-hậu. Mục-đích tối hậu do Chủ Nghĩa Mác-Lê ấn-định rồi, và không thay đổi. Đạt được mục-đích tối hậu thì mới hết các mầm hủy-thể ; các mục tiêu giai-đoạn đều còn hủy thể ; lẽ đương nhiên là nếu cần thì phải trừ bỏ các hủy thể ấy đi, tức là phải phủ nhận các thỏa-hiệp liên-quan tới một giai đoạn đã qua. Các thỏa-hiệp quốc tế tự nó không phải là những mục-đích (fins en soi).

Lộn về vấn-đề Ai-Lao, trước khi đi Vienne gặp ông Kennedy hồi tháng 6 năm 1961, ông Khrouchtchev đã tuyên-bố với ông Walter Lippman, một ký-giả Hoa-Kỳ có tên tuổi trên toàn cầu : « Các phong trào cách mạng tại những nước nhỏ, NHẤT LÀ Ở AI-LAO, ở Quy-Ba, ở Ba-Tư, chỉ là một phong-trào lịch-sử trên quy-mô quốc-tế, có mục-đích lôi kéo các quốc-gia thực-dân cũ vào con đường Cộng Sản ».

Rõ ràng rằng đối với ông Khrouchtchev, giải-pháp Ai-Lao mà ông ta đề-nghị với ông Kennedy và được ông này đồng-ý, chỉ là một nước cờ trong một ván cờ lớn, ván cờ lịch-sử hiểu theo quan-niệm Mác-Lê. Giải pháp Ai-Lao không có giá-trị độc-lập và không phải là một mục đích bất dịch.

Vả chăng khi nói chuyện « sống chung hòa-bình », ông Khrouchtchev quan-niệm ba hình-thức. Một là « sống chung hòa-bình giữa các quốc-gia Cộng-sản và không Cộng-sản » ; hình-thức này quan-niệm trên quy-mô quốc-tế và đồng nghĩa với « cạnh-tranh hòa-bình ». Hai là « không tha thứ nguyên tắc sống chung hòa-bình giữa các lý thuyết chính trị trên lãnh thổ một quốc-gia Cộng-sản ». Ba là « chấp thuận nguyên tắc sống chung hòa bình giữa các đảng phái chính trị trên lãnh thổ một quốc-gia trung lập ». « Sống chung hòa-bình » chỉ là một khẩu hiệu giai đoạn, phản ảnh một chính sách giai đoạn có thực. « Trung lập » là một chặng đường để tiến tới giai đoạn Cộng Sản-hóa. Tới giai đoạn Cộng Sản hóa, thì không sống chung với ai hết, chỉ còn có lý thuyết và chính sách Cộng Sản mà thôi.

Để thực hiện chính sách giai đoạn, Cộng Sản đã có chiến thuật « tỉa dần » cũng gọi là « chiến thuật Rakosi ». Mỗi khi cần thanh toán các phe đối lập hay các phe bạn không cộng sản, các lãnh tụ cộng sản đều áp dụng chiến thuật Rakosi. Tôi xin dẫn chứng trường hợp Hung - Gia-Lợi để đối chiếu với trường hợp Ai-Lao.

Năm 1952 Chính phủ Hung-Gia-Lợi còn là một chính phủ liên hiệp ba đảng phái tại Hung : Đảng Cộng sản, Đảng Tiểu Chủ Nhân và Đảng Xã Hội. Năm 1952, Đảng Cộng sản xét rằng đã tới lúc có thể chấm dứt giai đoạn liên hiệp. Để diệt trừ hai Đảng kia và chiếm toàn quyền lãnh đạo, Đảng Cộng sản Hung đã áp dụng chiến thuật Rakosi theo lịch

sau đây ; hạ Đảng Tiểu Chủ - Nhân trước, rồi hạ Đảng Xã - Hội sau. Chính Rakosi đã giải thích : « Tôi gọi thế là chiến thuật Salami. (1) Chiến thuật này nhằm sẻo từng miếng một các phần tử phản động trong hai Đảng Tiểu Chủ-Nhân và Xã Hội. Nhờ cuộc tranh đấu không gián đoạn này, chúng ta sẽ diệt trừ hết sinh lực của kẻ thù ». (Như vậy là trong một chính phủ liên hiệp, cộng sản coi những Đảng liên hiệp với y là kẻ thù).

Năm 1962, tại AI - LAO, Cộng sản cũng bắt đầu tại HUNG-GIA-LỢI năm 1952. Việc đầu tiên là thành lập một chính phủ liên hiệp vì thời cuộc không cho phép Đảng Cộng sản tiếp tục chiến tranh đặng cầm quyền một mình sau khi thắng lợi. Cuối năm 1962 Pathet Lào xét rằng đã tới thời kỳ nên thanh toán chính phủ liên hiệp ; Cộng sản Lào đã hành động đúng như Cộng sản Hung : « Đáng lẽ « Đảng Tiểu Chủ Nhân » x n đọc là « phe Quốc Gia thân Tây phương » ; đáng lẽ « Đảng Xã Hội » xin đọc là « Phe Trung lập ». Kỹ thuật thực hiện cũng đúng như ở Hung-Gia-Lợi : bước đầu là chia, bước sau là cô lập hóa, bước trót là thanh toán.

Tất nhiên hai phe không cộng sản phải có phản ứng. Nhưng phe Quốc gia đã kém sức vì thái độ khó hiểu của các cường quốc Tây phương nhất là của Hoa - Kỳ. Nhờ thái độ quyết liệt của Thái - Lan, Hoa-Kỳ hình như đã sửa đổi chính sách. Do đó Pathet Lào biết rằng trong giai đoạn hiện tại chưa thể nuốt chửng Phe Quốc gia nên lại nói chuyện điều đình. Họ đòi điều đình để lợi dụng thời gian, tới khi điều đình họ lại gây khó khăn và thỉnh thoảng nổ súng. Tôi ân hận là chưa có đủ tài liệu tin được để trình bầy với bạn đọc chắc chắn về nội bộ Phe Quốc gia sau khi các lực lượng của phe ấy phải chia ra hai mặt trận chính : Nam Lào và Cánh Đồng Chum. Về phần Pathet Lào thì tiếp tục củng cố lực lượng nhờ mọi loại viện trợ của Trung Cộng và Bắc Việt. Có tin rằng sau khi xét lại thái độ, Hoa-Kỳ cũng viện trợ kín đáo cho Phe Quốc Gia Ai-Lao.

Về phần Phe Trung lập Ai - Lao thì đã bị chia rẽ rồi (bước đầu trong chiến thuật Rakosi). Tại Hung Gia Lợi người ta đã lợi dụng cánh tả trong Đảng Xã Hội để diệt trừ Đảng Xã Hội. Tại Ailao, Pathet Lào dùng cánh « thiên cộng » trong Phe Trung lập để cùng với Lào Cộng diệt phá cánh « trung lập thực sự ». Tình trạng nội bộ Phe Trung lập AiLao rất rối reo, vì vậy Hoàng Thân Thủ Tướng Souvanna Phouma đã tính chuyện từ chức, nghĩa là công nhận sự thất bại.

Nhận định về những vận động chính trị và tuyên truyền của Pathet Lào, những tác động chiến tranh của Pathet Lào, những khó khăn do Pathet Lào sui nên nhân các vụ điều đình với phe Trung Lập, tất nhiên Hoa-Kỳ phải hiểu. Từ đầu năm 1963, ngôn ngữ của Hoa-Kỳ đã khác trước mỗi khi nói về AiLao. Trong một bài xã thuyết của tờ New - York phát hành ngày 18-4-1963 có câu :

« Chiến tranh AiLao có nguy cơ lan rộng. Nguy cơ sẽ trầm trọng hơn nếu mất

---

(1) Salami là loại xúc xích (saucisse) lớn nặng tới năm mười kilô, thông dụng tại Ý-Đại-Lợi, mỗi ngày sẻo một vài miếng để ăn tới khi hết. Vì Rakosi tuyên bố như trên nên chiến thuật Rakosi cũng gọi là chiến thuật Salami.

AiLao và để cho « một cây nước » (tidal wave) tự do lôi cuốn cả vùng Đông Nam Á ». Như vậy là Hoa-Kỳ đã hiểu rằng giải pháp Genève 1962 có thể dần dà đưa Ailao tới bước thất thủ, và đưa toàn vùng Đông Nam Á vào quỹ đạo Á Cộng.

Giải pháp Ai-Lao do ông Kennedy quyết định tại Vienne hồi tháng 6 năm 1961, 7 tháng sau khi ông Kennedy cầm quyền tại HoaKỳ, là quyết định quan trọng đầu tiên của Chính phủ Kennedy có tính cách quốc tế...

Pháp và Anh đã ủng hộ H. T. Phouma ; Hoa Kỳ đã đầu tiên trù trừ (khi còn Chính Phủ Eisenhower), rồi đồng ý, rồi tha thiết... thiết tha đến nỗi bất thần cắt viện trợ để đưa Hoàng Thân Thủ Tướng Boum Oum vào con đường cùng (H. T. Boum Oụm lãnh đạo Phe Quốc Gia).

Phe Trung lập AiLao chủ trương áp dụng một chính sách thân thiện với cộng sản, chứ không phải chống cộng như Chính phủ Boum Oum. Đối nội thì thân thiện với Pathet Lào, đối ngoại thì thân thiện với hai cường quốc cộng sản Liên Xô và Trung Cộng. Khi ấy ông Không Le còn là Đại Úy ; vì ông ta tuyên bố như trên nên mấy năm trước nhiều người đã nghi rằng Đại Úy Không Le là Cộng sản.

Đối nội, Phe Trung Lập đã nhầm vì quên một nguyên tắc do chính Lénine đã viết ra : trong nội bộ các quốc gia, các liên hiệp giữa Đảng Cộng sản và các Đảng khác chỉ có thể tạm thời. Phải đặt ra câu hỏi : ai sẽ thắng ? (kto koga ?) ; đảng mạnh nhất sẽ thắng.

Đối ngoại, Phe Trung Lập AiLao cũng nhầm vì đã chủ trương thân thiện với Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh trong khi Đảng Cộng Sản AiLao đang mạnh. Thoạt nghe thì tưởng rằng chính sách ngoại giao ấy là hữu lý : chính vì một Đảng sản Ai-Lao mạnh nên Chính-Phủ Ai-Lao phải thân thiện với Liên-Xô và Trung-Cộng, Đảng Cộng-Sản Ai-Lao chẳng phải tuân lệnh hai nơi ấy hay sao ?

Nhưng các quốc gia Trung lập thực sự, tự bảo vệ được nền trung lập, cho rằng lập luận như vậy là làm một điều tối kị. Ai-Lao và Ấn Độ áp dụng một chính sách ngoại giao thân thiện với các quốc gia cộng sản như nội tình không bị lũng đoạn vì trong quốc nội không có một Đảng Cộng sản mạnh. Ai-Cập vẫn thân thiện với Liên-Xô và Trung-Cộng, nhưng đối nội tiếp tục thẳng tay tiễu trừ cộng sản Ai ? không có một đảng cộng sản nào được giữ một chức vụ quan trọng. Lực lượng chính trị và quân sự của Đảng C.S Ấn không đáng kể, không uy hiếp được Chính - Phủ Ấn - Độ ; trong khi Trung Cộng xăm lăng Bắc - Ấn, Đảng Cộng Sản không quấy rối được, trái lại phe thân Hoa bị cô lập. Ai Lao không thể ví với Ai-Cập và Ấn-Độ, cũng không thể ví với Căm-Bốt (sẽ xin nói tới sau) vì Chính Phủ Liên-Hiệp Ai Lao bị uy hiếp ở trong, bị lung lạc ở ngoài.

Như trình bày ở trên, Hoàng Thân Thủ Tướng Phouma đã tỏ vẻ thất vọng và tỏ ý muốn từ chức. Sự thực Chính-Phủ Liên - Hiệp do Hoàng Thân chủ

tọa đã có tật ngay từ ngày ra đời : chẳng bao lâu sau ngày chính phủ ấy được thành lập, các quan sát viên ngoại quốc đã nhận thấy rằng phần lớn Bộ Trưởng trong phe Trung lập có khuynh hướng thiên cộng.

Vì thế Chính phủ Liên Hiệp mất thăng bằng. Vì thế Hoàng Thân Thủ Tướng đã chấp thuận đề nghị của Phe Lào-Cộng và có những quyết định ngoại giao khiến cho Trung Hoa Dân Quốc và Cộng Hòa Việt Nam phải có thái độ rứt khoát. Cũng vì thế Hoàng Thân Souphanouvong. Lãnh Đạo Lào Cộng và phó Thủ Tướng trong Chính Phủ Liên Hiệp Ai Lao, đã không chịu thi hành lời cam kết chính yếu ở Cánh đồng Chum : sáp nhập bộ đội Néo Lao-Hasak vào Quân-Đội Quốc Gia Ai-Lao.

Kết quả là cuối năm 1962, chiến sự Ai-Lao tái diễn. Cánh Đồng Chum, đầu năm 1962 coi như tượng trưng cho một thỏa hiệp Đông Tây khả dĩ lấy làm mẫu mực để tiến tới những thỏa hiệp khác cho vùng Đông Nam Á, cuối năm 1962 biến thành một chiến trường đe dọa Đông Nam Á.

Trình trạng Ai Lao trở nên trầm trọng từ ngày ông Quinine Pholséna, Bộ Trưởng Trung Lập Thiên Cộng, bị ám sát, Lào Cộng áp dụng chiến thuật Rakosi, tỉa dần các lực lượng trung lập bằng cách hoặc sáp nhập vào bộ đội cộng sản hoặc tiêu diệt từng nhóm. Lợi dụng thời gian hưu chiến, Lào cộng xâm nhập Nam-Lào, từ trước tới đầu năm 1963 vẫn là vùng chiến lược của phe Quốc Gia thân Tây Phương.

Chính là nhờ chiến sự Nam Lào nên Hoa-Kỳ và Anh-Cát-Lợi đã nhận định tình hình nghiêm trọng. Nam Lào mà bị cộng sản chi phối hoàn toàn thì « con đường Hồ-Chí-Minh » được thông suốt đưa khí giới và cán bộ từ Bắc Việt và Vân Nam tới miền Nam «bán đảo Đông-Dương », uy hiếp Nam-Việt và Căm-Bốt. « Cây nước » muốn lôi cuốn Đông-Nam Á, chạy qua đường Hồ-Chí-Minh. Phải chăng vì chiến sự Nam Lào có một ý nghĩa đối chứng nên Hoa Kỳ có vẻ như muốn thi hành một chính sách lưỡng đảng tại Đông Nam Á? Phải chăng chính sách này liên quan tới việc bổ nhiệm ông Cabod Lodge ?

Hai năm trước, Hoàng thân Souvanna Phouma đã nói : « Liên-Xô và Trung-Hoa thực tâm chủ trương trung lập. *Người Trung-Hoa cần hòa bình*. Người Bắc-Việt cũng thế ». Ngày nay Thủ Tướng Phouma còn nghĩ như vậy nữa không ? Thủ Tướng đã tố cáo Bắc-Việt đưa người và khí giới sang quấy rối Ai-Lao. Về Trung-Cộng thì Chiến dịch Hy-Mã-Lạp-Sơn đã phủ nhận lời ước đoán của Hoàng-Thân.

* * *

Căm-Bốt kẹp giữa Thái-Lan, Ai-Lao và Cộng Hòa Việt-Nam. Hiện giờ Căm-Bốt chưa chung biên giới với một quốc gia cộng sản nào. Mấy năm trước Căm-Bốt không bị Cộng-sản đe dọa, Căm-Bốt có lý do chủ trương rằng với một chính sách trung lập Căm-Bốt sẽ không bị ai đe dọa và khỏi cần có một quân đội hùng hậu tốn

kém. Đối với Thái Tử Shianouk, Trung-Lập là con đường duy nhất. Trước hết Căm-Bốt không có điều kiện nhân lực, vật lực, tài lực để thiết lập một quân đội mạnh. Sau nữa nhờ chính sách trung lập, Căm-Bốt được hưởng một viện trợ đa phương, Đông và Tây đều viện trợ và giữ thăng bằng cho Căm-Bốt.

Năm 1962, Thái-Tử Shianouk còn chủ trương áp dụng giải pháp trung lập cho tất cả các quốc gia trên bán đảo Đông-Dương cũ. Vì vậy hồi tháng 8 năm 1962, Thái-Tử đã đề nghị triệu tập lại 14 quốc gia hội viên Hội Nghị Genève 1962 để bảo đảm cho nền trung lập của Căm-Bốt. Mạc-Tư-Khoa, Bắc-Kinh và Hà-Nội đã chấp thuận tức khắc. Nhưng Hoa-Kỳ và Anh-Cát-Lợi đã gạt bỏ vì coi đề nghị ấy là một thủ đoạn để lừa dối Khối Phòng Thủ Đông-Nam-Á, khối này vẫn giữ lời tuyên bố bảo đảm cho nền độc lập của Căm-Bốt.

Mấy năm liên tiếp, Thái-Tử Shianouk đã tăng gia thân thiện với các quốc gia cộng sản, cho con trai đi học tại Tiệp-Khắc, ký hiệp ước kinh tế với Liên-Xô và Trung Cộng. Mùa xuân 1963, sau khi nồng hậu tiếp đón Lưu-Thiếu-Kỳ, Thái-Tử đã công bố ý định viếng thăm Hà-Nội và Bắc-Kinh.

Mấy năm trước, Căm-Bốt có thể chủ trương như vậy. Nhưng bây giờ tình trạng đã đổi thay. Trong Chính Phủ Căm-Bốt đã có Bộ Trưởng Cộng-sản, điều này do chính Thái-Tử Shianouk xác nhận với Hãng Associated Press. Trên lãnh thổ Căm-Bốt đã có bộ đội du kích cộng sản quốc tịch Căm-Bốt.

Nhưng từ đầu năm 1963, tình hình Ai-Lao đã biến chuyển quá mạnh, mỗi biến chuyển đem thêm một tia sáng để Thái-Tử thấu rõ *ý muốn của Cộng-sản : không phải là thiết lập một Quốc-gia Ai-Lao Trung lập, mà là tạo thành một nước Dân-Chủ Cộng-Hòa Ai-Lao.*

Thái-Tử Shianouk đã thẳng thắn nhận định rằng những đe dọa của Cộng-sản tại Ai-Lao cũng là những đe dọa đối với Căm-Bốt. Ngày 1 tháng 6 năm 1963, trong một cuộc phỏng vấn, Thái-Tử đã trả lời Associated Press : « *Tôi công nhận rằng hiện giờ một giải pháp Trung-lập không còn có thể áp dụng cho Ai-Lao và Nam-Việt.* Tôi phải xác nhận rằng tôi không còn đề nghị nào liên quan tới hai nước ấy ». (xin xem trên : khi trước Thái-Tử đề nghị giải pháp Trung-lập cho mọi quốc-gia ở bán đảo Đông-dương cũ).

Nói về nguy cơ Cộng-sản, Thái-Tử tuyên bố : « Nếu chúng tôi phải chết, thì tôi muốn chắc chắn rằng chúng tôi sẽ chết sau cùng ».

Nhắc lại lời nói trên, tác giả bài này chỉ có ý muốn chứng minh rằng Căm-Bốt đã thay đổi quan niệm đối với nguy cơ Cộng-sản. Nếu Ai-Lao và Nam-Việt rơi thì Căm-Bốt cũng phải rơi. Ba Quốc-gia Việt-Nam, Căm-Bốt, Ai-Lao ở trong tình trạng phản chuyển « môi hở răng lạnh »... Nghĩ tới ba Quốc-gia ấy và tưởng tượng tương lai, có lẽ bây giờ liên tưởng tới ngạn ngữ sau đây là sớm quá : một cây làm chẳng nên non ba cây gồm lại thành hòn núi to.

*
* *

Cuộc xung đột Nga-Hoa tất nhiên phải ảnh hưởng tới Ai Lao, vì lẽ Liên-Xô và Trung-Cộng đã có mặt tại Ai-Lao, cũng vì

lẽ Hoa-Kỳ rất chú trọng tới cuộc xung đột ấy. Cũng có người nghĩ rằng Ai-Lao có thể sẽ là địa điểm mà ở đấy Liên-Xô và Trung-Cộng thử thách nhau, có khi đột kích nhau. Điều đó chưa chắc. Chỉ có một điều chắc, là hai Quốc gia Cộng-sản lớn nhất bất đồng ý với nhau về Ai-Lao. Trong một bài xã thuyết của tờ New York Times nêu lên 10 điểm tranh chấp giữa Liên-Xô và Trung-Cộng, có điểm 4 liên quan tới Ai Lao : « Trung-Cộng muốn xúc tiến chiến tranh Ai-Lao mạnh hơn Liên-Xô để kiểm soát toàn quốc Ai-Lao ».

Vẫn trong bài xã thuyết đã nhắc tới ở phần trên, ngày 18-4-1963, tờ New-York Times viết : «Ở Vienne năm 1961 Thủ-Tướng Khrouchtchev đã đồng ý với chủ trương của Tổng-Thống Kennedy ước vọng thiết lập một nước Ai-Lao hòa bình và Trung-lập. Nhưng Cộng-sản Trung-Hoa có một chính sách hiếu chiến và rõ ràng quyết tâm muốn ngư trị Á-Châu. Vì ông Khrouchtchev muốn tránh một đổ vỡ hoàn toàn với Trung-Cộng, ông ấy đang theo bước Trung-Cộng ».

Bây giờ có lẽ tờ New-York-Times không còn nghĩ rằng Khrouchtchev theo gót Trung-Cộng. Chưa có sự đổ vỡ hoàn toàn giữa Liên-Xô và Trung-Cộng, nhưng sau cuộc gặp gỡ tay đôi tại Mạc-Tư Khoa hồi tháng 7 năm 1963, ta có thể nghĩ rằng tình trạng xung khắc giữa hai nước ấy đã quá thâm sâu. Vì vậy rất có thể Trung Cộng sẽ chỉ theo quan điểm của mình và mở rộng chiến sự Ai-Lao. Vả chăng không có lý do để tin rằng Liên-Xô tôn trọng nền trung lập Ai-Lao ; chưa có tin nào chắc chắn cho phép kết luận rằng Liên-Xô đã bỏ chủ trương dùng « chiến tranh giải phóng » để lũng đoạn các vùng chưa ổn định.

Hoa Kỳ, Anh Cát-Lợi và Liên Xô đã tiếp xúc với nhau về vấn đề Ai-Lao. Tới trung tuần tháng 8-63 vẫn chưa có tin tức nào, chưa có ý kiến nào cụ thể, tức là quan điểm của 3 quốc gia còn chưa thống nhất. Ta có lý do nghĩ rằng Liên-Xô muốn tạm hòa hoãn thực, nhưng cả cường quốc chưa tìm được giải pháp nào để lôi kéo Trung-Cộng vào con đường hòa-hoãn hoặc để ngăn chặn Trung Cộng tại Ai-Lao. Nếu Liên Xô không dính vào thì Hoa Kỳ có hy vọng thắng Trung Cộng trên các bãi chiến trường. Nhưng chắc đâu Liên-Xô không dính vào ? Vả chăng một giải pháp hoàn toàn quân sự ít khi giải quyết được các vấn đề. Chính trị vẫn thiết yếu, nhưng chưa có giải pháp chính trị mới. Giải pháp kinh tế không đủ hiệu lực và thường đưa tới lắm bất ngờ, chính ông Kennedy đã xác nhận như vậy (Tin Đài V. O. A. ngày 12-8-63, 20g30).

Sau 34 tháng cầm quyền, có lẽ Đảng Dân Chủ Hoa Kỳ đã thu tập được nhiều kinh nghiệm mới. Trong thời gian Hội-Nghị Genève nhóm họp về vấn đề Ai-Lao, hầu như giải pháp « chia cắt » lúc nào cũng lảng vảng trên không trung. Ngày nay Hoa Kỳ và Anh-Cát-Lợi không nhắc tới nữa.

« Chia cắt » không phải là một giải-pháp lâu bền, chỉ là một hình thức ngưng chiến. Kinh nghiệm Đức-Quốc, Đại Hàn, Việt Nam, cho biết rằng trong một tình trạng chia cắt, hoặc vẫn có chiến tranh, hoặc vẫn còn đe dọa chiến tranh. Các cuộc tranh chấp trở nên phức tạp

hơn vì sau khi chia cắt phải tìm cách thống nhất. *Chưa thống nhất, chưa giải quyết gì hết, cuộc tranh chấp vẫn còn nguyên.* Về phương diện hòa bình thế giới, các quốc gia bị chia cắt là những mầm chiến tranh.

Hiện giờ chưa có quốc gia nào ý niệm một giải pháp cụ thể để ổn định tình trạng Ai-Lao hoặc để duy trì đình chiến một cách chắc chắn. Nói gì tới các trường hợp bất chắc tại Đông Nam Á !

Hiệp Chúng Quốc Mỹ là quốc gia có tiếng nói nặng đồng cân nhất tại Đông Nam Á. Lực lượng quân sự Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương đủ sức đối phó với mọi loại chiến tranh dùng vũ lực (Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ tuyên bố ngày 14-8-63). Nhưng còn một loại chiến tranh có lẽ Hoa Kỳ trau dồi kinh nghiệm, *chiến tranh chính trị*. Ước mong rằng với chính sách lưỡng Đảng của Hiệp Chúng Quốc đối với Đông Nam Á, với sự bổ nhiệm sang Việt Nam một nhà ngoại giao lỗi lạc là ông Cabod Lodge, Hoa Kỳ sẽ chứng minh đầy đủ khả năng lãnh đạo Thế Giới Tự Do. Được như vậy, người Việt Nam sẽ có thêm lý do để tin tưởng vào tương lai, để chiến đấu sát cánh với Hoa Kỳ tại Đông Nam Á.

NGUYỄN-HỮU-DUNG

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27-29, *Đại lộ Hàm-Nghi* — *SAIGON*

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh.Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngánh : *PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO*

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
Siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135, *Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 542
B.P. 129

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P O Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis Abeba (Bureau de Re résentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Điểm sách

Tên sách : **Người viễn khách thứ X**

Nhà xuất bản : **Quan điểm**

Tên tác giả : **Nghiêm-Xuân-Hồng**

Cô PHƯƠNG-THẢO

« SÁU, bảy trăm năm về trước, tại miền trung tâm lục địa Á-Châu, ở thôn Đào Nguyên thơ mộng tuyệt vời, có đôi trai gái yêu nhau.

Chàng tên là Thạch-Đầu-Nhi làm nghề cắt cỏ chăn trâu, vốn là một trẻ bỏ rơi, được ông bà Trưởng mang về nuôi nâng. Nàng là con gái của ông bà Trưởng, tên Giang-Hoa-Tâm.

Mối tình hai người đang ở thời kỳ e ấp, thì cơn khói lửa bùng lên. Chàng trai ra đi. Hai mươi năm dài trôi qua, chém giết chán chường, mệt mỏi, chàng mang một vết sẹo dài trên mặt, tìm về quê cũ, mong gặp người yêu thuở trước. Để thâu ngắn bớt mấy trăm dặm đường, chàng liều băng qua sa mạc mênh mông. . .

Hai mươi năm ấy, nàng Giang Hoa-Tâm cũng chịu bao nỗi gian truân của khách má hồng thời loạn. Bị giặc cưỡng hiếp, nàng sinh được người con gái, gọi là Hồng-Hoa. Suốt mười năm trường lưu lạc, nàng đổi tên Kiều-Liên-Hương, dắt đứa con thơ, làm nghề hát dạo, kiếm ăn. Rồi nàng gặp tên cường đạo, chuyên nghề cướp bóc ven rừng. Thấy nàng, lòng dạ của kẻ bạo tàn bỗng nhiên thay đổi. Gã nguyện nuôi mẹ con nàng, hết lòng chăm nom, săn sóc cho nàng. Để bù đáp lại, gã xin lấy nàng làm vợ. Nàng Kiều-Liên-Hương nhận lời, với một điều kiện : gã phải bỏ nghề trộm cướp, dựng lên chiếc quán để cùng bán buôn đắp đổi qua ngày và chỉ thành thân với gã khi gã đã cứu giúp được mười kẻ lữ hành cô độc vượt khỏi sa mạc Qua-Bích mênh mông.

Từ đấy, gã thành chủ quán đồng thời thành kẻ thợ săn ở các ven rừng sa mạc. Gần mười năm dài đằng đẵng trôi qua, gã đã tiếp đón, cứu giúp được chín con

người cô độc. Và gã băn khoăn chờ người viễn khách thứ mười.

Cuối cùng, viễn khách thứ mười đã đến. Hân hoan, gã đưa viễn khách về nhà, mời khách ở lại. Gã muốn cùng người đàn bà vui niềm chăn gối cho thoả mười năm chờ đợi, nhưng nàng viện cớ có người khách lạ trong nhà, xin hoãn đêm vui. Đêm ấy, qua vài câu chuyện, nàng bỗng đau khổ nhận ra viễn khách là Thạch-Đầu-Nhi. Nhưng người đàn ông, bởi tấm mạng che phủ kín mặt nàng, không sao thấy lại người yêu ngày trước. Đồng thời, nàng được chứng kiến một sự thực khác, bi thảm hơn nhiều : Hồng-Hoa, con gái của nàng, đem lòng thương yêu tha thiết người khách phong trần. Hồng-Hoa muốn từ giã hết để đi theo khách. Nhưng khách chối từ, lòng còn vương nặng bóng hình cô gái Đào Nguyên thuở trước. Cô gái liều lĩnh quyết theo tiếng gọi yêu đương, tìm đến một tòa cổ miếu để chờ lúc khách ra đi, sẽ nối gót theo. Nhưng mẹ của nàng đã đến. Sau lời can ngăn, sự thực tỏ bày. Bàng hoàng, tuyệt vọng, Hồng-Hoa băng mình đến suối, lao xuống ghềnh đá, hủy mình.

Nghĩ rằng người khách gây nên cái chết cho người con gái, chủ quán mang lòng thù hận, quyết dạ trả thù. Trong khi gã chạy tìm xác Hồng-Hoa thì Kiều-Liên-Hương giục khách lên đường. Giữa phút giã từ vội vã, khách thoáng một ý hoài nghi xin người đàn bà vén tấm mạng che, nhưng nàng từ chối, van xin khách sớm lên đường.

Lúc người chủ quán trở về thì khách đã đi. Chủ quán ngờ vực tấm lòng chung thủy của người đàn bà mà mười năm qua gã đã hết dạ tin yêu. Gã cầm thanh kiếm, đuổi theo viễn khách.

Người trong thôn bàn kể lại với nhau rằng khi chủ quán trở về thanh kiếm dính đầy những máu và gã có vẻ chán chường. Còn người đàn bà sau đó, chôn cất xong đứa gái yêu, nàng cũng gieo xuống bờ ghềnh, tự vẫn. Chủ quán trở nên say sưa, cuồng loạn, một đêm châm lửa đốt ngôi nhà quán của mình, rồi bỏ ra đi, không biết lưu lạc về đâu ».

* *

Đó là tóm tắt nội dung kịch *Người viễn khách thứ mười*, một vở kịch dài gồm ba hồi chính và hai màn phụ : màn mộ và màn vĩ thanh. Động tác ba hồi không quá hai mươi bốn tiếng đồng hồ và không ra khỏi một trường sở chính, ven rừng sa mạc. Tất cả tình tiết éo le, gay cần, xoay quanh chủ điểm tình yêu : Tình yêu thơ mộng, tình yêu ngang trái, tình yêu sôi nổi, tình yêu ân tình, nhưng rõ rệt nhất chính là tình yêu tuyệt vọng.

Tình yêu của Thạch-Đầu.Nhi và Giang - Hoa - Tâm thực là đẹp đẽ nhưng phải xa nhau vì thời chiến loạn. Khi cùng gặp lại, họ lâm vào thế bế bàng và người đàn bà phải tự dầu mình để từ chối người yêu cũ mà nàng không hết thương yêu. Tình yêu của nàng Hồng - Hoa thực là sôi nổi, thiết tha nhưng nàng đã yêu lầm phải người tình của mẹ, cuối cùng nàng không quan niệm được mình có thể thương yêu một người khác nữa nên phải hủy mình. Còn người chủ

quán, suốt mười năm dài khổ nhọc chờ ven sa mạc, cũng chỉ vì yêu. Cuối cùng, cuồng loạn cũng chỉ vì yêu. Chưa kể một nhân vật phụ ở trong vở kịch, vai trò Dã-Nhân, một kẻ nửa người, nửa ngợm, giúp việc trong quán và hầu hạ nàng Hồng-Hoa, cũng đã biểu lộ là khách tình si tuyệt vọng. Vở kịch, từ đầu đến cuối, tràn trề không khí yêu đương, một thứ yêu đương lở dở, nghẹn ngào, đau xót, bẽ bàng và kết thúc bằng hình ảnh của hai nấm mồ, không kể một kẻ mất xác — có lẽ bị vứt xuống dưới hồ sâu — một kẻ cuồng điên, có lẽ vùi thây ở trong sa mạc !

Người đọc thầm phục tác giả đã khéo qui tụ trong một khung cảnh đơn giản bao nhiêu thể loại ái tình để dồn về một phủ nhận vẹn toàn như vậy. Thực không dễ gì gặp một tấn kịch mà cả bốn nhân vật chính đều bị loại bỏ thảm thương bởi chính tác giả. Hạ xong màn chót, ta bỗng thấy hiện lờ mờ định mệnh của những bi kịch cổ thời, định mệnh của những bãi cát khô khan miền Thèbes hay của đỉnh Cithéron hoang vắng một thời Hi-Lạp xa xưa, và tự hỏi rằng : chủ đề tác phẩm là gì ?

Phải chăng đây là luận đề tình yêu đau khổ, tình yêu ngang trái ?

Nếu chỉ vẽ nên bản chất đau khổ, trái ngang thì với bao nhiêu tình tiết, tác giả đã thành công rồi. Người ta không còn mong đợi gì hơn ở một đổ vỡ tan tành loại ấy. Tất cả sự việc đều được sắp xếp để chờ một chuyến trở về của người viễn khách là bị xóa bỏ Cái phút đón tiếp nhiệt nồng buổi chiều hôm trước của người chủ quán thật khéo tương phản với sự cuồng nộ của gã vào sáng hôm sau. Tâm sự quyến luyến của người thiếu nữ Đào-Nguyên thật khéo ngỡ ngàng với vẻ cồ tình hờ hững của người thiếu phụ mạng che kín mặt. Cả bốn con người thấy đều tha thiết yêu đương, nhìn thấy ái tình như là năng lực cứu rỗi, thế mà phút chót không ai nắm được chút gì, dù là một niềm âu yếm còn con. Họ phải giã từ ái tình, giã từ sự sống, trước khi biết đến hương vị yêu đương và những sinh hoạt lứa đôi.

Trước hết, tưởng nên nhận định nguyên nhân của đau khổ ấy ở trong tác phẩm. Khác hẳn với những bi kịch tình ái phổ biến ngoài đời mà sự đau khổ phần nhiều là do nơi lòng ích kỷ, nơi sự phản bội của người đàn ông hay người đàn bà hơn là nghịch cảnh, ở đây chúng ta chỉ có những con người thiện, con người chân thành, tha thiết yêu đương. Gã Thạch-Đấu-Nhi, nàng Giang-Hoa-Tâm là những người tình chung thủy. Cô bé Hồng-Hoa là kẻ sống thác với tình. Cho đến chủ quán là người man rợ, khát máu, vẫn đem đời mình phục vụ yêu đương Không có một kẻ hai lòng, không thấy ác qui ở trong tâm hồn, không thoáng một mảy manh tâm phản bội. Cả bốn nhân vật làm nên tác phẩm đều là những người có thể đứng trước bàn thờ tình ái mà không một chút ngại ngùng.

Như thế, vì sao họ khổ ? Họ không thể làm, họ không phản trắc, cớ sao họ chịu thiệt thòi ? Tác phẩm cho thấy hai nguyên nhân chính :

Nguyên nhân thứ nhất, thuộc về khách quan, là cái thảm họa chiến tranh kéo dài hai chục năm trời ly loạn. Chiến tranh chia rẽ gã Thạch-Đầu-Nhi khỏi Giang- Hoa- Tâm, chiến tranh làm gã chán chường mệt mỏi, cuối cùng chỉ biết cầu cứu ái tình nên vội quay về chốn cũ, băng qua sa mạc. Gã nói : « *Tôi đâu có mong trở thành một khách chinh phu, hai tay nhuộm đỏ mau người, để lúc hết giặc phải lê gót chân lang bạc như kẻ lữ hành mệt mỏi trên miền đất xa lạ* » (*140*). Chiến tranh bắt Giang-Hoa. Tâm chịu sự cưỡng hiếp tủi nhục nên có con bé Hồng-Hoa, chiến tranh buộc nàng rồi bỏ quê hương, đói khổ, phiêu lưu phải chấp nhận sự phù trợ của tên cường đạo. Chiến tranh, theo như tinh thần tác phẩm, là kẻ thù của lứa đôi, là một định mệnh khắc nghiệt đảo điên kiếp số con người.

Nguyên nhân thứ hai, thuộc về chủ quan, là cái *bản chất đắm say* luyến ái ở trong thịt da nhân vật. Hầu hết vai-trò ở trong tác phẩm đều thuộc nòi tình, đều xem tình yêu như là yếu tố nhiệm mầu, độc tôn, độc quí. Gã Thạch-Đầu-Nhi vung gươm giết loài man rợ. « bọn thú xâm lăng » (trang 55) cuối cùng « *cũng đã lãng quên căm hờn ngày trước* »... « *bỗng thấy tâm can trống trơn vô định, nhìn về phương nào cũng chỉ thấy một cõi lòng ê chề, hiu hắt* » (*trg 56*) nhưng « *vẫn phải về* » chốn cũ vì « *trong bấy nhiêu năm trời thường bị ám ảnh bởi một nụ cười xa xưa* » (trg 1 /3). Sau cùng, có lẽ gã để cho người giết chết vì biết mình không thể nào gặp lại người yêu. Nàng Giang - Hoa - Tâm ao ước « *yêu nhau được một ngàn năm* » (trg 33) và đổi đời mình cho kẻ mình yêu để rước bớt điều khổ nhọc. Sau cùng đã tự hủy mình vì « *Thạch-Đầu-Nhi đi mất. . . Ta còn biết sống sao đây ?* (trg 257). Cô bé Hồng-Hoa không « *cần gì đến ngọc ngà châu báu* » (191) chỉ cần tình yêu, không muốn người ta nhắc đến tuổi mình, vì sợ tuổi nhỏ của mình sẽ làm người khách phong trần từ chối yêu đương. Cô bảo với mẹ : « *Cuộc sống của những đứa gái như con chỉ có ý nghĩa qua cái khoảnh khắc hư ảo trong đó tâm hồn con nhận được một tâm hồn người khác* (*117*). Nàng mong tình yêu « *như cành hoa gầy chờ cơn mưa lớn đầu mùa* » (209) và khi biết mình không thể yêu được viễn khách, thì nàng tự hủy đời mình. Cho đến chủ quán vốn là một tên cường đạo man rợ đã giã từ hẳn nghiệp cũ, khước bỏ quyền hành, mòn mỏi mười năm chờ đợi ven rừng sa mạc để chiều theo ý người yêu. Hãy nghe lời gã kêu gọi : « *Ta phải uống mừng cho tất cả kẻ cuồng si trên mặt đất này* » (*153*). Khi người đàn bà trong mộng chết rồi thì gã đốt thiêu cơ nghiệp, tự xóa bỏ mình. Tình yêu trở thành gắn bó trọn đời của bốn nhân vật, đó là lẽ sống lâu dài cho Thạch đầu Nhi, khả năng giáo hóa cho người chủ quán. Ở trong tôn giáo ái tình,

họ là những người ngoan đạo, hơn thế, họ đều cuồng tín, sẵn sàng biến mình thành vật hi sinh.

Ngoài cái bản chất si tình là một trong những yếu tố tạo nên đau khổ, tưởng cần kể thêm một bản chất khác cũng đã dự phần làm nên gay cấn cuộc đời của họ, đó là *thái độ kiêu kỳ*, cái vẻ cao đạo của kẻ tự nâng mình lên trên đám thế nhân đông đảo, tự tạo cho mình một cái cốt dáng riêng biệt để khỏi lầm lẫn với sự bình thường. Nói về viễn khách, Hồng Hoa đã có nhận xét như sau : « *Anh chàng cứ tưởng mình là cao xa khó hiểu* » (206) « *vẻ mặt nhiều khi kiêu hãnh đáng ghét* (205). Chủ quán cũng đồng ý ấy khi gã bảo Kiều-Liên-Hương : « *Hắn chỉ hơn ta có mỗi bộ mặt, bộ mặt có vẻ cao xa kiêu hãnh* »... (262) và không ngần ngại *lớn tiếng* « *Nàng cũng là giống kiêu-kỳ như hắn* » (260).

Chính vẽ kiêu hãnh, kiêu kỳ, làm bộ cao xa khó hiểu ở nơi viễn khách đã khiến cô bé Hồng-Hoa tức giận nhưng cũng làm ả say mê và chính vẻ ấy ở Kiều-Liên hương đã khiến cho gã chủ quán khổ sở nhưng luôn khuất phục. Do đó, chủ quán đã từng mai mỉa trong nỗi hờn ghen rằng « *bộ mặt ấy đủ khiến những người đàn bà nông nỗi nao nao thương cảm* » tr. 262) Và đi xa hơn : « *Chỉ cần ba chén rượu, một bóng dáng đàn bà, là người tỏ lộ hết tâm can* » (247). Nếu không có bộ mặt ấy — dù bộ mặt ấy đã mang vết sẹo khá dài — thì những tâm tình nhân vật cũng bớt khá nhiều gay cấn, lâm ly : Hồng-Hoa sẽ không tự tử, chủ quán sẽ không cuồng điên, mọi người lại sẽ bình yên chịu đựng cuộc đời.

Bản chất si mê, vẻ mặt kiêu kỳ đủ làm cho họ đau khổ nhiều rồi. Nhưng đến *tấm lòng chung thủy*, dấu hiệu vinh quang của họ, ở đây cũng là yếu tố tạo nên bi kịch. Lòng chung thủy ấy phát sinh từ một bản chất đắm say, kết hợp với nền giáo-dục cổ-truyền, tạo thành vẻ đẹp riêng biệt và mỗi kiêu-hãnh về sự duy nhất vẹn toàn. Ở một tầng lớp nào đó quá sức dư-dật nên sinh dâm-dật, thủy chung có thể xem như chướng-ngại, hay là trạng thái suy nhược. Nơi người nghèo khó dãi-dầu, chung thủy lại là nhu-cầu tương-trợ sinh-hoạt có một ý-nghĩa nặng về thực-tiễn. Nhưng trong nhân vật tác-phẩm, chung-thủy có một tính chất thiêng-liêng đủ tạo cho họ sức mạnh tinh-thần kỳ-lạ vượt hết mọi thứ trở-ngại trên cõi đời này, kể cả cái chết, dù là cái chết hãi-hùng. Chung-thủy nơi họ còn có quyền-lực như là định-mệnh, xác-nhận tình-yêu là một lựa chọn sâu xa, bắt nguồn từ trong quá-khứ tiềm thức và hướng về cõi sống khác, ngoài cuộc đời này.

Thực ra, đau khổ của họ không chỉ dừng lại ở những bản-chất trên đây. Họ còn gặp nhau ở một điểm khác, là cái *tâm-hồn mộng tưởng*. Viễn khách căm thù bầy thú xâm-lăng chỉ vì chúng đã buộc gã ra đi, « *dứt bỏ những giấc mộng êm-đềm cũ-kỹ* » (139) Viễn khách băng qua sa mạc mênh-mông khắc-nghiệt, lạnh-lùng vì « *muốn nhìn rõ một lần mộng-tưởng, chập-chờn* » (174), vì

trong cuộc đời chỉ « *ưa nuôi lớn những giấc mộng cô-liêu* » (195). Còn nàng Hồng-Hoa bé bỏng « *trộm nghĩ nhiều khi người ta có thể đạt tới mộng-tưởng dễ-dàng* » (1 5) trong lúc viễn khách bảo nàng « *cô là nạn nhân của cơn huyễn mộng* » (188) rồi lại khuyên nàng... *Cô nương có thể xây cco lấu mộng* » (190). Họ sống trong cái thế-giới ảo-ảnh chập chờn mộng tưởng, đến gã thợ săn man rợ cũng tự nhận mình đang « *xây giấc mộng cuồng si* » (147) và lập luận rằng : « *Nhiều khi, người ta phải chờ một cái không chắc chắn, chờ một thứ có thể không có được, chờ như vậy, mới hay chứ !* » (48). Để rồi cuối cùng họ bỗng nhiên thấy « *có giấc-mộng nào đứng vững trước cuộc đời đâu !* (256) bởi vì « *chưa kịp mơ một giấc mơ, chưa tàn một trận cười... thì một trận gió đảo điên nổi dậy lôi cuốn dòng đời như chiếc lá khô* (169).

Sự mơ mộng ấy, thường khiến cho họ *cô-đơn*. Người ta không thể mơ-mộng ở trong sinh-hoạt cộng-đồng, tập thể. Cũng như người ta không thể mơ mộng trong lúc hào hển chạy theo cơm áo hằng ngày. Lúc quá no đủ, con người ích-kỷ lại sinh biển chứng khát thèm và đi sục sạo, chứ không mơ tưởng. Mơ-tưởng là quyền năng chính của một tầng lớp chơi vơi, của những con người riêng rẽ, có đủ một sự nhàn hạ và nhiều kiến thức sách vở cũng như nhiều sự hạn chế, hơn là nhiều nỗi thiệt thòi. Riêng rẽ, cô-độc còn tạo cho họ ảo-tưởng quá dày, quá lớn về mình và ở cuối đường đuổi bắt phiêu lưu, họ sẽ gặp niềm tuyệt vọng như là định mệnh. Cô nàng Hồng-Hoa « *ngày ngày thường tới dòng suối ven rừng để ngồi soi xuống bóng nước* ». Cô nói : « *Em biết dòng suối lạnh lùng có thương yêu gì em đâu, nhưng em vẫn phải tới. Tới để nhìn gương mặt suối, và cũng để soi nét mặt em qua bóng nước lạnh lùng* (191). Chính nỗi cô độc sâu xa của người con gái ngây thơ đã khiến cho nàng từ sớm chỉ biết đối diện với nàng như mối say mê lớn nhất, kiểu chàng Narcisse ngày xưa tương tư hình bóng của mình phản chiếu dưới hồ. Cứ thế, Hồng-Hoa chỉ thấy có mình, chỉ yêu có mỗi tâm sự của mình, không nhìn thấy được khả năng thực tại. Làm sao nàng nhìn thấy khả năng ấy khi nàng thuộc vào lớp người chỉ xem xã hội như là tùy thuộc, như nước sinh ra bởi cá ? Cho đến một lúc nào đó, đột ngột húc đầu vào cái thực tế phũ phàng, nàng mới hoảng hốt nhận thấy mình lao vào giữa chiến trường không có một tấc khí giới trong tay. Bẽ bàng, uất hận, người con gái ấy tìm cách trốn mình và trốn cuộc đời. Cách trốn bảo đảm hơn cả, giữa lúc cô đơn, là tự hủy diệt.

Cái tâm trạng ấy ở trong viễn khách, nhân vật trọng tâm - mới thực rõ ràng. Trọn đời gã chỉ muốn « *theo đuổi những giấc mộng hiền hòa, nhỏ bé* (140) cho nên chiều chiều « *thường tới ven bờ cỏ, lặng ngắm hàng giờ dòng nước chảy về những chân trời xa lạ* » (139). Ở kẻ chăn trâu, cắt cỏ, không được học hành mà có tâm trạng như một nhà thơ lãng mạn, kể cũng khác người. Mang cái nỗi lòng mơ mộng và cô độc ấy đi vào cuộc đời, gã mục đồng kia trở thành viễn khách, bởi vì gã

từ chân trời xa lạ trở về. Trong cuộc khứ hồi dài dặc, gã được gì không ? Hoàn toàn gã không được một thứ gì. Quá tin ở cái cá nhân riêng lẻ của mình, gã chỉ bắt gặp « *dòng đời thê lương và hỗn độn* », trên đầu « *chỉ có một niềm hư vô ghê rợn* » (62) bên mình chỉ có một chiếc « *bóng dài lêu nghêu* » (61) ở trên biển cát mênh mông ! Và ở bên trong, « *chỉ thấy cõi lòng ê chề hụ hắt* » (56). Càng tiếp tục sống, viễn khách thấy «*có bao giờ dòng đời xuôi thuận với lòng mình đâu* » (152) và lòng viễn khách vơi dần, « *vơi dần như một chiếc đèn lụn bấc, tàn lụi dần như cây nến mỡ cừu* (. . .) *lặng lẽ nhỏ giọt hoen vàng* (132).

Tóm lại, bên ngoài là cái vẻ mặt kiêu kỳ, bên trong là những nỗi lòng say đắm, ý thức thủy chung, bản chất mộng mơ, tâm hồn cô độc. Chúng ta có thể kể thêm dáng điệu ưu sầu trọn kiếp của Thạch-Đầu-Nhi, lòng yêu bồng bột, liều lĩnh của cô gái bé Hồng Hoa, thái độ khinh ghét con buôn một cách khác thường của người chủ quán (cũng là một kẻ bán buôn), và sự chịu đựng âm thầm của Giang Hoa Tâm.

Bao nhiêu những sắc thái ấy, thuộc riêng kiến trúc tâm lý của một lớp người. Và lớp người ấy đã được tác giả đề cập nhiều lần trong các tác phẩm biên khảo công phu của mình trước đây. Đó là lớp tiểu tư sản. Cần nói rõ hơn : *một tầng lớp tiểu tư sản trí thức.*

Trong những nguyên nhân khách quan, chủ quan đã gây nên cảnh đau khổ, tuyệt vọng, cho các nhân vật, nguyên nhân chủ quan — tâm lý — dự phần chính yếu. Ở tầng lớp khác, dù trong cảnh ngộ chiến tranh ly loạn, ái tình có thể không nhuộm màu sắc bi thương như vậy. Tưởng nên xác định thêm rằng lớp tiểu tư sản trình bày trong kịch là một thành phần đã được tạo hiện bằng những điều kiện không gian, thời gian cụ thể. Họ có quan niệm nhân sinh theo kiểu Tây Phương với những phản ứng ái tình theo lối giáo dục cổ truyền Đông Á. Như thế, **chủ đề tác phẩm không chỉ là tình trái ngang, tuyệt vọng. Đó còn là nhân sinh quan bi đát của một lớp tiểu tư sản phân hóa rất chậm nên không bắt kịp cuộc đời thực tại.** Viễn khách đã tự thú nhận : « *Cuộc sống sẽ tới mà thường khi nó tới mau đến nỗi mình không kịp ngoảnh lại ngắm trông. Chưa kịp mơ một giấc mơ, chưa tàn một trận cười, chưa kịp nhìn bước chân mình, thì một trận gió đảo điên đã nổi dậy, lôi cuốn dòng đời như chiếc lá khô* » (169).

Bi kịch là đó. Bi kịch là vì thoát ly thực tại, chỉ lo *mơ một giấc mơ*, bi kịch là vì cuộc sống nặng về hưởng thụ, chỉ lo *tàn một trận cười*, bi kịch là vì chỉ trong có mỗi sự sống cá nhân, chỉ lo *nhìn bước chân mình*. Kết cuộc, cá nhân là chiếc lá khô, dòng đời là cơn gió loạn. Bi kịch tiết ra từ cuộc sống ấy, chan hòa sinh hoạt, không riêng trong cõi ái tình.

***

Chủ đề tác phẩm đã phản ảnh được phần nào thực trạng nội tâm của một lớp người thời đại. Trong cuộc chiến đấu vì chính-nghĩa nào, chúng ta vẫn thấy được ba hạng người với ba thái độ như sau : một hạng đau khổ, ngã gục ở trên chiến trường mà không băn khoăn gì hết, ném trả cho đời nỗi niềm thắc mắc về một tai họa lớn lao mà mình không lường trước được, không ý thức nổi ; một hạng chịu những thử thách gian lao và được tôi rèn trong cuộc chiến đấu, càng ngày càng lớn mạnh hơn, càng ý thức hơn về sự trưởng thành ; một hạng mang vào chiến đấu một cái tâm trạng chủ quan sẵn sàng phản ứng theo từng giai đoạn, hăm hở những khi ưa thích, hoài nghi những lúc mệt mỏi, cuối cùng cứ tự tra vấn để tìm một giải lời đáp mà không bao giờ tìm được. Viễn khách thứ mười thuộc vào loại hạng sau này. Khách đã lao vào chiến trận vì đã tuân theo bản chất nhiệt tình hơn là chấp nhận mục đích do đó khi cuộc chiến đấu kéo dài với những gian khổ thì khách rời rã, tự thấy những nhu cầu riêng của cá nhân mình chịu lắm thiệt thòi. Rồi khách đâm ra hoài nghi chiến đấu, băn khoăn tự hỏi ý nghĩa cuộc đời với những giá trị cao siêu của nó xuyên qua chiêm nghiệm trên cá nhân mình. Nỗi băn khoăn ấy dường như sâu sắc, lớn lao có thể bao quát Hư vô, Trời Đất như khách đã từng nhắc đến nhiều lần. Trong sự tra hỏi đuổi lý với mình, khách bắt gặp nỗi chán chường. Chán chường vì thấy bất lực, vì mình phải đầu hàng mình. Nhưng ở phút cuối ta được chứng kiến rằng bao nhiêu nỗi khổ tâm của khách không phải là chuyện cao xa, khách chỉ có một thỉnh cầu giản dị : « *mong mỏi được nhìn nét vẻ mặt bà quán một lần* » (256) sau tấm mạng che ! Lời thỉnh cầu ấy, nhỏ nhoi như vậy, mà vừa phát biểu nên lời, tác giả đã cảm thấy niềm tuyệt vọng sâu xa : « *Tôi không dám cầu xin bà quán bỏ chiếc mạng, nhưng tôi cần thưa rõ nỗi mong ước đó để tạ thâm tình bà quán*» (256). Hai mươi năm dài chiến đấu trôi qua người khách chỉ có ước mong như thế. Nụ cười ngày cũ, đôi mắt thời xưa, nét mặt thân yêu thuở nào, đó là kết quả chờ đợi của một cuộc sống gian khổ đầy những tìm kiếm, băn khoăn. Mới hay, cuộc đời trôi qua điên đảo, khách vẫn dừng chân, mãi mãi dừng chân giữa cuộc phiêu lưu.

Nụ cười, ánh mắt và nét mặt kia chung cuộc chỉ là nỗi lòng của khách. Tâm sự của khách vĩnh viễn trở về giai đoạn ban đầu. Hai mươi năm ấy phải chăng chỉ là khoảnh khắc ? Khoảng khắc đối với những người vượt được không gian và cả thời gian, những người thoát ly thực tại. Cho nên, viễn khách dù bị giết chết ta cũng không phải băn khoăn, không phải xót thương, vì khách thật sự không chịu thiệt thòi, khách vẫn giữ nguyên mức cũ, khách còn có thể khởi đầu trở lại, có thể xuất hiện trở lại trong một hay nhiều tác phẩm khác nữa sau này và cứ xuất hiện mãi mãi mà không va chạm gì đến cuộc đời. Khách chưa thực hiện cuộc sống, khách chỉ có những khát vọng riêng tư nên thật dễ dàng chấp nhận thất bại. Và trong thất

bại, khách tự lựa lời an ủi rằng kẻ « *không mong ước gì mà cũng chẳng thèm đòi hỏi gì ở cuộc đời* (...) *mới đúng là kẻ lữ hành thuần khiết trên mặt đất này* (*142*). Đòi hỏi thuần khiết nghĩa là bắt đầu chấp chới vào cõi hư vô.

Viễn khách thứ mười là một nhân vật ý thức. Có lẽ tác giả có đủ khả năng tư tưởng để quan niệm rõ, hơn bất cứ ai trong nhóm của mình, về cái vai trò của tầng lớp ấy. Người đọc, qua các nhân vật, gặp một thái độ chân thực, một cái tinh thần tự kiểm điểm mình rõ rệt. Sự tự kiểm ấy ở đây không phải là một xác định mà chính là một tự thú, một sự phủ nhận. Ngay trong mấy tiếng nhan đề, *viễn khách thứ mười*, chúng ta cũng thấy ít nhiều khiêm tốn, chân thành. Trên cuộc đời này, gã Thạch-Đầu-Nhi, trước sau chỉ là người *khách*, người khách đi đến từ chốn xa xôi, lạc loài, người khách cuối cùng, tuy có những kẻ tiếp đón với nhiều hy vọng nhưng khách chỉ gieo đổ vỡ, tóc tang thù hận, ngoài cả ý muốn của mình. Đúng như lời khách ở trang 250, sự hiện diện ấy cũng là trọng tội. Và ở cuối đường, khách biết mình lầm, khi « *tưởng con người không có cách gì khác hơn là trông cậy ở chính mình và càng ngày càng phải xây dựng sâu dày một bức trường thành cô liêu kiêu hãnh* » (*253*). Trong trường thành ấy, khách nhận rõ ràng con người « *chỉ là những kẻ tù hãm. Dù sống thiên thu, vẫn là một bọn tù hãm ! Tù hãm của người xung quanh, tù hãm của những khúc quanh vô cớ của dòng đời, tù hãm của quá khứ, của những mộng suy tư hay những sợi dây tình giăng mắc* » (177). Và khách xót xa, chợt tỉnh, khám phá sự thực sau đây : « *mặt đất này, giá không có ta, cũng chẳng có mảy may thay đổi* » (*56*). Cái ta lớn lao, quan trọng một cách phi lý ngày nào bây giờ đã teo tóp lại, đã chực tan đi. Người ta bất giác nhớ lại một câu thơ xưa :

Rồi giữa ngày vui, tôi sẽ từ giã
ra đi,

Cuộc đời bao la, sáng lạn cũng chẳng
vì vậy mà chịu thiếu thốn một mảy
may nào (*1*)

Tuy kém hẳn phần sáng sủa, tự nhiên, nhưng quan điểm ấy đã tìm gặp lại nhận định đơn giản của người bình dân đông đảo :

Có mợ, thì chợ cũng đông
Mợ đi lấy chồng thì chợ cũng vui !

Cồ hồi đầu lại sự thực của bản thân mình, khung cảnh vở kịch đã chuyển dần từ tươi sáng về nơi tăm tối, âm u. khép lại bằng những nấm mồ, và bằng lửa máu, khác hẳn trong vở *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ-Khắc-Khoan có mặt trời lên, phút chót, trên bước sờ soạng của kẻ mù lòa. *Thành Cát Tư Hãn* chứa đựng phản ứng thật là dồi dào, trong khi *viễn khách thứ mười* chỉ có thở than phong phú. Ở trong *Thành Cát Tư Hãn*, Sơn ca sau khi tàn phế, mới khởi đầu một chuyến đi. Còn đây, viễn khách kết thúc chuyến về, một chuyến trở về sầu thảm. Có thể bảo

---

(1) Je m'en irai bientôt au milieu de la fête,
Sans que rien manque au monde immense et radieux
(*V. Hugo*)

hai vở kịch nói trên của nhà xuất bản *Quan-Điểm* là hai nét lớn của một tâm trạng, là hai giai đoạn của một cuộc đời. *Viễn khách thứ mười* đã kể tục cho *Thành Cát Tư Hãn*, bổ túc cho nó hoàn thành một quan niệm sống, từ chỗ muốn gượng đứng lên đến chỗ ngã xuống vĩnh viễn.

Như thế tác giả đã chém nhát gươm quyết định vào cái thần tượng đang còn huyễn hoặc một số con người thích sống giữa hai dòng nước, muốn làm siêu thể vượt ra khỏi vòng tranh chấp nhân gian. Không chỉ chân thành, thái độ tác giả còn chứng tỏ lòng can đảm. Và bấy nhiêu đó, chúng ta xin ngã mũ chào.

Tuy vậy, một sự tự phán hẳn hòi không tránh được nỗi xót xa, cũng như một sự tự hoại không tránh được niềm đau đớn. Do đó ta không ngạc nhiên khi nhận thấy rõ, thái độ chân thành của Nghiêm Xuân Hồng còn có khá nhiều hạn chế. Sự hạn chế ấy, ý thức hay vô ý thức, bàng bạc khắp trong tác phẩm, qua nhiều sự kiện. Đi từ những sự nhỏ nhặt, chúng ta có thể kể sự từ khước mọi thứ quyền năng khách quan — kể cả quyền năng xã hội — trong việc xử định con người. Khách nói : *Nào ai là người có thể phán xét kẻ khác ?* (252) Không thể là người, phải chăng là Đấng Thiêng Liêng ? Khách đã trả lời : «*Có thấy trời đất nào đâu ?*» (252), bởi vì chỉ có một niềm hư vô ghê rợn. Nhưng giữa vô hư, còn có một người. Đó là viễn khách. Để thỏa mãn lòng tự ái, khách dành cho mình quyền năng được tự luận tội, tự làm thẩm phán công minh, xét xử cho mình. Khách dằn từng tiếng : « *Tôi có tội* (..) *Có tội vì đã chót sinh ra kiếp sống, có tội vì đã lỡ làng ghé qua đây, có tội vì đã có mặt đêm nay, vì đã kiêu hãnh chỉ muốn theo đuổi giấc mộng cô liêu riêng rẽ và hờ hững với nỗi lòng của « những người gặp gỡ ven đường».* (254) Có tội như thế, thực ra nào có tội gì ? Viễn khách trong khi dõng dạc tuyên xử án mình vẫn không quên sự khôn ngoan và điều lịch sự.

Sau này, theo lời trẻ con thuật lại thì « *quá ngán đời* » (272) viễn khách đã để cho người chủ quán giết đi.

Nhưng cái chết ấy vẫn là giả-thuyết, vẫn là một điều hoài nghi ở miệng trẻ con. Khách còn quá nhiều tự ái để được thấy chết rõ-ràng. Hơn thế, khách muốn được nâng phút cuối đời mình thành ra truyền thuyết hoang đường, nếu không trở thành nghi-vấn lịch-sử.

Nếu khách quả tình ngã gục, thì lòng kiêu hãnh của khách cũng không vì thế mà bị tiêu tan : khách được hình dung như kẻ không thèm chống cự, và chính thanh gươm giết khách cũng là món quà chiến thắng, mà khách trao cho đao-phủ của mình.

Kiêu hãnh cho nên thất bại, thất bại lại càng cố gắng kiêu hãnh, đó là viễn-khách. Và đó cũng là tâm-trạng Sơn-Ca ở trong Thành-Cát Tư-Hãn của Vũ-Khắc-Khoan. Qua hai vở-kịch trên đây, ngoài cái khung cảnh cộng-đồng là miền sa-mạc khô khan, ngoài

sự hờ hững đối với chiến-tranh mà không phân biệt là chiến-tranh nào, ngoài vẻ mệt mỏi, ngoài sự cô-độc, ngoài lòng ích kỷ sâu xa, ta còn gặp lại khá nhiều *thành-thực đã bị hạn chế*. Đó là những móa yêu sách, bên ngoài có vẻ cao siêu, nhưng vốn bên trong là sự thất bại, là những ước muốn tầm thường. Nếu chàng Sơn-Ca khó dễ với vị Đại-Hãn quân Mông là để được ngủ với một đàn bà và có rượu uống thì Kiều.Liên Hương khó dễ với gã thợ săn cũng cốt cho sự nhượng bộ của mình trước nợ áo cơm bớt đi cái vẻ thấp hèn. Còn gã thợ săn, mệnh danh cứu-nhân độ-thế cũng nhằm mục đích tối cao là được chung chăn chung gối với người đàn bà. Cả gã cùng nàng, hai người đồng lõa với nhau làm trò từ-thiện. Gọi là « làm trò » vì trên thực-tế, họ có cứu giúp ai đâu ! Họ chỉ làm mỗi nhiệm vụ tiếp tân những ai qua khỏi sa-mạc mênh-mông « *lạnh lùng, khắc-nghiệt, chim hồng bay còn cháy cánh, ngựa nòi chạy còn ứ mồ hôi máu* (50). Chúng ta thừa hiểu kẻ nào không thể vượt qua, tất nhiên phải chết khô xương giữa cát. Những ai « phận mỏng, đức dày » vượt thoát được cõi đoạn trường dằng dặc thì gã thợ săn. chực sẵn ở trong bóng mát ven rừng, nhảy ra chào đón, hỏi han, rồi đưa về nhà cho vợ dọn cơm, dọn rượu nhậu chơi đôi bữa cho vui, và chỉ đôi bữa mà thôi. Ấy thế là gã có thể ghi thêm được một thành tích cứu người để tiến dần dần đến miền cực lạc, ở đây là chiếc giường nằm có hơi thở ấm của khách má đào. Quan-niệm hành thiện như vậy, kể cũng giản-dị, nhưng cũng kỳ quái vì kéo dài được mười năm đằng đẵng. Người ta có thể ngạc nhiên cho sự kỳ khu như thế, nếu người ta không hiểu những phản ứng kỳ quặc của lòng tự ái.

Ở đây, chúng ta tìm thấy được nhân vật chính của kịch không phải viễn khách thứ mười, vì nhân vật này chưa nói được hết những sự phản ứng tiêu biểu của tầng lớp mình. Viễn khách được xây dựng bằng ý thức quá nhiều nên có đủ sự tỉnh táo của một biện-luận. Nhân vật chính yếu trong kịch là Giang-Hoa-Tâm, là người thiếu phụ đau khổ, tuyệt vọng, suốt đời lệ thuộc, chịu đựng, ngồi im chịu cảnh ngang trái giáng xuống đời mình như những tai họa lớn lao. Và trong bất lực giữa những dây trói không sao gỡ thoát, người đàn bà thiếu tranh đấu ấy đành chịu thất thân, nhượng bộ cho kẻ tàn bạo, cho lũ cường khấu, cho bầy man rợ. Trước khi ngã xuống vĩnh viễn trong sự từ khước hẳn mình, nàng còn yêu sách, bày trò từ thiện, để lừa dối người và lừa dối mình ! Đáng thương cho lòng tự ái của nàng, đáng thương cho gã thợ săn ngây thơ và cả cho ai dễ-dãi đã vội tin nàng !

Nàng Giang - Hoa - Tâm, xét về phương diện biểu trưng tầng lớp xã-hội, là một kết tinh của phần tiềm thức tác giả. Nàng đã tố cáo những gì là sâu thẳm nhất của một lớp người tự thấy có tài, có đức nhưng cũng

thấy mình nhiều quá, nên lúc thất bại còn gượng với tay gẩy guộc muốn ban phép lạ cho đời. Nàng Giang-Hoa-Tâm thực sự là lời xin lỗi, một lời xin lỗi có nhiều thiện ý nhưng không giấu được những vẻ ngượng ngùng.

Vẻ ngượng ngùng ấy đã khiến cho sự xây dựng nhân vật cũng như sắp xếp tình tiết không tránh được nét giả tạo.

Để đạt cho được chủ đề, các nhân vật chính đều là con người đặc biệt có những tâm lý giản đơn. Viễn khách vẫn giữ các vẻ u buồn của hai mươi năm về trước, khi gã còn là một kẻ mục đồng vừa mới lớn lên. Thợ săn, một tên man rợ đạo tặc, chỉ gặp một người đàn bà phiêu bạt, đã biến đổi hẳn tâm hồn và chịu giữ sự tiết dục suốt mười năm trường để làm những việc mà đáng lẽ gã phải thấy phiêu lưu, vô nghĩa. Còn Giang-Hoa-Tâm, tại sao lại ngăn Hồng-Hoa theo khách khi nàng không cho khách biết sự thực về nàng ? Nàng cũng không hề ghen với con mình khi biết con mình yêu khách, thế thì tại sao nàng lại cản ngăn ? Chi tiết mơ hồ trên đây kết hợp với sự kiện nàng Hồng-Hoa đột ngột yêu đương, đột ngột tự vẫn, mang cái tính chất gay cấn dễ dãi của những vai tuồng sân khấu cải lương. Thiếu về phức tạp, tế nhị ngoài đời, tâm-lý các nhân-vật ấy là những mẫu người giả-định của một tác-phẩm tượng trưng. Vì vậy, người đọc ít gặp những lối độc-thoại nội-tâm quen thuộc, những thể giằng co tâm-lý khó khăn cũng như những sự đột biến tâm tình sát-thực.

Với những nhân-vật như vậy, nếu có giọng văn súc tích, bóng bẩy thiên về gợi tả phù hợp tinh-thần tượng-trưng thì sự ngỡ-ngàng qua các trang sách sẽ được giảm bớt. Tất cả sự-kiện trên đây chứng tỏ nhận thức tác-giả vượt hẳn nghệ-thuật của mình, hay nói đảo lại, ngòi bút tác-giả không đuổi kịp được ý-tưởng. Sự thiếu quân-bình như thể gây một không-khí rời rạc và phân-tán hẳn cảm-quan độc-giả, nếu không nhờ sự gắn bó của một bố-cục vững-vàng và sự diễn-tiến chặt-chẽ, khéo léo trong các tình-tiết. Điểm này xác nhận tác-giả là một ngòi bút có nhiều kiến-thức suy-nghiệm về kịch hơn là khả năng sân khấu thực-tiễn, cho nên tác-giả chú trọng diễn tiến nội-dung bằng các đối thoại hơn là vận-dụng thủ thuật như trong tác-phẩm của Vũ-Khắc-Khoan. Đặc tính nổi bật ấy giúp tác-giả khai thác rất kỹ yếu-tố chờ đợi để buộc người đọc băn khoăn tìm về những đoạn kết cuộc, dù kết cuộc ấy người ta có thể đoán biết phần nào. Chẳng hạn lý do tiếp đón viễn-khách của gã thợ săn, lai-lịch của khách đối với nàng Giang-Hoa-Tâm, sự-thực phũ-phàng mà người thiếu phụ muốn bày tỏ với con mình, những trường-hợp ấy làm nên kịch tính đậm-đà đã được diễn-tiến vững vàng bằng một bút pháp bình-tĩnh, tự chủ. Sự tự chủ ấy, nhiều khi ra ngoài mong đợi, cho thấy con người khảo luận phong phú, thiên về lý-trí muốn lấn át hẳn con người tài hoa, nhạy cảm ở trong tác-giả...

Như thế, viễn khách đã về. Rồi khách lại đi. Giữa lúc đợi chờ gần như tuyệt vọng, khách đã gieo thêm sầu thảm hơn là hân hoan. Giữa lúc hồi hả một sự đưa tiễn, khách lại tỏ ý dùng dằng hơn là quyết định. Chúng ta yêu vì khách là kẻ thứ mười, số chót của sự mong đợi, kẻ đáng lý ra có nhiều kiêu hãnh nhưng lại là kẻ tuyệt vọng sâu xa. Không những tự chối bỏ mình, khách đã gây sự hủy diệt — dù ngoài ý muốn — cho cả « *bọn người kỳ cục* » nói theo lời trẻ ngây thơ ở trong trang kịch cuối cùng.

Chỉ bấy nhiêu thôi, viễn khách cũng đáng cho ta dựng một tấm bia ở trước mộ phần. Tấm bia kỷ niệm cái chết lịch sử không gây một tiếng vang nào. Nhưng liệu tấm bia mộ ấy có thể dựng được hay chăng ? Người ta hãy còn phân vân về phút cuối cùng của khách, chỉ vì ngại rằng khách vẫn còn sống, vẫn còn tiếp tục bước đường vô định phiêu lưu trong cõi sa mạc hoang vu, ảo tưởng chập chờn.

Cô PHƯƠNG-THẢO

● Con người tự khám phá mình khi đụng độ cùng nghịch cảnh.

Saint-Exupéy

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, *Đường Nguyễn-Siêu* — Téléphone : 20.821 — SAIGON

BẠN ĐỌC GÓP Ý VỀ :

Mấy điểm sai lầm

TRONG BÀI GÓP Ý CỦA Ô. TRÁC-NGỌC

Sau khi đăng trên Bách-Khoa số 159, ngày 15-8-63, bài góp ý của ông Trác-Ngọc về xuất xứ bài thơ « Con muỗi » chúng tôi nhận được lá thư của ông Ngô-Thành-Nhân, chủ trương nhà xuất-bản ANH-MINH Huế, trong thư ông Nhân cho biết bài trên đây có mấy điểm sai lầm mà chúng tôi xin trích đăng sau đây để bạn đọc rộng đường tìm hiểu :

1) *Đồn điền của cụ Tây-Hồ.* Tác giả viết : « Tại đó (tức Quế-Sơn) có đồn điền Phước-Sơn của cụ Tây-Hồ Phan-Châu-Trinh, hồi ấy do con gái Cụ là Bà Đốc Ấm quản trị... »

Cụ Tây-Hồ hy sinh tất cả thân gia cho đất nước, làm gì nghĩ đến đồn điền và tiền bạc, đâu có làm chuyện như thế ? Sự thật đồn điền ấy tậu được là do tiền của Ông Bà Lê-Ấm dành dụm trong khi dạy học.

2) *Ông Lê-Nguyên-Kháng ở tại Tòa soạn báo Tiếng-Dân của Cụ Huỳnh.* Những người cộng sự tại Tòa soạn Tiếng-Dân, hiện còn có ảnh chụp kỷ niệm và chính tôi biết không có ai là Lê-Nguyên-Kháng cả. Hay là ông Lê-Nguyên-Kháng nào đó ở ngoài viết lai cảo gì chăng.

3) Bài thi tứ tuyệt của Cụ Tây-Hồ ở trang 52, số Bách-Khoa 159 có đôi chữ sai, như *thượng tồn* nói *tự tồn*, *trầm luân* nói là *luân vong*, *dân tộc tụy* nói là *dân tộc lụy*.

ca khúc của người hai mươi

Đã gánh nặng những tháng ngày vàng võ
Từng đêm dày đốt nến kiếm tương lai
Xin cởi bỏ những sầu thương nức nở
Tôi vào đời mang trách nhiệm trên vai

Làm người dân để muôn đời nhớ nước
Làm người tình để yêu dấu quê hương
Lịch sử nào không có nhiều tiếng khóc
Cuộc đời nào không có nhiều đau thương !

Bởi trái tim đã nhìn ngay sự thật
Nghe trong hồn đay nghiến biển âm thanh
Rất khiêm nhượng khi làm người thức giấc
Giữa mù sương dựng lý tưởng cho mình

« Khi bước đi đừng bao giờ sợ ngã
Con hãy đem lòng trong trắng sống mai sau ! »
Di bút của cha ngày xưa là tất cả
Những chữ vàng muôn thuở chẳng phai màu

Đem tâm lực, tình yêu xây chiến lũy
Tôi cầu hôn cuộc đời bằng sính lễ hy sinh
Rồi ra đi buồng tim là lộ phí
Hồng nụ hôn, môi đất mẹ giao tình

Dầu nhỏ bé — xác thân nầy dâng hiến
Để bàn tay dài nối những bàn tay
Nếu nằm xuống — vườn thanh bình chưa đến
Vòng hoa cười cũng rực ánh sao bay

TẦN-HOÀI DẠ-VŨ
(Hội-an)

ngỡ ngàng

— HỮU-PHƯƠNG —

Hờn đau dồn lại phía hông
Ưu tư mối mọt ăn ruồng tâm can
Sáng ra thức dậy ngỡ ngàng
Chút vui ảo mộng vá hàn chiêm bao

Xót xa từng mụn tế bào
Cái co giãn đó làm xao xuyến hồn
Nhìn sau ngó trước bôn chôn
Lần chen đâu nẻo phồ buồn chân ai ?

Vai tôi chĩu nặng hình hài
Còn trong nhân thế còn dài ước mơ
Niềm vui chửa trọn bao giờ :
Hồn mình đã mất dại khờ tuổi xanh

Chốc nghe lạc lõng Bến thành
Triều người luồng cuồng chạy quanh đi tìm
Áo cơm, danh vọng, bạc tiền...
Hóa ra ngơ ngác giữa miền gió giông.

H. P.

ngày mưa

— HỮU-ĐỖ —

Lòng mình bỗng hóa không gian,
Nghe mưa thầm giọt nối hàng châu rơi.
Đã ngoài lứa tuổi đôi mươi,
Còn như sông nhỏ xa vời non cao.
Bao giờ lòng hết chiêm bao,
Quên đi ngày cũ phương nào héo hon.
Quê hương cách trở dặm buồn,
Đây mùa thương nhớ, ngõ hồn tương tư.
Nghĩ đời nắng sớm mưa trưa,
Yêu đương nồng mặn có vừa lòng nhau.
Đêm đêm trở lạnh gối sầu,
Nhớ mùa thu cũ mái đầu thơ ngây.
Xa rồi nghìn dặm xa bay,
Non mòn, núi lở hồn ngây ngất buồn.

H. Đ.

Khoác tội lỗi lên bờ vai gầy yếu
Anh sẽ lang thang khắp bốn phương trời
Những ga buồn anh nằm xuống nghỉ ngơi
Lấy hình ảnh em trưng bày trước mắt
Dù đói khát có làm đời cực nhọc
Anh vẫn vui tươi không chút nghẹn ngào
Đêm ngả người ra với những vì sao
Để thương nhớ thay chuyện buồn thế kỷ
Tình yêu chúng mình chao ôi mộng mị
Em làm sao tìm thấy giữa cuộc đời ?
Tuổi trẻ này không cho nghĩ ngày mai
Vì hôm nay ngày mai còn thế có ?
Em mười bảy biết gì về đau khổ ?
Một tình yêu anh, chưa đủ em ơi !
Còn chiến trường còn xác chết tanh hôi
Còn những đứa như anh phải cầm dao súng
Người ta dạy đừng bao giờ cảm động
Khi bắn vào đầu tên địch bên kia
Em nghe không tiếng đạn ở biên thùy ?
Em biết không nỗi buồn người hấp hối ?
Đó là những khuôn mặt hiền vô tội
Nhưng làm sao với chặng lịch sử này ?
Anh vẫn là tên lính đó ngày mai
Và buồn lắm nên bây giờ giong ruổi
Dù thiên hạ có đòi anh sám hối
Về tình yêu ngang trái của chúng mình
Anh sẽ mỉm cười úp mặt lên tim
Bởi ở đó em vẫn còn vĩnh viễn.

LỮ-QUỲNH

những ngày còn lại

còn ở đó

NGUIỄN-NHO-SA-MẠC

Còn ở đó mầu da vàng thượng cổ
Tổ tiên tôi từ sơ thủy vồn buồn
Hai bàn tay đã đào sâu lòng đất
Trồng muôn ngàn cây xây trái tình thương

Với nước mắt đã xanh từng ngọn lúa
Thêm mồ hôi thêm mạch sống quê hương
Tôi đã thấy ngày Trường Sơn quằn quại
Ôm cánh tay Việt Bắc khóc đau thương

Còn ở đó lời phong dao tình ái
Bốn ngàn năm lịch sử chảy trong hồn
Đứa trẻ niu vành nôi kêu má má
Hình ảnh nào hơn tiếng mẹ ru con ?

Tôi khôn lớn nhìn nỗi buồn đất nước
Một dòng sông biên giới hai loài người
Nỗi đau đớn đã chồng cao bằng núi
Ôi Hải-Phòng Hà-Nội cháy trong tôi

N. N. S. M.

MỘT CHỖ CHO NGƯỜI TÀNG TẬT

TRUYỆN NGẮN của Y-UYÊN

NGÀY mẹ còn sống thỉnh-thoảng Nhành còn tạt về nhà một tuần đôi bận. Đến khi mẹ chết, Nhành ở hẳn với gia-đình một người bạn tên Thế. Người bạn này có chiếc xe máy dầu đã cũ, trừ chủ-nhân, không ai điều khiển nổi. Trong những ngày hầu như rất nhàn rỗi ở nhà Thế, Nhành đã làm quen với vẻ trục trặc độc-đáo của chiếc xe. Chẳng bao lâu, chiếc xe đã tham dự khá nhiều vào đời sống Nhành.

Lúc đầu, Nhành mang xe đi Chợ-Lớn lấy hàng về cho cha mẹ Thế bán. Sau này, Nhành dùng xe chở các bạn đi từ biệt bà con để lên đường. Nhiều lần xe dở chứng, đạp vã mồ hôi vẫn không nổ máy, Nhành bực mình bảo bạn :

— Hai mươi mấy đứa, sao chỉ mình thằng Thế có cái xe vứt đi này ? Hai mươi mấy đứa, sao không đứa nào chịu lái cái xe này ngoài tao với thằng Thế ?

Nghe Nhành than van, người bạn phì cười :

— Tại vì chỉ còn thằng Thế là người cần và ưa xe gắn máy. Trừ mày và nó, một đứa là chủ xe, một đứa là « chỗ người nhà », có ai dám tự hào lái nổi cái xe đó đâu.

Trước những lời giải-thích quen tai và hợp lý này, Nhành chỉ còn việc nhăn bờ răng vẩu ra cười rồi tiếp-tục bặm môi đạp nhào nhào trên xe cho tới khi máy nổ. Lúc tới nhà một người định thăm, Nhành biết mình đã tạm hết vất vả, có thể ngồi yên mà thở một cách kín đáo. Nếu vui mồm, người bạn kéo dài câu chuyện với chủ nhà, Nhành đưa mắt ngó vu vơ một cuốn lịch, một bức ảnh treo trên tường, lòng hỏi lòng xem đã thấy cuốn lịch, bức ảnh nào ở các nhà mình vừa qua giống như vậy không, hoặc tẩn mẩn nhớ lại những thứ thuốc lá các nhà đã mang ra mời khách. Nhành cho thế lại còn dễ chịu hơn khi chủ nhân săn sóc tới mình. Đã có người đang mải nói chuyện với bạn Nhành, bỗng giật mình nhớ ra còn Nhành ngồi bên cạnh vội vã vồ vập hỏi Nhành :

— Còn cậu, ba[illegible] lên đường cho chúng tôi được mu[illegible]

Hỏi xong, người[illegible]ời lớn, rồi như phân trần :

— Thế mà chẳng h[illegible] nữa đấy nhé ? Thời buổi bây giờ...

Người bạn Nhành ngỏ ý tán thành :

— Vâng, thời buổi bây giờ...

Thế là chủ nhân bã vội lấy đề tài « Thời buổi bây giờ » để nói với bạn Nhành, coi như chuyện « Thời buổi bây giờ » mới là quan trọng, mới đáng để mình hăng hái bình luận.

Cũng có khi chủ nhà thấy nói đã đủ với người đến từ biệt mới nhắc nhở tới Nhành. Coi như việc nhắc nhở này là phần cuối cùng trong chương trình nghi lễ của cuộc viếng thăm. Một ông sau khi đã chấm dứt câu chuyện với bạn Nhành, đã uống ực hết một ly nước lớn rồi vơ lấy cái điếu vội vã tra thuốc. Nhưng khi đầu đã cúi xuống, mồm đã toan ngậm lấy xe điếu, ông còn cố ngửng lên, nhìn Nhành, gằng hỏi hai tiếng « Còn cậu ? » để Nhành biết sắp tới lượt mình mà sửa soạn câu trả lời. Nhưng Nhành lại không ngờ ông ta tiết kiệm thời gian đến thế, nên sau điếu thuốc, với sự tin cậy vào câu trả lời có suy nghĩ trước của Nhành, ông ta dấn dổi lập lại :

— Còn cậu ?

Thì Nhành lúng túng lộ ra mặt. Một lát, Nhành mới nói :

— Dạ, còn cháu thì còn nhiều cuộc xuống thăm bác, thì còn được hầu chuyện nhiều với bác.

Nghe Nhành mặt ông ta đang nghiêng nghiêng chờ đợi vụt dựng thẳng lên lộ vẻ ngạc nhiên. Rồi dần dần chuyển sang vẻ lãnh đạm. Ông ta im lặng cúi xuống chậm rãi về một điếu thuốc khác. Người bạn ngượng ngập đưa mắt cho Nhành, chân khoèo ngầm ra hiệu cho Nhành biết đã đến lúc không còn nấn ná ở lại được nữa.

Về nhà, người bạn ngỏ ý trách Nhành đã khôi hài không đúng lúc, Nhành thực thà nói :

— Quả thực tao không biết trả lời sao cho đúng ý mong muốn của ông ta. Tao chỉ nghĩ được vậy thì nói vậy, chứ đâu có biết ông ta sẽ giận mình.

Người bạn cũng thành thực bảo Nhành :

— Thú thật, nếu phải đi chào bà con một lần nữa, các vàng tao cũng không dám đi với mày.

Câu này làm Nhành vừa tức vừa băn khoăn vì khoa ngôn ngữ kém cỏi của mình. Mấy người bạn khác, sau này nhờ Nhành chở đi, Nhành đã giận dữ từ chối. Nhưng, như các bạn Nhành thường nói, dù sao sự giận dữ đó cũng chỉ là « sự giận dữ của Nhành » nên cuối cùng Nhành vẫn mang xe chở họ đi như thường lệ. Nhành chưa bao giờ nỡ từ chối bạn bè cũng như chưa bao giờ Nhành thấy mình không có thì giờ nhàn dỗi. Và đến ngày Nhành thấy không thể kéo dài sự nhàn dỗi được nữa, Nhành từ chối cuộc sống với bạn bè một cách thẳng thắn.

Tuy gọi là sống với Thế, với gia đình Thế nhưng Nhành vẫn có thói quen nay nếm cơm nhà này một bữa, mai nhà kia một bữa. Nhành tự coi mình như « con cái trong nhà » của mọi gia đình. Nhận như vậy, không có nghĩa Nhành muốn lợi dụng lòng tốt mọi người. Thực ra, Nhành giúp

họ rất nhiều việc. Nhành đi lấy hàng cho mẹ Thế, làm nhà giúp Tân, đào giếng giùm ông Tư-Ngọ, may quần áo cho lũ cháu của Đỗ. Về khoản may quần áo cho bạn bè, Nhành giữ vai trò quan trọng. Trong mấy năm vừa qua, Tết đến, dù bận việc đến mấy, Nhành vẫn dành hai ngày mỗi năm may quần áo cho các bạn. Có khi đến giao thừa Nhành vẫn còn đạp máy sành sạch trong nhà một người bạn giữa khung cảnh nghiêm trọng của phút giao mùa. Và lúc giao cho bạn tấm áo vừa may xong, nhận của bạn một ly rượu đầu năm, Nhành mới chợt nghĩ đến mẹ và em. Uống ly rượu một cách vội vã, chúc gia đình bạn một câu thật gọn, Nhành bước mau ra con đường vừa vắng, vừa tối. Nhành xốn xang nghe tiếng pháo vọng từ tứ phía, nhìn một nhà đèn nến sáng choang, khói hương nghi ngút. Nhưng khi về tới trước nhà mình, Nhành đột nhiên thấy rơi hẫn vào một sự im lặng bình thản. Cửa nhà Nhành đã đóng, trong nhà Nhành đèn đã tắt, tối om. Giá là ngày thường Nhành đã quay trở ra, nhưng lúc đó, còn có nhà nào sẵn sàng mở cửa cho Nhành đâu. Nhành ngẩn ngơ đứng im trong tối đối diện tấm cánh cửa đóng im-ỉm, miệng vẫn còn thoang thoảng hơi rượu đầu xuân, tai vẫn còn nghe mơ hồ tiếng pháo.

Ngoài hai tháng giáp tết có việc làm đều đặn, thường ngày Nhành đạp cái xe lọc cọc đi đến các tiệm quen hỏi xem có việc nào làm không. Trên đường, có thể gặp một người bạn, một người quen, có thể tạt vào quán nước uống với họ ly la-ve, nói với họ một chuyện làm ăn vơ vẩn và nếu họ cần, Nhành có thể đến nhà họ dựng một cái rạp để ăn cưới, đi thuê giúp họ mấy xe chở bàn ghế mượn về. Hình như, hễ ai biết tên Nhành cũng biết nhận Nhành là « chỗ người nhà » mỗi khi cần một sự giúp đỡ ít tốn kém nhất.

Đôi khi gặp một người bạn trước kia cùng học may ở một tiệm, hỏi thăm việc làm ăn, Nhành tâm sự :

— Mình còn muốn tiến-thủ trên đường học vấn nên không có nhiều thì giờ để làm ở tiệm. Bây giờ miễn sao kiếm đủ tiền học là được.

Nhưng nếu gặp một câu hỏi đầy ngạc-nhiên của một người quen :

— Ủa, tôi tưởng cậu thi Trung học từ năm 195... cơ mà ?

Thì vẫn bằng một giọng thành thật, đượm vẻ buồn rầu Nhành đáp :

— Ôi chao, vừa phải kiếm sống cho có căn bản, vừa học thì khá sao được. Học trò nghèo bì sao được với con nhà chỉ ăn rồi đến trường !

Ban đêm, Nhành và các bạn thường là những cái bóng tụ trên đống củi gần đường nhựa, cười nói trước những khám phá về đàn ông, đàn bà. Họ là những người khách cuối cùng của một hàng phở dạo, là những người duy nhất nhìn những cỗ xe bò lập lòe ánh đèn dầu, nghiến bánh rời rạc trên đường trong một chuyến đi khuya. Đối với những người con gái dệt đêm về muộn, được xe hơi đỗ xuống ở góc phố, họ là những người con trai cuối cùng buông lời chòng ghẹo trong ngày.

Có đêm nhìn lại những con chó tối hôm trước đã giỡn trên đường, nhìn lại bóng mình tối hôm trước đã in trên mặt nhựa, nghe lại câu chuyện tình đã kể tối hôm qua,

Nhành ngáp thành tiếng lớn. Đến lúc một người bạn lên tiếng bằng một giọng ngái-ngủ :

— Về đi.

Nhành ngơ ngác nhìn bóng tối xung-quanh, hỏi :

— Về đâu ?

Người bạn ôm lấy cổ Nhành, dìu về nhà « một người bà con », nói như một tiếng thở dài :

— Buồn ngủ bỏ mẹ. Mầy có khôi hài đến mấy ta cũng không cười được.

*
* *

Đang sống với bạn bè tưởng dứt không ra, Nhành bỗng nhiên dời bỏ họ một cách vội vã. Có người cho là Nhành xích mích với chúng bạn, như vậy là chưa hiểu được « sự giận dữ của Nhành ». Thực ra từ lâu Nhành đã thấy hụt hơi để sống cho kịp bạn bè nhưng vì chưa tìm được nguồn an ủi nào khác nên Nhành còn nín nhịn. Đùng một cái, nguồn an ủi ấy bỗng dưng xuất hiện ngay tại tiệm may Nhành thường lui tới, tối ngày xoắn xuýt lấy Nhành. Đến lúc Nhành khám phá ra mình đã nặng tình với nguồn an ủi mới này, Nhành thấy phải bắt buộc nhẹ nghĩa với các bạn.

— Còn ở với chúng nó, chúng nó phá cho mà xem.

Thế là Nhành lật đật về sửa sang nhà cửa, quyết xây dựng một đời sống mới.

Nguồn an ủi của Nhành là Miên. Miên có đôi mắt thật đen nhưng trông thật nóng. Miên thường dùng đôi mắt đó để cười. Lần đầu ngồi riêng với nhau, Nhành lộp chộp hỏi :

— Sao lại thương tôi ?

Miên mơ màng đáp :

— Không hiểu tại sao cả. Chỉ nhớ hôm bắt đầu để ý tới anh thôi. Hôm đó, sau khi anh nói tới cái cầu thang tự động ở rạp « Rết », em thấy rung động không thể tả được.

Nghe Miên, Nhành cũng muốn nói đến nhiều cái « không thể tả được » từ khi gặp nàng nhưng sợ Miên cho là nói đùa một cách trẻ con, Nhành lại thôi.

Những lần gặp nhau kế tiếp, Miên thường hỏi bao giờ Miên là vợ Nhành và Nhành thường đáp Nhành sẽ cố gắng kiếm tiền để cưới Miên. Nhành nói thêm :

— Khi đó anh sẽ đón em Liên về cho nó đi học.

Miên tỏ vẻ không tin. Từ ngày chưa yêu Nhành, Miên đã nghe nhiều người kể chuyện những lần Nhành sang nhà bác toan đón em về. Đó là một chuyện đi kèm bên chuyện sống với những người nhận Nhành là « chỗ người nhà ». Nay Miên lại nghe Nhành nhắc tới chuyện đó với cùng một lòng tin tưởng ở tương lai hai người. Mắt Miên nguội hẳn đi.

Trông Miên, Nhành đọc ngay được sự ngờ vực của nàng. Từ lâu, Nhành bắt rất nhậy sự nghi ngờ của người khác. Dường như khi vừa mới tiếp xúc với bất cứ ai, Nhành đã sửa soạn để nhận lấy sự không tin của người ấy.

— Nhưng đối riêng với Miên, Miên không thể nghi ngờ ta như mọi người được. Ta phải đi đón cái Liên về. Ta sẽ gây dựng cho cái Liên cũng như ta sẽ cưới Miên làm vợ.

Nhành tự nhủ và quyết định đi đón em về.

*
* *

Từ ngày cái Liên ở với vợ chồng bác Cả, Nhành luôn luôn có ý định sẽ đón em về khi mình kiếm được việc làm chắc chắn ở một tiệm lớn. Nhưng vì ý định đó lại là « ý định của Nhành » nên người ta vẫn thấy cái cảnh Nhành ngồi trên xe máy dầu chở bạn đến từ biệt các nhà quen, cái cảnh Nhành dựng rạp ăn cưới, cái cảnh Nhành ngơ ngác trong đêm hỏi hai tiếng « Về đâu ? »

Có lúc Nhành đã tưởng tượng đến ngày về của em, đến mớ tóc rối bòng bong cuốn vào cánh tay mình khi hai anh em đứng trên cái «bac» đầy gió trên sông Sàigòn đến lúc cái Liên vào đến đầu ngõ vụt bỏ anh để chạy xô vào tấm cửa gỗ lấm tấm thuốc phun muỗi. Lúc ấy chắc nó sẽ quay lại nhìn anh đang đi tới như muốn nói :

— Này anh xem, có bao giờ em quên được các thứ ở nhà này ?

Và nó sẽ thoăn thoắt bám lấy cái đinh ở trên khung cửa, dướn người, thò tay vào một lỗ hở ở vách để kéo cái chốt cửa ra. Cánh cửa sẽ bật mở như một nhiệm mầu trong cổ tích.

Chiều đến, Nhành sẽ mời mấy người bạn tới nhà dùng cơm, mừng cho những ngày mới mẻ sắp tới của hai anh em.

Đó là sự tưởng tượng của Nhành trước ngày yêu Miên. Sau này, trí tưởng tượng của Nhành thêm vào những hình ảnh trên một đoạn : « Và trong bữa cơm đó từ đầu tới cuối sẽ có mặt Miên. Một ngày như thế vắng Miên sao được, quên Miên sao đành. Nhưng còn tiếng cười của Miên chẳng lẽ lại xen vào những tiếng cười của bạn bè Nhành ? Thật là khó nghĩ ».

Nhưng thực ra điều này chưa có gì đáng nghĩ cả vì Nnành còn những điều khó nghĩ khác thiết thực hơn.

Những người cùng làng với Nhành sau khi ở bên kia sông Sàigòn sang đắp cho mẹ Nhành ngôi mộ đã vội vã trở về. Họ coi như không còn gì ở sau lưng nữa. Còn Nhành, tuy cần sự giúp đỡ song không dám chạy theo gọi họ lại. Nhành biết từ lâu mọi người đã coi Nhành là đứa con trai không ra gì. Cho tới ngày vợ chồng bác Cả không hiểu nghĩ sao đã sang đem cái Liên về nuôi, Nhành thấy mọi người tự nhiên trở nên gần gũi với mình. Nhưng chẳng bao lâu Nhành nhận ngay ra sự gần gũi ấy chỉ cốt để mọi người nói những điều không hay cho vợ chồng bác Cả. Một trong những điều không hay ấy là việc cái Liên bị hành hạ như một đứa tôi mọi. Họ đã sốt sắng kể lại việc này như kể một chuyện kỳ lạ chỉ có họ được chứng kiến. Dường như đời họ thiếu sự sốt sắng họ khó sống được. Sốt sắng làm giầu và sốt sắng nghe ngóng, rình rập chuyện riêng của người khác để thêu dệt thành những chuyện chứa nhiều ẩn ý không tốt. Về việc làm giầu, không ai giúp được ai nhưng việc nói xấu kẻ khác, họ giúp nhau một cách đắc lực. Người ta có thể vừa là kẻ bài bác, chỉ trích người khác, vừa là cái đích cho kẻ khác chỉ trích, bài bác. Như vậy người ta tự nhiên không thấy khó chịu vì nhau cho lắm. Nhiều khi xa nhau, họ còn thấy lưu luyến nhau nữa là khác. Có người

phải đi kiếm ăn nơi xa, ngày Tết ngày nhất, vợ chồng con cái cũng dắt díu nhau về. Về để thấy những chuyện buồn hơn chuyện vui. Song họ vẫn phải về để tìm một sự bình tâm khi thấy những thứ quen thuộc vẫn còn tồn tại.

Ngay sau khi cái Liên ở với vợ chồng bác Cả, Nhành đã được nhiều tin từ bên kia sông mang tới. Cứ theo lời chị Nhiễu — một người đàn bà có thể đạp xe ba bánh chở bốn bao gạo trên con đường 15 cây số — tuy vợ chồng bác Cả có mấy người con đã lập gia đình, vẫn trơ trọi với nhau. Có hôm mấy đứa cháu nội từ Tây-Ninh về chơi, được buổi sáng bố mẹ chúng lại phải đi vì ông bà kêu ồn như cái chợ. Thực ra ai cũng biết ông bà không ưa trẻ nhỏ. Cứ nghe bà cả gọi những đứa trẻ là « nhãi này, nhãi kia » hoặc trông một đứa bé táo tợn nhất ngõ đi len lét trước mặt bà cũng đủ biết. Theo lời Hai Mẫu — một người luôn luôn chở trên xe đạp cái cần xế đựng đầy bung bóng rượu — vợ chồng bác Cả thường ăn chay niệm Phật, thường nói chuyện thương cái Liên và chuyện buôn nước mắm.

— Không sống bằng những mớ rau muống của mẹ, con bé không biết sống vào đâu. May lại còn hai bác bao bọc, chắc kiếp trước nó khéo tu.

Hai ông bà thường nói. Ông bà muốn nó ăn chay, coi nhẹ cái thân xác để kiếp sau lại có quả lành như kiếp này. Theo lời bà Bốn Nhãn — một bà cụ quanh năm loanh quanh ở các vùng phụ-cận Saigon để tầm đạo — Cái Liên kiếp trước quả vụng tu ! Rồi bà chép miệng, nói một câu như bao người khác :

— Giá con bé nhớn chút nữa, đã kiếm ăn được. Đỡ cực.

Trước những lời lẽ này, đáng lẽ Nhành không để bụng. Nhưng thái độ của người nói đã làm Nhành tin và mất bình tĩnh. Họ sốt sắng nói với Nhành nhưng lại không nghĩ mình đang nói với Nhành. Thành thực, tự nhiên, họ coi Nhành chỉ là một trong những người họ tình cờ gặp để nói một câu chuyện không ăn nhập gì đến người nói lẫn người nghe. Nhành ngạc nhiên thấy họ không giống như mình tưởng từ trước tới giờ. Nhành thường tức giận vì họ quá coi thường mình hơn là vì vợ chồng bác Cả sử tệ với cái Liên. Đã có lúc không kìm nổi tức giận, Nhành nói :

— Cháu sẽ đem em cháu về.

Thì trước mặt Nhành có ngay một bộ mặt vừa lạ lùng vừa sửng sốt.

Nhành lập tức kiếm tiền đi xe sang nhà bác Cả. Nhưng đường sang nhà bác tuy không dài lại có nhiều trắc trở. Thường khi sang tới nơi, cơn giận của Nhành đã rơi vãi trên xe Lăm-bét-ta, trên xe buýt, trên phà, có còn lại cũng chẳng được bao nhiêu. Đấy là chưa kể nhiều lúc cơn giận còn biến dạng một cách đáng tiếc. Đó là lúc trên đường tới nhà bác Cả, Nhành hậm hực nghĩ đến lời từ chối cho Nhành vay tiền, hoặc về mặt sống sượng của người lái xe Lăm-bét-ta khi Nhành kêu là học sinh để bớt một đồng cho đủ tiền đi xe buýt... Tuy vậy, trước khi gặp hai bác, nói vu vơ mấy câu chuyện, Nhành vẫn thấy mình phải nói với em rõ ý định của mình. Đến ngày mất Miên nguội đi, Nhành càng thấy việc đón em về là khẩn

hiết, Nhưng không vì thế mà Nhành có an đảm hoặc khéo léo hơn trước. Giá Nhành nói với hai bác cũng trôi chảy như với mẹ và em, thì hay biết bao. Nhành buồn rầu tự hỏi :

— Bao giờ mới có một sức mạnh hơn bộ mặt sửng sốt của người làng, hơn đôi mắt nguội của Miên để mình cương quyết đón em về ?

Và đêm đến, nằm ở trước cửa hóng gió một mình, nhìn một vì sao sáng yên lặng trong bầu trời xa thăm thẳm, Nhành thấy ngày cái Liên được trở về, kiễng chân, thò tay vào lỗ vách để kéo cái chốt cửa, tuy lúc nào cũng như ở trong mắt Nhành nhưng cũng chỉ là một ngày đẹp đẽ song yên lặng trong một thời gian xa xôi nào đó.

* * *

Nhưng rồi cái Liên cũng được về nhà đúng ý Nhành mong muốn.

Buổi sáng hôm đó, cái Liên đang cắm cúi đan mấy sợi ni-lông chợt thấy một vùng bóng đen xô đến ám trước mặt. Nó giật mình ngửng lên « a » một tiếng lớn.

Anh Nhành đứng trong khung cửa trông chật chội quá sức. Hai cánh tay anh buông thõng trần trụi, khuôn mặt sì sị vì miếng thịt thừa dưới mang tai. Tấm quần ka-ki hồi mẹ còn sống vẫn đeo đẳng anh như một cái nợ. Nó chạy lại ôm lấy tay anh lắc lắc như muốn có ý niệm về sự vững chắc. Nó mân mê từng ngón tay, nhìn từng cái nút áo như muốn đếm lại các thứ quen thuộc trên người anh.

Vợ chồng bác Cả có nhà không ?

Nhành hỏi. Cái Liên nhìn anh ngờ ngợ một sự bất thường. Nó bối rối lo lắng. Đã nhiều lần nó thấy cơn giận làm anh trở nên lúng túng, vấp váp vì những lời nói, cử chỉ gượng gạo, xa lạ. Từ cái cánh tay nhấc lên nhấc xuống đến những câu nói cố làm ra nhanh nhẹn, to tát mà vẫn luôn luôn bị ngắt bằng những tiếng « à... à... » đều làm cái Liên thấy được sự vất vả của anh.

Nó định hỏi anh một câu trước khi trả lời song cặp môi khép chặt của anh đã làm nó sợ hãi chỉ vào trong nhà :

— Hai bác ở cả trong nhà.

Nhành đảo mắt nhìn quanh rồi cúi xuống bảo em :

— Liên liệu thu xếp quần áo trước đi để về nhà. Lần nầy anh nhất định mang Liên đi, không thể trù trừ như mấy lần trước được nữa.

« Không thể trù trừ như mấy lần trước được nữa », anh Nhành lập lại như tự thúc giục.

Cái Liên ngó anh trân trối. Một lát nó ngập ngừng :

— Anh đừng làm như thế. Hai bác lại mắng em, em sợ lắm.

Nhành lấy giọng ôn tồn bảo em :

— Em đừng sợ. Anh mang em đi, hai bác còn mắng em vào đâu. Anh đã thu xếp đâu vào đấy cả rồi. Bây giờ anh đã có thể kiếm tiền cho em đi học. Anh đang nhận may quần áo cho một tiệm lớn ở Phú-Nhuận. Tiệm đó có uy tín lắm. Ông chủ tiệm đó quí anh lắm. Anh định thế này...

Cái Liên lo lắng nhìn anh nói hoài hoài không dứt. Trước ngày mẹ chết, anh đã cố nói nhiều để mẹ tin anh là người lớn, nhưng lần nào bà cụ cũng kêu lên một câu quen thuộc làm anh thất vọng : « Thôi ông ơi, ông cứ nói ma nói mãnh, ai tin được ông ». Bây giờ anh cũng cố nói nhiều nhưng lại thiết tha hơn trước. Đồng thời anh còn thêm vẻ băn khoăn và cho tới lúc dời em, vẫn còn ngập ngừng sợ em chưa thật lòng tin tưởng ở mình. Một bận, sau khi đã ra tới đầu phố, Nhành còn quay lại đứng nhìn em đong muối cho khách, rồi lại băn khoăn nhắc lại mấy câu vừa nói lúc ra về :

— Lần này không đón em về được vì anh thấy có điều bất tiện. Lần sau anh nhất định . . .

Cái Liên chỉ còn biết im lặng nghe anh, chờ lúc anh quay đi để thở một hơi dài nhẹ nhõm. Từ ngày biết anh muốn đón mình về, cái Liên thường hồi hộp mỗi khi thấy anh sang. Nó chỉ mong được ngồi với anh, nói chuyện ngày mẹ còn sống, mỗi buổi sáng mẹ dậy sớm, gánh sọt, cầm đuốc đi tới các ruộng rau muống. Nhưng anh Nhành sang đây thường có bộ mặt hoặc thất vọng vì không thực hiện nổi một toan tính hoặc tức giận vì thấy mọi người coi thường mình, vì thấy em mình luôn luôn im lặng sống chờ đợi những cơn thịnh nộ của vợ chồng bác Cả. Đã bao lần anh bảo cái Liên « thu xếp quần áo để về nhà » khiến nó vừa mừng vừa sợ. Nó muốn về với anh để được thấy ngôi nhà có tấm cánh cửa lim tấm thuốc phun muỗi, để trong những bữa cơm vừa được nói chuyện vừa ăn và nhất là để được tự do tha thẩn bên con kinh đào. Con kinh này thường xuyên đen màu đất bùn vì nước ở một nhà máy nhuộm vải đổ ra. Hai bên bờ kinh là những cây bình bát xum xuê, những bụi dừa nước rải rác, những cây so đũa cao lêu nghêu, lá thưa, hoa trắng, quả dài. Từ mỗi cái chòi nổi lên thưa thớt dọc theo bờ kinh, vươn ra một khung vó chơ vơ in bóng xuống dòng nước tối, chảy rì rì. Bên này kinh là những ao thả cá của người trong ngõ, bên kia là một rừng dừa nước và dừa ăn quả. Những buổi chiều dỗi dài Liên ngồi trước cửa nhà bác Thung nhìn sang, thấy có con cò trắng ở đâu bay về, đập cánh đậu dặp dình trên một tàu lá dừa cao nhất, xa nhất. Có lần nó đã lẩn thẩn vòng theo phía cầu xi măng để sang bên kia tìm nơi con cò đậu, nhưng tới một vùng lầy lội rộng bát ngát có cái gò mọc lên cây da cao vút, rễ phụ chằng chịt, bóng rợp cả một vùng. Cái Liên lại phải quay về vì không biết đường nào là đường đi tới rừng dừa. Một ngày gần tết, Liên cùng mẹ sang bên kia kinh thăm một người bạn hàng của bà, thấy có một đoạn kinh mở rộng trồng toàn sen, búp và hoa rất nhiều trông tươi mắt lắm. Ít lâu sau, có bữa nó chịu khó đi dọc theo suốt bờ kinh bên này nhìn sang mà tuyệt nhiên không thấy đâu. Nó hỏi mẹ, bà đáp quá mùa nên sen đã lụi nhưng nó không tin, không bao giờ ngờ rằng cả một vùng lá xanh hoa tốt như vậy chỉ trong khoảng một tháng sau lại biến hết, không còn để lại một dấu tích gì. Có đêm — cũng ngồi ở trước nhà bác Thung — nhìn ra phía bờ kinh tối mò mò, nó nghe có tiếng người rì rầm, thấy có cái đèn soi cá từ trong một chiếc ghe im lặng trườn trong tối chiếu ra. Bác Thung vốn đi nhiều nên biết đó là chiếc ghe của cha

con ông Sáu Tiên, nhà ở sâu tận trong rừng dừa, tối tối hai cha con ông vẫn dong đèn soi cá để lấy đồ nhậu với rượu để ở ngay trên ghe. Nhiều đêm, về khuya, ông uống say cất tiếng hát quấy quá nghe rầu rầu. Sau này ông chết ở cái lạch sau nhà vì chạy cháy, người con ông cũng bỏ luôn việc chèo ghe đi soi cá ban đêm. Cái Liên còn nhớ tối hôm đó trèo lên cây bông gòn đầu nhà nhìn sang ngọn lửa ma quái đột bừng bừng nổi lên soi sáng những ngọn dừa âm u, sừng sững. Những người ở bên này kinh đổ xô về phía dòng nước đen ngòm, nhìn những tàn lửa bay tản mác trước mặt nửa như gần gũi, nửa như xa xôi. Họ cãi nhau vì mỗi người đoán đám cháy xảy ra ở một nơi khác nhau. Và tới nửa đêm, khi đám cháy đã tắt, khi mặt trăng méo mó nhô trên những ngọn dừa, có mấy người còn họp nhau trước nhà bác Thung vừa đập muỗi, vừa nói chuyện về những đám cháy cổ kim.

Trước ngày người ta thi nhau mang rác ở ngoài phố đổ trộm xuống gầm cầu xi măng, đêm đêm có người đàn bà thắp đèn trên thuyền đi dọc theo bờ kinh bán chè. Tiếng rao của bà bao giờ cũng kéo dài, lẻ loi vang trên mặt nước « Ai chè đậu xanh đường cát nước dừa không » Giọng bà bao giờ cũng cất từ xa, rõ xa rồi chợt lướt qua khi thuyền rẽ nước trên khúc kinh trước nhà bác Thung và lại vẳng lên từ xa, rõ xa về vùng dưới. Ở đây ít có người ăn chè nên cái Liên không có dịp thấy được mặt người đàn bà đó. Có lần trong túi sẵn tiền, tuy muốn ăn chè song nó không dám ra phía bờ kinh một mình. Nó không thể đứng một mình trong tối, chờ một người chèo thuyền

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Những người quốc-gia 1945** tập thơ của Tạ Quang Trung, do Đại Nam Văn hiến xuất-bản và gửi tặng. Sách dày trên 40 trang, gồm 25 bài thơ, in ronéo, loại sách Bản Thảo không đề giá bán.

— **Tuyển thơ kháng chiến Pháp** (1939-1945) do J. Paulhan và D. Aury sưu tập, Thế Phong trích dịch và vào đề Việt Ngữ, Đại-Nam Văn-hiến xuất-bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày trên 40 trang, in ronéo, loại sách Bản-Thảo, không đề giá bán.

— **Rừng**, thi tuyển của những người hai mươi, do Hoa-Văn xuất-bản và Xuân-Thao gửi tặng Sách dày 116 trang gồm các bài thơ chọn lọc của Phương-Tấn, Lệ-Thùy-Lam, Xuân-Thao, Nguyễn-Dã-Thảo, Uyên Hà, Hàn-Bô, Hàn-Lệ Thủy, Mường-Sơn, Nguyễn-Phê, Yến-Nguyên-Thanh, Trăng-Thệ-Hải, Lữ-Thứ, Thương-Hoài-Diệp, Thái-Thị-Yến-Phương. Giá 28đ.

— **Bóng ai qua ngoài song cửa** tiểu thuyết của Bình-Nguyên-Lộc, do Thế-Kỷ xuất-bản và nhà xuất-bản gửi tặng. Sách dày 326 trang. Giá 74đ.

— **Bêu đầu Vua Mạc** dã-sử võ-hiệp tiểu thuyết của Hải-Âu, do Thế-Kỷ xuất-bản và nhà xuất-bản gửi tặng. Sách dày 482 trang, giá 98đ.

từ đâu tới ghé lại đưa cho mình một bát chè. Mãi tới mùa hè năm ngoái, anh Nhành về nhà « học thi » Liên mới có dịp ăn bát chè từ xa mang lại. Nó đứng bên bờ kinh tay nắm lấy tay anh, nhìn bóng tối đậm trên những tàu dừa lay động, lòng náo nức. Rồi nhiều tối liên tiếp, nó giữ nguyên một lòng sung sướng bên tiếng cười của anh, tiếng nói của người đàn bà chụp khăn kín tóc. Tiếng cười của anh ngày đó chẳng bao giờ nó quên vì hàm chứa nhiều ý nghĩa bao bọc. Sau này, khi anh Nhành lại bỏ đi, cái Liên lại thấy con kinh chảy rì rì mang nhiều vẻ huyền-hoặc. Những buổi tối ngồi trước nhà bác Thung nhìn ra phía những tàu lá dừa xào-xạc, lung lay, nó ngạc nhiên như vừa qua một giấc mộng đẹp. Những đêm ra đứng trên bờ kinh trước kia đã vụt đến vụt đi như ánh đèn trên thuyền người đàn bà chợt hiện ra rồi chợt khuất sau những lùm cây đặm màu bóng tối.

Tới ngày ở với vợ chồng bác Cả, những chuyện trên dòng nước đen ngòm bỗng mất hết tính chất thời gian, trở nên gần gũi với cái Liên. Mỗi lúc nhớ lại, Liên tưởng như đang ngắm bức ảnh gia đình đã cũ. Lòng nó lại thèm trở về thăm lại những người xưa.

Nhưng nếu có những kỷ niệm tha thiết gọi nó về, cũng có những hình ảnh đã qua làm cho nó sợ hãi. Nó coi những người bạn anh Nhành như những phù thủy trong truyện cổ. Có lần về ngủ đêm tại nhà, đến khuya, lúc mọi nhà đã đóng cửa đi ngủ, anh Nhành lại chợt thức giấc, vặn to ngọn đèn, bỏ đi như bị một tiếng gọi kỳ dị nào quyến rũ.

Đối với nó, ngoài đời sống đi học, chăn heo cho mẹ trước kia và đời sống coi cửa hàng cho bác bây giờ, nó không thể nào tưởng mình có thể sống ở một nơi nào khác, với những người xa lạ khác. Sau mỗi lần bị vợ bác Cả tát in đủ năm đầu ngón tay trên má, tuy không thể ngồi yên một chỗ mà khóc thút thít như những lần mẹ nóng, nhưng nó vẫn thấy tấm áo nâu bác mặc giống tấm áo nâu của mẹ, đôi guốc bác mang giống đôi guốc mẹ đi. Có lần thấy anh định mang mình về, nó luống cuống định nói :

— Em muốn ở đây.

Nhưng nhìn anh, nghe những lời giảng giải của anh, nó đành im lặng. Nó sợ anh nổi giận hoặc lại cố nén thất-vọng, loay hoay tìm lời nói mong em tin tưởng mình hơn. Kỳ vừa rồi, nó đã liều để chờ anh đón về, không dám nghĩ gì nữa. Nhưng nó chờ mãi vẫn không thấy anh nói với hai bác như anh đã dự-định.

Hôm đó, anh cũng nói : « Lần này nhất định anh phải mang em đi ». Rồi anh cũng gặp hai bác, cũng nói chuyện. Nhưng lại là chuyện vừa đi học vừa đi làm của anh, chuyện đám cháy ở Sông-Mao... Con bé ngơ-ngác chẳng hiểu gì cả. Sau khi anh về, bác gái gọi nó vào hỏi :

— Mày có biết anh mày sang đây làm gì không ?

Nom đôi mắt chằm chằm của bác, nó cúi gằm mặt đáp thật nhỏ :

— Con không biết.

Bác gái cười khô một tiếng :

— Mặt mày lúc nào cũng đâm xuống, mày còn biết cái gì. Nhưng cả làng người

ta đã biết. Người ta đã cười vào mặt chúng tao, già đời còn dại.

Câu sau cùng bác gái kéo dài để chồng chú ý. Ông Cả đang ngồi trên sập nghe vợ, vội cau mặt lại khó chịu :

— Dại với khôn, già với trẻ cái đếch gì. Chúng nó có khôn thì hãy mong được dại như người ta.

Ông ngừng lại một lát rồi tiếp, giọng chán ngán :

— Còn thằng Nhành, nếu nó muốn mang em nó về thì cứ mang. Nuôi em nó dễ người ta ăn bạc thước.

Ông Cả vừa dứt, bà Cả đã giật giọng, nói như xé. Bà kêu trời hỏi tại sao đến bây giờ bà còn gặp phải cái thằng « ranh con » vô ơn bạc nghĩa như anh Nhành. Bà bảo nếu bận sau, anh Nhành còn lai vãng tới đây thì biết mặt bà.

Sau khi hai bác nói đã hả, cái Liên ra ngồi nuốt nước bọt ở ngoài hàng. Nó nhớ lại chuyện học hành thi cử, chuyện cháy ở Sông Mao lúc sáng giữa anh và bác Cả. Sao lúc đó hai người có thể vui vẻ với nhau như thế được ? Nó tuyệt nhiên không thấy anh nhắc gì đến việc mang mình về. Anh cũng không hề cau có với hai bác như lúc mới đến cửa tiệm. Thế sao hai bác lại rõ ý định của anh ? Nó thấy điều này khó hiểu vô cùng. Mãi đến mấy hôm sau nó mới hiểu mang máng được câu chuyện. Dường như trước hôm anh đến đây, anh đã gặp một người làng nhắc lại câu nói của bác Cả trong một buổi mua hụi : « Thằng đó như con gà tồ. Mười chín, hai mươi tuổi đầu mà ngô nga ngô nghê như đứa mười ba, mười bốn ». Vì vậy, anh đã hấp tấp qua sông. Nhưng khi vừa gặp bác Cả, bác đã bảo Nhành :

— May quá, bác đang cần làm tờ trình để xin phép hội họp bà con ăn giỗ tổ thì cháu đến. Vào nhà uống nước, rồi làm giấy mang ra phường xin chứng nhận cho bác.

Thế là Nhành lại im lặng suôi chiều như những lần trước. Rõ chuyện này cái Liên lại càng ghê sợ những người quen anh. Dường như sau khi nói tới hoàn cảnh cái Liên, họ chỉ cần nhếch mép cười cũng đủ làm anh mất bình tĩnh. Nhất là với vợ chồng bác Cả, những nụ cười bao giờ cũng như những tiếng mỉa mai sự bất tài của Nhành. Vì vậy mỗi lần đối diện với tiệm tạp hóa, Nhành thấy mình đối diện với sự chế giễu. Anh buồn rầu nhìn cái bóng nhỏ bé của em ở sâu trong tiệm, cùng ở một chỗ với hai bác để có cùng một hướng nhìn ra phía mình.

* * *

Sau lần bị gọi vào mắng. Cái Liên càng thấy sợ hai bác. Những bữa cơm trước kia nó đã phải nhai thật êm để hai bác khỏi nghe tiếng « chép chép » trong mồm nó, bây giờ nó lại cúi mặt thường xuyên để khỏi bắt gặp đôi mắt của bác gái. Đã bao lần, đôi mắt lạnh lùng này đã làm nó sợ. Bây giờ nó càng sợ thêm vì vẻ dò xét theo dõi. Có nhiều lần đang ngồi lúi húi đan mấy sợi ni-lông, nó chợt ngửng lên, thấy đôi mắt đó im lặng sau tấm lưới sắt chăng sau tủ kính. Việc này xảy ra thường xuyên đến nỗi khi tới gần tấm lưới sắt, con bé đều cúi mặt xuống như vẫn thường làm trước mặt vợ bác Cả.

Sau này nó mới biết bác sợ nó ăn cắp tiền bạc hoặc đồ gì quí giá để đi theo anh Nhành. Nó không biết nói sao để bác bỏ lòng ngờ vực. Ý nghĩa ở sau lưng mình lúc nào cũng có một bóng người im lặng theo sau làm nó tê bại vì sợ. Nó buồn rầu, bắt chước anh Nhành, nghĩ thầm bác gái là « một thứ xã hội ». Từ ngày mẹ chết, nó thấy anh hay đả động đến hai tiếng này lắm. Nó tưởng như xã hội là người bà con giầu có, thấy mẹ nó chết, không day mặt nhìn hoặc là tên một người bạn cũ của anh Nhành, bây giờ đã có bằng cấp cao, không muốn nhận anh là bạn nữa. Sau này, khi thấy vợ anh Chín bỗng kêu lớn ba tiếng « đồ Sở Khanh » rồi bỏ đi, nó cũng nghĩ chị là « một thứ xã hội » Và đến nay, không còn biết mô tả sự hành hạ của bác Cả gái thế nào cho đúng, nó đành bằng lòng kêu bác là « một thứ xã hội « vậy. Thứ xã hội này đã nhìn nó bằng con mắt quá đơn giản ; anh nó muốn đón nó đi, vậy phải coi chừng nó kẻo nó ăn cắp rồi bỏ trốn đi một cách bất ngờ.

Lần này thấy anh sang, nó vẫn tưởng như mọi lần, anh đến với khuôn mặt giận dữ nóng nảy rồi anh lại về với sự áy náy, băn khoăn. Không ngờ anh đã làm dữ ngay khi gặp bác Cả gái. Khi anh vừa bước vào trong, em bé đã giật mình nghe tiếng bác la :

— Đứa nào có cắm trên đầu năm mươi lá cờ cũng không mang nổi cái Liên đi.

Rồi tiếng bác lan tràn không dứt và thỉnh thoảng lại có những tiếng run run « tôi... tôi... » của anh Nhành xen kẽ. Tới lúc nó nghe tiếng bác Cả át vợ đi cũng là lúc anh Nhành hấp tấp bước vội ra. Nó sợ hãi, hơi ngả người ra sau, trừng trừng nhìn bộ mặt nhễ nhại mồ hôi của anh. Nó rùng mình khi anh nắm chặt lấy tay nó, nói hổn hển :

— Đi về, Liên. Không cần ở đây một phút nào nữa.

Anh lôi nó sềnh sệch ra ngoài cửa. Nó khóc òa lên. Hai bên đường có nhiều người làng chạy ra xem. Nhành mím môi kéo em như chạy.

* * *

Khi đã sang Sàigòn, ngồi trên xe buýt, Nhành mới lấy được bình tĩnh.

— Thế là xong.

Nhành tự nhủ. Mối liên lạc với bà con từ nay kể như đã dứt khoát, không ai còn khinh ai được nữa. Riêng với vợ chồng bác Cả, Nhành tuy không hãnh diện vì mình giỏi hơn « người cắm trên đầu năm, mười lá cờ » nhưng Nhành đã vừa xử với họ như một người lớn. Nhành biết mình nóng nảy, đã cố tránh sự xô xát mà người ta không chịu.

Nhưng bây giờ, Nhành cũng mới chợt nhận ra mình đã có nhiều lầm lẫn. Nhành đâu có còn lòng dạ để nghĩ tới lúc em về, kiễng chân, thò tay vào lỗ tường mở cửa, tới lúc mời mấy người bạn tới nhà dùng cơm, tới điều khó nghĩ vì không biết có nên mời Miên tới dự. Vì Miên đã vĩnh viễn xa Nhành.

Miên đã bỏ Nhành vì một cớ giản dị như khi Miên yêu Nhành. Trước kia Miên đã yêu Nhành vì Nhành biết đến cái cầu thang tự động ở rạp Rex, bây giờ, Miên đã bỏ Nhành vì một đôi guốc Nhành chưa có tiền mua. Nhành còn nhớ

đôi mắt Miên nhiều lần nhìn Nhành thật nguội, còn nhớ lời mình định nói những khi đó : « Đừng nhìn tôi như thế. Tôi có thể cưới Miên cũng như đón cái Liên về ». Vì Nhành chưa nói được như vậy, nên hôm qua Miên đã phải nói với Nhành câu Miên nghĩ từ lâu : « Tôi biết tôi đã lầm. Anh có bao giờ mua được cho tôi đôi guốc cũng như có bao giờ anh đón được cái Liên về ». Sau câu nói của Miên, Nhành đã lang thang khắp Saigòn, trong túi vẻn vẹn mười đồng bạc, số tiền không đủ để đi đón em về.

Nghĩ lại chuyện vừa qua, Nhành bậm môi nắm chặt tay em. Cái Liên kêu một tiếng sẽ. Nhành ái ngại nhìn em nói :

— Về nhà, sớm tối có anh có em, anh đỡ thấy buồn. Em còn ở bên ấy, còn nhiều người coi thường anh. Đến cái Miên cũng còn coi anh chẳng ra gì.

Cái Liên nắm chặt lấy tay anh, nhớ lại những lần anh nhắc tới chị Miên ở trước tiệm tạp hóa. Từ ngày mẹ chết tới giờ anh Nhành vẫn chưa phải là người lớn mà lại ôm đờm cả tình yêu chị Miên, cả tình thương nó, tránh sao anh chẳng lúng túng, vất vả. Nó ngửng lên nhìn anh, chỉ thấy cái má phì phị miếng thịt thừa. Yên lặng, nó quay ra, chăm chú theo dõi người bán vé đang đứng ở cửa sau xe, xua mấy đứa bé không tiền chạy xuống. Nó nhớ khi mới lên xe, anh Nhành ngần ngừ một lát rồi hỏi nó :

— Liên có đồng lẻ nào đó không ?

Nghe anh hỏi, nó bối rối ra mặt. Nhìn mặt em, Nhành biết đó là câu trả lời rõ ràng nhất. Anh vội làm bộ thản-nhiên bảo :

— Không có cũng chẳng sao. Đây còn đủ tiền mua vé cho anh. Còn em, anh sẽ nói với người bán vé. Người ta chẳng nỡ làm khó mình đâu mà sợ.

Cái Liên lo lắng hỏi :

— Thế thì còn tiền đi xe Lăm-bét-ta về nhà ?

— Khỏi lo. Các chủ xe quen anh cả.

Lúc Nhành nói câu này, Liên thấy yên tâm. Nhưng bây giờ, nhìn những đứa bé bị đuổi xuống xe, nhìn vẻ mặt khó chịu của người bán vé với những tiếng nạt : « xuống mau ! », nó hồi hộp chờ người đó tiến lại phía mình.

— Giá mình tàng-tật để người ta trông thấy cái tay què hay cái chân cụt của mình, người ta sẽ thương mình mà chẳng nỡ đuổi xuống xe.

Nó nghĩ thầm.

ĐÍNH CHÍNH

Vì sự sơ xuất của chúng tôi nên có một số báo trong đó đầu bài « Lịch sử Triết lý Zen ở Nhật Bản » đã sắp lầm là « ở Ấ*s*-Độ » Mong bạn đọc sửa giùm cho đúng, chúng tôi xin có lời cáo lỗi.

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bách.Khoa vừa nhận được :

— Già nuôi (Yên - Trường) Người trai xứ Thượng — Ba buổi chiều vui (Đức-Trung) Dạ-khúc — Nhắn về... (L.Đ. Phạm-Phú) Tiếng hát Giòng Sông... (Đinh-Trường-Giang) Một hài nhi qua đời (Đinh-Vũ) Trời quê hương... (Nguyễn-Xuân-Bích) Tâm sự một ngày... (Du-Tử-Lê) Thèm biển (Trường-Thủy) Dạ Khúc buồn I (Hoàng - Lan — Nguyên - Thi) Em đợi mùa Thu (Như-Thảo) Ngàn năm một thuở (Chu-Minh-Thụy) Luống biển I... (Mạc - Vân H.V.T.) Nửa đêm em về.., (Nguyễn-Khoa Í) Nghĩ về em. (T.T. Nhất-Phương) Thu ca (Trần-Hoan) Lời thú tội của kẻ quay về — Châu - Dung Ngọc-Lan (Thư Nhất-Phương) Hoài niệm — Lên đường (Nguyễn - Đức - Dũng) Mùa ngâu chim bay (Nguyễn-Phù-Vân) Người yêu... (Nguyễn - Phi - Tấn) Tiếng kêu vô vọng (Tấn-Vũ) Miền u tối (Nguyễn - Bá - Phụng) Phố cũ hè xưa (Thạch-Nguyên-Hà) Nguyện Cầu (T.P.H) Bài thơ hôm nay... (Quang-Thành) Người mắt biếc trời Tây (Nguyễn-Ngọc-Thuận) Bài anh hỏi chị... (Tương-Quân) Đưa em vào giấc ngủ (Tào-Kh-Phương) Bão biển (Hoài-Cung) Đóng ngoặc (Lê-Huy-Ngoạn)

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

**

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane**

Protoxyde d'Azote — Argon etc...

● *Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.*

Installations de gazothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

BÁCH-KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA DÀI HẠN

Phương danh độc giả_____

Địa chỉ_____

Thời hạn mua (1)_____ bắt đầu từ_____

Thể thức trả tiền_____

_____ *ngày* ____ *tháng* ____ *1962*

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm :	200 $
6 tháng :	100 $

● Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 200 $, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 $ (22 số thường 220 $ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 $ = 260 $)

● Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn qnen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

---

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gởi bưu phiếu.

Dầu nhớt giữ máy xe luôn luôn sạch-sẻ

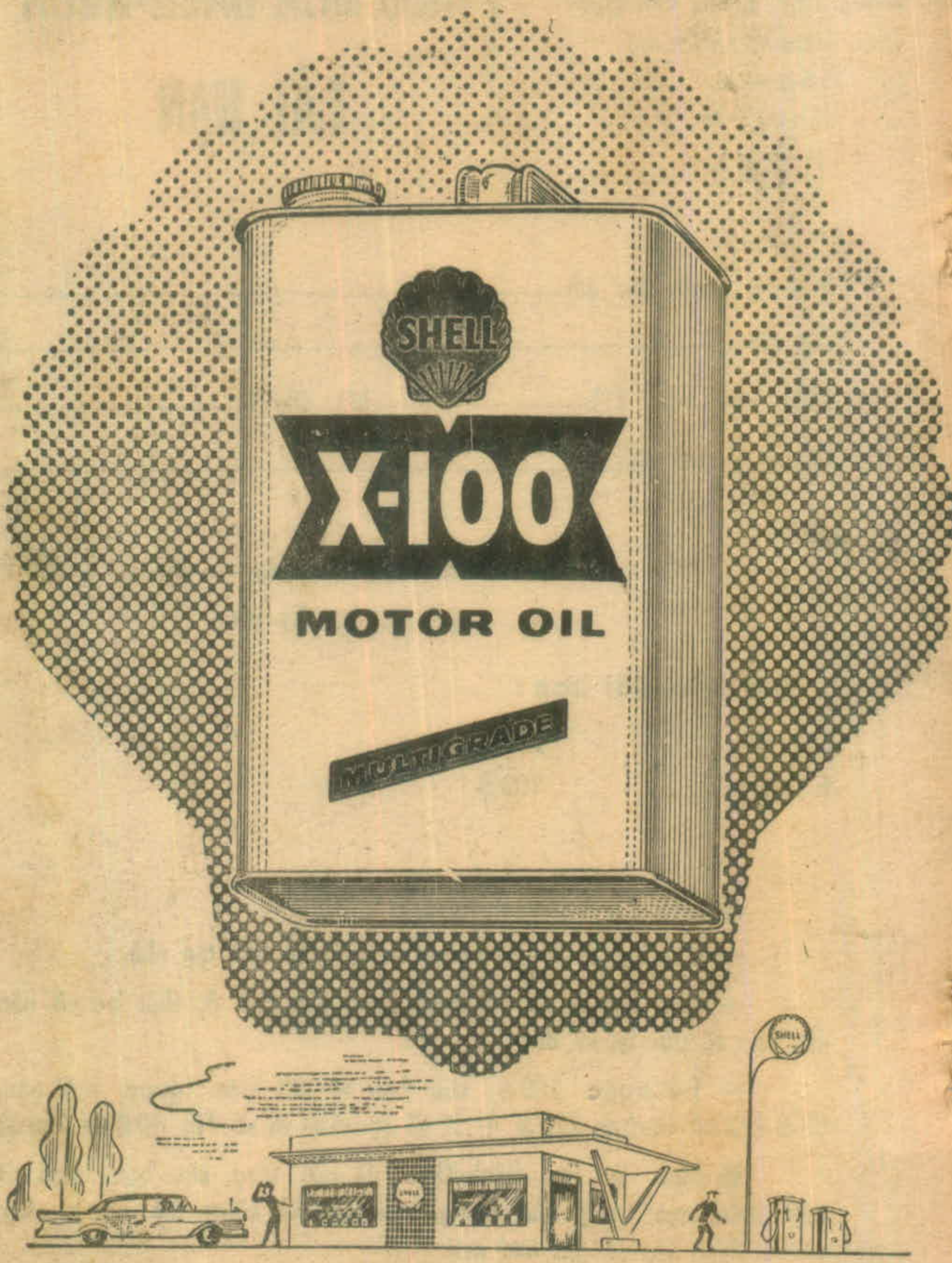

hơn **50** năm tại Việt-Nam

SHELL

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ẤM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có

NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HÕA TIỄN"!

Cigarettes

VIRGINIE

Kiểm duyệt số 122 K.D ngày 30-8-63

Quản-nhiệm : HUỲNH-VĂN-LANG

Chủ-nhiệm :

Tòa Soạn

160, Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Dây nói : 25.539

In tại VĂN-HÓA ẤN-QUÁN

412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$

Công sở : 15$